

160
Indoch
228

P. N. KHUÉ

DEPT LEAN
INDOCHINE
N° 24847

42

NGHI LỤC

«SUC KHOE MOI» III

tiên luận

428



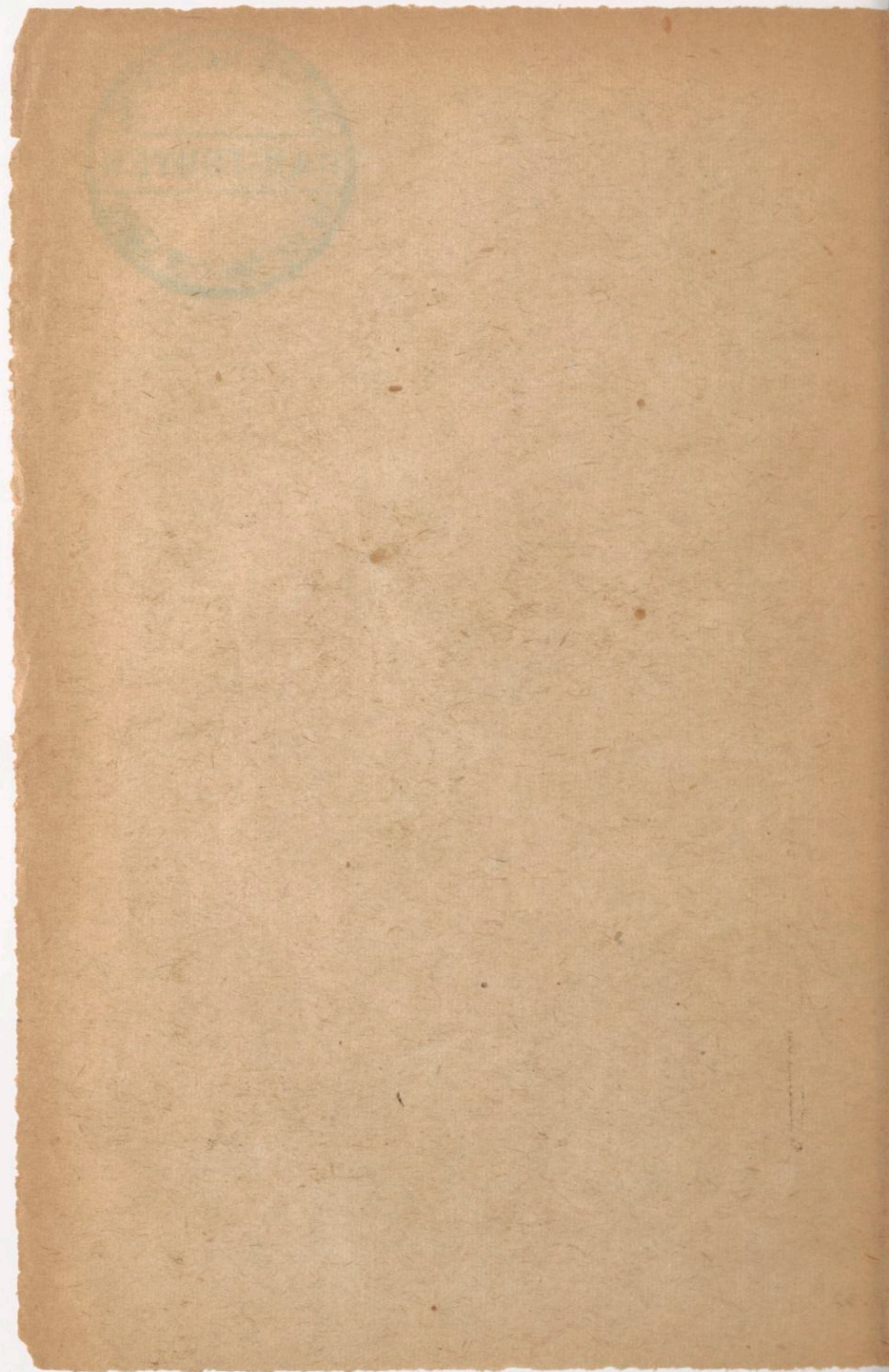
HÀN THUYỀN

NGHĨA

TRƯỜNG KHỐI MỘT

1954





NGHI-LỰ'C

160 Indoch

H28

BỘ « SỨC KHỎE MỚI »

của P. N. KHUÊ

(gồm có mười hai quyển)

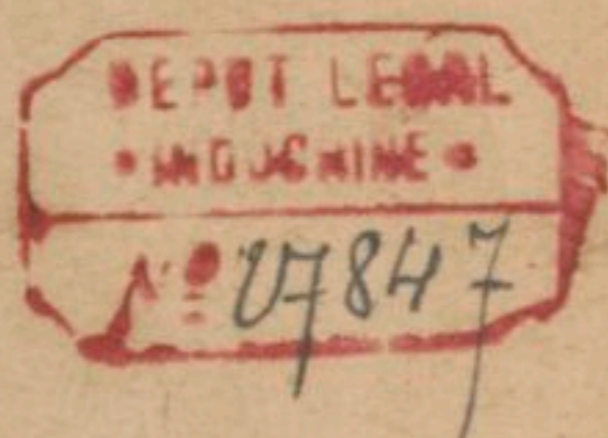
Phần thuyết-lý

- I. — MỘT SỨC KHỎE MỚI (*đã xuất bản*)
- II. — NGUỒN SINH LỰC (*đã xuất bản*)
- III. — NGHỊ-LỰC (*đã xuất bản*)
- IV. — YÊU ĐỜI (*Sắp xuất bản*)

Phần thực hành

- I. — ĂN UỐNG
- II. — THỞ
- III. — VẬN-ĐỘNG
- IV. — TINH-LỰC
- V. — HUẤN-LUYỆN THẦN-KINH
- VI. — NGHĨ
- VII. — CẢM-XÚC
- VIII. — HÀNH-ĐỘNG

P. N. KHUÊ



NGHI-LỰC

« SỨC KHỎE MỚI » III



HÀN THUYÊN XUẤT BẢN

71, Phố Tiên Tsin — Hanoi

1882

G. H. J. C.



82

82

MỤC-LỤC

	trang
Loi noi dau	9
PHẦN THỨ NHẤT	
I. — <i>Thế nào là yếu?</i>	15
II. — <i>Những con thiêu thân</i>	26
III. — <i>Những cái chong chóng</i>	36
IV. — <i>Những con vẹt</i>	46
V. — <i>Những bồ nhin</i>	58
VI. — <i>Cái tội yếu</i>	67
PHẦN THỨ HAI	
I. — <i>Ba phép tu thân</i>	75
II. — <i>Luyện ý chí</i>	82
III. — <i>Lập chí hướng</i>	95
IV. — <i>Bồi bổ xác thịt</i>	109
V. — <i>Những con đường cụt</i>	119
PHẦN THỨ BA	
I. — <i>Nghị lực</i>	129
II. — <i>Giác ngộ</i>	141
III. — <i>Khôi phục sức khỏe</i>	155
IV. — <i>Đi tìm nguồn sống</i>	171
V. — <i>Giải phóng sinh lực</i>	184
KẾT LUẬN	201



MUSEUM

1942

1942

NGHỊ LỆC CỦA P. N. KHUÊ, IN XONG TẠI
NHÀ IN HÀN-THUYỀN, NGÀY 30-4-42 NGOÀI
NHỮNG BẢN THƯỜNG, CÓ IN THÊM 5 BẢN
ĐẶC BIỆT GIẤY NHIỀU SÔNG THAO, ĐÁNH
DẤU TỪ K. I ĐẾN K. V, CÓ CHỮ KÝ CỦA TÁC-
GIẢ. NHỮNG BẢN NÀY ĐỀU KHÔNG ĐỂ BÁN.

10	...
20	...
30	...
40	...
50	...
60	...
70	...
80	...
90	...
100	...
110	...
120	...
130	...
140	...
150	...
160	...
170	...
180	...
190	...
200	...

Loi noi dẫu

Chúng ta thường hay cho là hoàn-cảnh gây nên mọi nỗi đau-khổ. Và luôn luôn, chúng ta lo thu-xếp cho chúng ta một địa-vị thực là thuận-tiện, thực là êm-ái, thực là vừa lòng. Chúng ta sợ đói rét, sợ lằm-than, sợ bệnh-tật, sợ tang-tóc, sợ thất-bại, sợ cô-độc, sợ những sự thử-thách đột-ngột sảy đến... Cuộc đời chúng ta là một chuỗi ngày chờ đợi, tâm-hồn chúng ta là một bản đờn hải-hùng loạn nhịp.

Có những trường-hợp thật khe-khắt mà nghịch-cảnh lột hết sức-lực và trách-nhiệm của ta. Đó là những cảnh-huống bi-đát nhất của kiếp người, tác giả không lạm bàn đến trong quyển sách nhỏ này.

Nhưng khi ta còn giữ được lòng muốn sống, còn nhận thấy quyền được sống, khi ta chưa chịu đầu hàng, thì những nghịch-cảnh, sớm hay chầy, sẽ phải tan-vỡ.

Bởi vậy, cái quan-hệ ở đời nhiều khi không phải là hoàn-cảnh, mà là sinh-lực.

Cái tai-ách độc-địa nhất, cái tai-ách nó làm cho chúng ta hèn-nhát nhất, khổ-sở nhất,

khốn-nạn nhất là cái tình-trạng của một người chiến-bại hết chí p**h**ấn-đấu, thiếu can-đảm để chịu đựng, cạn sức-lực để cố sống.

Tuyệt-vọng đến bỏ liều cuộc đời cho số-mệnh lôi đi, đó mới là đại-nạn; đó mới là con đường về cõi chết, đen-tối, lạnh-lùng và bần-thiêu.

Tất cả chúng ta, nếu còn đủ thông-minh để nhận-xét, nếu còn đủ khí-phách để ph**h**ấn-uất, đều có quyền, có bổn-phận phải đề-phòng phải xua-đuổi, phải trừ-tiệt cái th**h**ảm-trạng ấy.

Bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, cái việc ấy cũng có thể làm được và phải làm cho được.

Dù bệnh-tật, hay tội-lỗi, hay tai-nạn có rầy-vò ta đến đâu đi nữa, khi mà ta còn c**u**ỡng lại, tức là ta có cơ thắng rồi đó. Đừng bao giờ cho là mình yếu rồi, kiệt rồi. Biết đâu? Trong chốn sâu th**h**ẳm của con người, một nguồn sinh-lực mãnh-liệt vẫn tiềm-tàng chờ đó. Và một vũ-trụ vô-cùng linh-động vẫn rào-rạt quanh mình để lôi cuốn mình vào cái nhịp điệu tung-bùng của muôn vật. Trên bờ thất-vọng, h**h**ỡi bạn đau khổ, hãy d**h**ăm gót, dừng chân lại. Đừng chịu thua, chịu khổ, chịu chết trước khi tim ngừng đập, trước khi phổi ngừng thở.

Chiến-đấu là sống rồi. Chiến thắng là phần-thưởng của những người gan-góc ; hạnh-phúc là hào-quang của những người yêu đời và tin ở sức sống.

Nếu bạn đang bực-rọc, đang bấn-khoăn, đang chán-nản, thì, hơn ai hết, bạn cần phải thực-hành cái chân-lý bất-diệt ấy, mà tự muôn đời nay, vũ-trụ và lịch-sử luôn luôn tô lại những màu rục-rỡ.

* * *

Quyển sách này dựa vào một dụng-ý hoàn-toàn thiết-thực.

Trong *phần thứ nhất*, tôi sẽ đem trình-bày những trạng-thái thông thường của những người bất-lực đứng trước cuộc đời, và dò xét những căn-nguyên của từng trạng thái. Mục-đích là để cho ai nấy thâm-cảm một cách chua-xót thấy cái bi-kịch của những kẻ bại-vong và cố tránh những con đường đưa tới đó.

Trong *phần thứ hai*, tôi sẽ căn-cứ vào những kết-quả hiển-nhiên để phê-bình những phương-pháp mà chúng ta thường dùng để rèn-luyện ý-chí, để chau-rời nghị-lực. Những phương-pháp ấy toàn dựa vào những lý-thuyết mơ-hồ đã gây nên nhiều mối hại cho những người không đủ sáng-suốt để tự hướng dẫn, hay không đủ hăng-hái để

theo đuổi mục-đích của mình.

Trong phần thứ ba, vì không phục những phương-pháp sai-lầm trên kia, tôi đi tìm một con đường thích-hợp để vượt ra ngoài cái vòng luẩn-quần của những người đuổi sức và nhân đó, định lấy một vài qui-tắc cho một cuộc đời hoạt-động phóng khoáng.

Chủ-định của tôi không phải là nghiên-cứu tỉ-mỉ một vấn-đề rất phức-tạp thuộc về sinh-lý, tâm-lý và xã-hội: vấn-đề nghị-lực và ý-chí.

Quyển sách nhỏ này chỉ ghi lại kinh-nghiệm của một người đã từng đau-khổ và phấn-dẫn để thiết-lập một đời sống hữu-dụng. Tất nhiên là ở trong đây có nhiều khuyết-điểm. Nhưng nguyện-vọng chân-thành của tôi là khích-lệ được đôi chút cho những người cùng cảnh-ngộ, dự một phần vào cái việc tập-trung lại những sinh-lực đang tản-mác và giữ vững những sinh-lực đang bồng-bột tiến-thủ.

Mục đích ấy có đạt được hay không, một phần lớn cũng do ở sự cố-gắng tự-cường của bạn độc-giả đó.

Hanoi 1-1-42

P. N. KHUÊ

PHẦN THỨ NHẤT

^D
J. O. R. F.

29/7/1899.

CHU'ONG I

Thế nào là yếu ?

Có những hồi mà một tử bạc, một mảnh bằng, một cái ái-tình đã được nâng lên địa-vị một thần-tượng cho cả một thế-hệ. Những thứ « hạ-đẳng thần » ấy đã lôi kéo chúng ta vào những tấn trò hoặc gay-gắt, hoặc lỗ-bịch, hoặc bi-sầu. Xã-hội đã làm phong-cảnh cho những cuộc sống nhỏ-nhen, nông-nổi và nhạt-nhẽo.

Cho đến ngày nay, trong làn khói lửa chiến-tranh đang bao-trùm thế-giới, những thần-tượng giả-hiệu kia cùng rủ nhau đổ nhào một lượt. Ngày nay, chúng ta không lo nghèo nàn, không cần hiếu-danh, không sợ hiu-quạnh.

Lý-tưởng của chúng ta ngày nay là *sức-khỏe*. Đó mới là báu-vật, có liên-lạc mật-thiết

đến sự sống của tất cả mọi người. Một người không có sức khỏe là một người khốn-khổ nhất, vì hẳn không còn bầu vùi vào đâu mà sống được nữa.

Chúng ta ai cũng muốn khỏe, ai cũng sợ yếu. Tuy nhiên, thường ít người hiểu rõ thế nào là khỏe, là yếu. Phần đông chỉ chạy theo một mẫu người hùng đã phác-họa ra trong tiểu-thuyết và tự thúc dục mình rập theo khuôn ấy.

Đó không phải là vun cây tự gốc, khai sông tự nguồn, đó không phải là phương-pháp hiệu-nghiệm để thực-hành sức-khỏe.

Bởi vậy, là những người đi tìm sức khỏe — là những người yếu — chúng ta phải bắt đầu từ chỗ phải bắt đầu, nghĩa là tự con người của chúng ta, tự đời sống của chúng ta, tự những cái khuyết-điểm nó làm cho chúng ta đau-khổ và ao-ước.

* * *

Hằng ngày, thường khi nói đến sức khỏe chúng ta chỉ nghĩ đến thân-thể. Người ít tuổi muốn có bắp-thịt nở nang; người đứng tuổi lo cho bộ sinh-dục, người già lo cho bộ tiêu-hóa. Ta muốn có ngay một cách tập-võ thần-hiệu hay một bài thuốc bổ để đạt mục-dích.

Rất ít người quan-tâm đến sức mạnh của tình-cảm, của ý nghĩ; rất ít người lo rèn luyện bộ thần-kinh là cơ-quan cốt yếu chi-phối cả sự sinh-hoạt của thân-thể và tâm-hồn.

Đó là một điều lầm.

Sức khoẻ của thân-thể vẫn là cần. Nhưng không đủ. Thân-thể tự nó không đứng vững được. Trong cái ăn, cái ngủ, cái chơi .. nó hay bước đi quá độ, đi đến chỗ bại hoại. Nó lại còn phải chịu ảnh-hưởng trực-tiếp của những dục vọng ngu-xuẩn, những tình-cảm gay-gắt những ý-nghĩ đen-tối. Những thứ này có thể làm cho nó ốm được, chết được. Chỉ săn-sóc đến sức khoẻ của thân-thể và sao nhãng sức-mạnh tinh-thần, tức là giao-phó cái vận-mệnh của mình cho cái phần người rất nông-nổi và mù-quáng: thân-thể.

Vả chẳng, cuộc đời của loài người sẽ eo-hẹp, sẽ tụt-tiểu biết chừng nào, khi cái phần người mà ta nhận là thanh-cao nhất lại không được vun-trồng một cách chu đáo? Chúng ta thường tự-phụ là một dân-tộc bốn nghìn năm văn-hiến, chuộng tinh-thần (?) và khinh vật-chất (?), vậy mà đời sống của chúng ta từ xưa đến nay chỉ quanh-quẩn ở trong một khuôn-khổ xã-hội

rất chật-hẹp nó bóp chết sự phát-triển khoáng-đạt của mỹ-thuật, văn chương, tri-tưởng, tôn giáo. Phải chăng là ta đã coi thường cái phần hồn của chúng ta?

Thực ra, ở người mình, hai tiếng tinh-thần chỉ có nghĩa là *một thói quen nô lệ cho những phép-tắc độc-đoán của một xã-hội bị đầu-độc bởi những thành-kiến sai lầm.*

* * *

Theo khoa-học ngày nay, con người chỉ là một cái máy, nhưng là một cái máy đầy-đủ. Ngoài cái phần thân-thể rất phức-tạp, rất tinh-vi mà các nhà bác học đã mổ-sẻ phân-tách ra để soi-sét từng-li từng tí, lại còn cái phần tâm-hồn gồm có những dục-vọng, những cảm-giác, những tính-tình, những tư-tưởng. Cái phần này lại còn phiền-phức, còn huyền-diệu, còn bí-hiềm gấp mấy mươi lần. Biết bao nhiêu nhà triết-học, đạo-học, biết bao nhiêu thi-sĩ thâm-trầm đã hy-sinh cả hạnh-phúc và đời sống của mình mà cũng không biết đâu dò hỏi cho đến bờ bến, đến nguồn gốc của tâm-giới.

Chúng ta lấy làm lạ tại sao một người lại có thể phát-diễn được vì một tư-tưởng, tại sao một tình-cảm lại có thể làm đảo-

lộn được một kiếp người, tại sao một chủ-nghĩa lại có thể lôi cuốn được cả một dân-tộc? Đó là tại chúng ta không nhận thấy, không cảm thấy cái mối liên-quan mật-thiết của thân-thể và tâm hồn.

Cả hai phần ấy cùng chuyển động luôn luôn, và ảnh-hưởng qua lại lẫn nhau không lúc nào ngắt. Ở một người đầy-dủ, thân-thể và tâm-hồn chung-đúc lại thành một khối. Hoàn-cảnh bên ngoài không thể nào khích-thích một phần người mà lại không động đến phần kia. Những tính cách của tâm hồn phát hiện ra trên hình-hai, và tâm trạng của mỗi người chúng ta đều biến theo cái phản-ảnh của cuộc sinh-boạt trong cơ-thể.

Sở dĩ hai phần người ấy có thể kết-hợp lại thành một bộ máy linh-hoạt như thế, là vì có một động-lực chung nó điều-khiển cả hai. Động-lực ấy là sinh-lực (1).

Đối với khoa-học ngày nay, sinh-lực còn thuộc vào một giả-thuyết. Cái giả-thuyết này, tuy chưa được công-nhận hoàn-toàn, nhưng cũng không ai đánh đổ được. Vì người ta có thể dựa vào đó để biểu được những hiện-tượng sinh-lý rất ly-kỳ mà khoa-học không

(1) Xem cuốn Nguồn sinh-lực của P. N. KHUÊ

NGHI LỰC

giải được. Ví dụ sự hạt thóc trở ra cây lúa, sự quả trứng nở ra con gà. Và khi ta nói đến sức mạnh của bắp thịt, sức mạnh của trái tim, sức mạnh của khối óc, ta phải hiểu đó là ba cách phát-hiện khác nhau của một nguồn sinh-lực chung. Chính vì thế mà một người quá thiên về tri-thức thì tình-cảm thường khô-khan, một người ham sống bằng thể-chất quá dễ sinh ra thô-bỉ, và một người dễ cảm-động quá thì kiến-thức thường hẹp-hòi. Vừa có thừa sức để làm một lực-sĩ, vừa có thông-minh để làm một nhà bác học, vừa thừa tình-cảm để làm một thi-sĩ, phải là một người rất giàu sinh-lực, một thiên-tài đặc-biệt. Số người đó rất hiếm. Thường thường sinh-lực chỉ phát-triển mạnh về một phía: thiên về tri, sinh-lực đào-tạo ra bậc thánh, bậc trí giả; thiên về tình, sinh-lực đào-tạo ra bậc hiền, bậc nhân giả; thiên về hành-động mãnh-liệt, sinh-lực đào-tạo ra bậc anh-hùng dũng-cảm. Tư cách của mỗi người chúng ta chỉ là kết-quả của Sinh-lực thiên-nhiên đã pha trộn nhào nặn những tính chất di-truyền, những ảnh-hưởng của giáo-dục gia-đình và xã-hội, và những tác-động có ý thức của riêng chúng ta.

Bởi vậy cái cột-trụ, cái động-cơ của đời sống là *Sinh-lực*. Không nhận thấy cái

điều cốt-tử ấy, thì không thể nào hiểu được mình là cái gì, tại sao mình yếu, và làm thế nào cho khoẻ được.

* * *

Một điều quan-trọng nữa là phải nhận ra cái ý nghĩa xác-đáng của sự sống. Tôi nói ý-nghĩa chớ không phải mục-đích. Thường thường người ta vẫn gán cho đời sống một mục đích tùy theo cảnh-ngộ và tâm-tinh từng người. Người thì cho là sống để tìm những khoái-cảm, người thì cho là để gây một sự-nghiệp, người thì cho là để làm một bổn-phận, để theo một lý-tưởng vân.vân... Định cho cuộc đời một lẽ sống như thế, thực là thiên lệch, cố chấp, hẹp-hòi. Đã đành là mỗi người có một hay nhiều ước vọng muốn làm thỏa-mãn. Nhưng những ước-vọng ấy không phải là mục-đích của sự sống. Sự sống không có mục-đích. Tự nó đã là cứu cánh cho nó rồi. Sống là đủ rồi.

Nhưng sự sống có một ý nghĩa, có tính-cách đặc-biệt của nó, Những ước-vọng riêng của ta chỉ là những điều-kiện cần-thiết để đạt cái ý nghĩa ấy, cái tinh cách ấy. Chưa đi được tới đó là đời sống của ta còn non-nớt, còn nông-nổi, chưa thể gọi là sống được.

Vậy sự sống là gì ?

Là một cuộc chiến-đấu kịch-liệt và không ngừng của sinh-lực ta chống lại với sự chết.

Ở ta và ở xung quanh ta, cái chết lúc nào cũng chỉ lăm-le phá-hại thân-thể và tâm-hồn ta và ngăn trở không cho phát triển ra được.

Ở ta, có những chất độc và vi-trùng đã lọt vào, và nguy-hiêm hơn nữa là những tính-tinh dở-dang, những tư-tưởng sai lầm nó kết-tụ lại thành một bản-ngã dày-đặc để giam-hãm sinh-lực.

Ở ngoài, ta phải cày ruộng, may áo để khỏi bị đói rét, ta phải coi chừng thú-vật nó có thể cắn xé hoặc phun nọc độc cho ta ; ta phải chống-cự, khuất-phục và điều-khiển những sức mạnh thiên-nhiên như gió, nước, lửa, điện, ta lại còn có khi phải đối đầu với đồng-loại để giữ-gìn hay dành-dặt lấy phần sống của ta.

Trong cuộc xung-xát đầy-rẫy của Sống và Chết, cái mệnh của ta như treo bằng sợi tóc. Cuộc chiến-đấu ngừng là ta chết. (1)

Trong khi đi tìm sức khỏe, cần phải nghiên-ngâm, phải thực-hành hai cái quan-niệm

1) Xem ở cuốn Một sức khỏe mới của P. N. KHUÊ

thiết-thực về người và về sự sống trình bày ở trên đây.

Người ta là một sức-mạnh (sinh-lực) luôn luôn chiến-đấu với những sức mạnh khác của vũ-trụ. Hoàn-cảnh (bên ngoài và bên trong) công-kích cái « máy người » luôn luôn. Cái tốc-độ của bộ máy người luôn luôn thay đổi tùy theo sự công-kích ấy.

Khi nào sức linh-hoạt của nó không bị ngưng-trệ, ta cảm thấy ta là một kẻ đắc-thắng. Ta điềm-tĩnh, nhẹ nhàng, vui vẻ, rộng lòng yêu.

Ta là một người khỏe, khỏe ở thân-thể, khỏe ở tâm-hồn.

Trái lại, khi nào những trở lực làm cho cái máy người xệt lại, ta thấy nặng-nề, rối-loạn, hẹp hòi, đau khổ, sợ hãi, ta cảm thấy ta là một kẻ chiến-bại. Ta là một người yếu, yếu ở thân-thể, yếu ở tâm-hồn.

Xem như thế, thì khỏe và yếu không phải là những trạng-thái vĩnh-viễn của cả một đời người ; đó là những trạng-thái luôn luôn suy-suyển, luôn luôn thay đổi. Không ai có thể nói được là khỏe hay yếu luôn luôn xuất từ trẻ đến già. Hai cái trạng-thái ấy thay phiên nối tiếp nhau như một cuốn phim nhiều màu sắc. Có điều là ở người này, những mảnh phim nhuộm các màu đỏ (ví dụ

là màu của khỏe) hoặc nhiều hơn hoặc ít hơn những mảnh phim nhuộm các màu xanh (ví dụ là màu của yếu).

Như vậy, thì phân-biệt được người khỏe và người yếu rất khó, bởi vì những trạng-thái khỏe và yếu nói trên là những trạng-thái tâm-lý chủ-quan, người ngoài khó biết được.

Muốn phân biệt ta cần phải vin vào những kết-quả khách quan của những trạng-thái kin đáo ấy.

Người khỏe là người có nhiều năng-lực lao-cần để cấu-tạo ra những công-trình bổ ích cho sự sống ở ngoài mình. Sinh-lực càng giải-phóng ra ngoài bản-ngã thì người càng khỏe.

Người yếu là người ít năng-lực lao-cần, không làm gì bổ ích cho sự sống quanh mình hoặc lại ăn bám hay phá-hoại vào đấy. Sinh lực ấy là một sinh lực bế tắc. Người yếu chỉ là một người ích-kỷ.

Dựa vào tiêu-chuẩn ấy, ta có thể phân những người không làm nên việc, những người yếu, ra làm bốn loại :

1.) Những « con thiêu-thân » : những người nghĩ một đảng làm một nẻo, những người bị hút dẫn vào những tác-động vô-ích

hoặc tai-hại mà không sao cưỡng được.

2) **Những « cái chong-chóng »** : đó là những người không có chủ-định và kiên-nhẫn, họ chạy từ việc này sang việc khác tùy theo sự kích thích từng lúc, rút cục không thành việc gì cả.

3.) **Những con vẹt**, những người không có sức làm một việc gì ra hồn tuy rằng họ trông rõ ở trong trí những cái gì đáng làm.

4.) **Những người bồ-nhìn**, đã không nhúc-nhích, lại không cảm-xúc, không suy-nghĩ gì nữa. Đó là những người hoán-toàn thụ-động.

Bốn loại này xếp thứ tự tùy theo tinh-trạng nặng hay nhẹ của họ. Ba loại trên, ta thường gặp ở xung quanh ta, ít hay nhiều, tùy từng xứ và từng thời-đại. Loại thứ tư thuộc về thần-kinh bệnh-học và chỉ gặp ở trong các nhà thương điên.

CHƯƠNG II

Những con thiêu thân.

Thiêu thân là một con bọ sống ở những bụi hay ra kiếm ăn về đêm. Hễ thấy ở đâu có ánh lửa thì nó bay đến và lao mình vào bay lượn xung quanh. Bị nóng, bị bỏng nó cũng không thể rời bỏ đi được, và cứ quanh-quẩn ở đó cho đến khi nào ánh lửa tắt hẳn hay chính nó bị thiêu đốt.

Ở xung-quanh chúng ta, có nhiều người xử-sự như những con thiêu thân. Nhất là khi không có một dư luận sáng-suốt và nghiêm-nghị, thì cá-nhân — hoặc có khi một nhóm đông — rất dễ bị xô-dẩy theo một dục-vọng hay một thành-kiến mù-quáng nhưng mãnh liệt. Những người ấy thường lại là những người tưởng như giàu sinh-lực và có tài-ba lỗi-lạc.

Thường là những người trẻ tuổi kbi-huyết sôi-nổi, hay là những người, tuy đã đứng tuổi, nhưng vẫn còn tráng-kiện, hăng-hái.

Những « người thiêu thân » chưa bao giờ bị coi, hay được coi là những bệnh-nhân. Ta gọi họ là những người đam-mê. Nhưng, người ta có thể đam-mê đạo-lý, khoa-học, mỹ-thật, văn-chương, hoặc đam-mê ngay những công-việc làm ăn hằng ngày mà gây nên được những sự-nghiệp bồ-ich cho đời. Trái lại, những « người thiêu thân » nói đến ở đây chỉ đam mê vật dục. Những cái đam mê có tính-cách thú-vật này không những đã tàn-phá thân-thể và tâm-hồn của họ, mà lại còn làm liên-lụy, làm phiền-nhiều, đổ tai-va cho người khác nữa. Vì thế nên những người thiêu-thân nếu không bị thương hại thì sẽ bị khinh-bĩ.

Vậy những người ấy đam-mê những thứ gì ? Cuộc đời của họ khốn khổ ra làm sao ? Và tại sao họ lại đam ra như thế ?

Người ta thường dùng ba chữ « tứ đồ tường » để chỉ những thứ làm cho người ta khuynh-gia bại sản. Nhưng không phải chỉ có *ruợu*, người *đàn-bà*, *thuốc phiện*, và *cờ bạc*, tuy rằng đó là bốn cái bả độc nhất.

Liền vào đấy, ta phải kể cả sự hám ăn

uống cho sưng miệng, sự tích-trữ tiền-bạc và đồ-vật, sự ham-mê đàn-hát, tiểu-thuyết, chớp bóng, sự ham-mê danh-vọng, cái bệnh giang-hồ phiêu-bạt... tất cả những cái gì nó kích-thích thần-kinh, nó mang lại những cảm-giác say-sưa, nó làm cho ta thấy rằng « sống » hơn lúc bình thường.

Đối với những người chỉ cảm thấy mình thực sống khi đắm mê, những lúc bình thường, là những quãng đời rất nhạt-nhẽo, rất khô sở. Trong một ngày, họ chỉ sống có một giờ, trong một năm họ chỉ sống có vài chục ngày, cuộc đời của họ rút ngắn hẳn lại. Chỉ có những phút say-sưa là đáng kể ! Vì thế, nên hàng ngày họ thấy hiện-tại khó chịu ; họ ngồi nghiền-ngẫm lại những cảm-giác đã qua, và mơ tưởng những cuộc khoái lạc sẽ đến. Hễ hơi có một dịp nào để thỏa mãn được dục-vọng, hễ thấy bóng « thần tượng » của họ lộ đầu ra, là họ chồm lên ngay như một người đã chết mà sống lại. Bấy giờ mới là lúc họ hoạt-động. Họ có thể làm được tất cả những cái gì có lợi cho sự hành-lạc của họ. Ta đã thấy những tình-nhân chèo đèo lội suối để thấy mặt người yêu, những con bạc cay gở đánh đập vợ con để tra khảo tiền của, những kẻ nghiện ngập làm đủ mọi cách để mạt để kiếm ra thuốc

hút. Cũng có khi, trong bọn đam mê ấy cũng có người hữu ích. Vì say rượu mà một thi-sĩ tài-hoa đã làm ra những bài thơ bất hủ ; vì hiếu danh mà ông nhà giàu kia đã bỏ tiền ra làm những việc công-ích ; vì muốn được lòng người yêu mà thiếu-niên kia đã làm nên những công-chuyện phi-thường ! Nhưng số phận của những tác-phẩm ấy cũng rất mo-g-manh. Một khi cái khoái cảm đã đi đến tận-cùng thì sự hoạt động cũng đứng lại : thi-sĩ nọ chỉ có một lần lên tiếng, ông nhà giàu nọ chỉ có một lần làm việc nghĩa, thiếu-niên nọ chỉ anh hùng trong mấy ngày.

Ngoài ra, họ không hề nghĩ đến cuộc đời xung-quanh, không làm một việc gì có tính cách vô-ngã, làm lợi cho sự sống, làm đẹp cho sự sống của mọi người. Nhà bác học xuất đời căm-cui trong phòng thí-nghiệm, nhà kính-quốc xuất đời tận-tụy để lo toan phận-sự, nhà thám-hiểm tự đày-đọa mình vào những nơi xa-lạ mông mênh, đến ngay nhà kinh-doanh luôn luôn bôn-tàu để mở-mang cơ-nghiệp... những người ấy cũng đam-mê, và có lẽ cũng chỉ là chạy theo những dục-vọng của mình. Nhưng đó là những cái đam-mê « cao-đẳng », những dục-vọng sáng-suốt, những sinh-lực giải-phóng

và bền-vững — những *nghi-lực*. Cuộc đời của những bậc ấy là một cảnh hoạt-động tung-bùng, thoáng khí, đầy ánh sáng, đầy sinh-thú.

Đem so với những chuỗi ngày tẻ ngắt của những kẻ chỉ sống cho xác thịt, cho tư-dục, thì thực là khác xa một trời một vực! Chỉ sống cho tư-dục là những kẻ sinh-lực yếu đuối, không đủ để cảm thấy cái thú hồn-nhiên, giản-dị của sự sống, không đủ để vượt ra khỏi bản-thân mình, không đủ để dự vào cuộc sống lao-cần, linh-hoạt của vạn-vật.

Đó là những con sên, con ốc bị giam trong những cái vỏ dày-đặc và kín-mít. Thường thường im lìm, chỉ thỉnh thoảng chúng mới ngo-nguậy và thò đầu ra, rầy rụa đi tìm những cảm-giác gay-gắt để tỏ ra rằng mình còn sống. Cuộc đời của chúng càng tẻ lạnh bao nhiêu, sự hành-lạc điên-cuồng của chúng càng tàn-nhân bấy nhiêu. Đã có kẻ say rượu rồi đánh mẹ, đã có kẻ ham tiền bạc, danh vọng mà giết vợ từ con, đã có kẻ vì một nụ cười một khóe mắt mà quên lãng những bổn-phận thiêng-liêng... Cái giốc của dục-vọng ích-kỷ có một sức xô-đẩy mãnh-liệt nó đưa những kẻ khốn-khổ ấy đến mọi ôi-ác, mọi thảm-trang. Nếu ta xét lại những

vụ chém giết, loạn-dâm, tự-tử, đầu-độc... ta sẽ thấy rằng những cái họa đó không xảy đến cho những người lao-cần chăm-chỉ mà chỉ xảy đến cho những kẻ ham những thú say-sưa sắc như dao, nóng như lửa. Những văn-sĩ lãng-mạn đã có một hồi ca-tụng người đàn-bà, rượu, thuốc phiện và tất cả những cái gì có thể làm cho người ta điên-cuồng chốc lát. Nay xét rõ ra thì ở xứ nào cũng vậy, văn-sĩ lãng-mạn chỉ là những người ốm, những người yếu sinh-lực, những người không giữ được cái mực sống của người thường, đã bị *rơi* xuống một cuộc đời tối tăm và lạnh-ngắt, đã bị *trôi* đi theo những kích-thích tạp-nhập của hoàn cảnh truy-lạc. Muốn tự bênh-vực, họ tự cho là những nạn-nhân của thời-đại. Thực ra, cái danh-từ đich-đáng và xứng-đáng nhất phải đeo cho họ là *truy-lạc* nghĩa là rơi xuống và trôi đi.

* * *

Trạng-thái đau-khổ và nguy-hại của những người lao đầu vào những thú vui rồ-dại quả thực là một trạng-thái bất thường, thuộc về bệnh, và đưa dần về chết.

Nguyên nhân ở đâu ?

Hầu hết những người « ham chơi » thường tự thú là họ buồn lắm, đời họ chán lắm. Cả

đến những người đã tôn sự khoái-lạc lên thành một chủ nghĩa, đã coi sự hành lạc như một nghệ-thuật. Họ không phải là những người yêu đời, yêu mình. Họ sẵn lòng liều-thân hoại-thể vào những cuộc vui suốt sáng, trằn cời thâu đêm. Họ biết rượu, thuốc-phiện, cà-phê thuốc lá là những vi độc, nhưng họ không cần đến sức khỏe, họ chỉ cần mê, say, quên. Ở trước mắt họ, đời nhạt quá, yên quá, thường quá, xấu quá. Phải đảo lộn nó lên, hoặc nếu không được — thì phải tự hủy-hoặc mình đi để trông đời cho nó khác đi. Họ không lùi trước một cuộc say sưa nào. Họ không sợ một trừng-phạt nào. Mất tiền của, mất danh giá, đeo bệnh tật, bị trơ-trọi, bị sỉ nhục... họ đau, rồi lại quên. Như ngựa quen đường cũ, họ phải vượt các trở lực để giở lại cái vui cháy lòng, cái lo thắt ruột, cái vị chua cay đã quen nếm trái. Họ làm tất cả mọi sự điên cuồng chỉ để mà quên, mà đi trốn hiện tại.

Sao vậy ?

Hầu hết những người ấy đã gặp một việc gì bất-mãn ở đời. Họ đã lỡ một tình-duyên đắm-thắm, đã mất một địa-vị êm ái, đã nhằm một bước công-danh rục-rỡ, họ đã chót làm một điều tội-lỗi. Không-thực-hiện được

nguyện-vọng sâu-xa của mình, trí nghĩ họ lúc nào cũng lớn vồn cấn những cảnh huống vẽ ra trong tưởng-tượng. Họ mang sinh-lực tung-tóc vào những mơ-mộng hảo-huyền. Họ không rút được với những ám-ảnh đen tối của mình, nghĩ đến mình hoài, rày vò mình hoài. Cứ như thế trong một thời-kỳ khá lâu. Tùy theo sức từng người, sinh-lực mòn-mỏi dần, sụt dần. Rồi đến một lúc, họ thấy không còn hy-vọng gì nữa, họ không nghĩ đến phấn-đấu nữa; cái vết thương của họ vẫn âm-ỉ cắn-rứt, nhưng không chữa được nữa, họ đành cố quên đi. Đã hết sức đề hoạt-động, cuộc đời của họ buồn tẻ, không đủ yên-ủi cho họ nữa. Hơn thế, họ thấy mình suy dần, chết dần. Thỉnh-thoảng trong những lúc xuống quá, chết quá, họ thấy cần phải tự cứu mình. Chỉ có cách lao đầu vào các cuộc vui dễ-dàng, mặc dầu nguy-hiểm.

Nói như thế, thì hình như họ không có trách-nhiệm gì trong sự truy-lạc của họ. Một người khác, hoặc gia-đình hay xã-hội đã gây mối thất-vọng cho họ, và vì một lẽ gì đó họ đã chịu đựng, không chống lại.

Không phải vậy. Trên đời này thiếu gì sự bất-mãn? Có phải người nào bất mãn cũng sinh ra chán đời rồi sinh ra đam-mê

đến truy-lạc đâu ?

Nguyên nhân chính, ở đây, là cái bản-ngã công-kênh của họ. Chính di-truyền, giáo-dục gia-đình và xã-hội, và những hành-vi vô-ý-thức của họ, đã gây nên cho họ cái vô oan-gia ấy. Cho đến khi gặp một sự bất-mãn, khi một trở-lực bên ngoài đánh một đòn vào đó và làm cho nứt rạn, họ đau sót quá, bị thương quá, không dậy được nữa. Đó là những người rất ích-kỷ. Họ cho họ là to lớn, quan-trọng.

Đối với họ, hình như vũ-trụ này sinh ra chỉ là để phụng-sự cho họ mà thôi. Khi mà họ không được toại nguyện thì vũ-trụ hình như không có nữa. Họ không thể nào tha thứ được cho một người nào, hay một hoàn-cảnh một trở-lực nào đã dám làm ngang-trái họ. Nhưng, vì suýt-soa quá, đau khổ quá, họ nghĩ đến vết thương nhiều quá đến mình nhiều quá, nên họ không nghĩ đến phấn-đấu nữa. Cho đến lúc kém sức không thể phấn-đấu được nữa, thì họ chán đời. Chán đời thì họ đi trốn. Và càng trốn, họ càng yếu đuối, càng khờ-sở, càng thất vọng.

* * *

Những con thiêu-thân ấy đáng thương-hại hay đáng khinh bỉ ? Kết-án họ một cách luân-

lý, một cách xã-hội theo một dư luận đạo-đức như thế, thật là không bổ-ích gì cả.

Chỉ nên hiểu rằng đó là những sinh-lực bị tù-hãm trong những cái vỏ bản ngã rất dày. Những trở-lực, những nghịch-cảnh, những bất mãn đáng lẽ là những cơ-hội rất tốt để cho họ phá vỡ bản ngã và giải-phóng sinh-lực, thì lại làm cho bản-ngã co rúm lại, đè chiu xuống, áp bức thêm.

Họ chỉ có một tội là không sáng-suốt. Vì thế, nên ở phần thứ hai của sách này, chúng ta sẽ thấy họ rẫy-rua để thoát-ly, và sự ngu-muội nọ thêm vào sự ngu-muội kia làm cho sinh-lực họ đã yếu đuối lại yếu-đuối hơn, cuộc đời họ đã khổ-sở lại khổ-sở hơn.

CHU'ONG III

Những cái chong chóng.

Đây là những người mà gia-đình và xã-hội khoan dung cho hơn. So với những người đam-mê và hư hỏng, — những con thiêu thân — thì những người này được tiếng là hiền lành ngoan ngoãn.

Song, chúng ta biết rằng những lời phê bình luân lý như thế thường sai lầm và vô ích, vậy chúng ta thử đi sâu vào tâm-hồn và cuộc đời những người hiền lành ngoan ngoãn ấy, xem ra làm sao.

Đó là những đứa mãnh-khánh xanh-sao, không hay đùa nghịch, không ham-thích một trò chơi gì. Trong khi những đứa trẻ khác chạy nhảy reo hò, thì những đứa này chỉ đứng xem ngắm, hoặc đi tha thẩn ra

chiều mơ-mộng tư-lự. Sợ mệt, chúng khôn ;
dám chơi đùa, nhưng chúng cũng không có
cái thú gì khác để rút bỏ mơ mộng đi được.

Vào trường học, chúng không sở-trường
về môn gì cả. Nhiều khi chúng rất thông-
minh, học cái gì cũng rất chóng, nhưng
không chuyên được lâu. Chúng lại thích
học nhiều thứ, cái gì cũng muốn biết một
tí, chán rồi lại tìm sang cái khác. Là những
học trò bình-thường và đều đều, chúng
có đủ nốt để lên lớp, đủ sức để đỗ. Ngoài
ra, không có một năng khiếu gì đặc-biệt
cả.

Đến tuổi 18, 20 thường là lúc khí-huyết
bồng bột, tinh-thần hăng-hái, ở chúng, cũng
không có gì thay đổi mạnh. Chúng chỉ thấy
buồn rầu vô căn-cứ, chúng sinh ra rút-rát,
sợ đám đông, ưa đọc tiểu-thuyết và mơ
mộng liên-miên.

Vi ít trông ra ngoài, ít hoạt động, chúng
chỉ nhận được những cảm-giác rất nhẹ-
nhàng. Do đó, những ý nghĩ trở nên lộn-
sộn, quanh-quẩn, lơ-mờ. Chúng không có
định-kiến rõ-rệt về một vấn-đề gì cả. Ảnh
hưởng của sách-vở, của thầy giáo, của cha
mẹ, của các bạn... đưa nhau ủa vào và lôi
kéo chúng đi mỗi ngã tùy từng lúc. Hình
như chúng thiên về tình-cảm hơn là tri-tuệ.

Nhưng tình cảm của chúng rất nông-cạn, không đủ làm cho chúng ghét hẳn một thứ gì, yêu hẳn một thứ gì. Chúng rất dễ dãi.

Đối với chúng, cuộc đời là một cảnh vườn có muôn hoa, và bông nào cũng như bông nào, đều có hương thơm sắc lạ đáng quyến-luyến cả. Là những con bướm, chúng nhớn nhơ mọi chỗ mà không muốn đậu vào đâu cả. Chúng không có một chủ-định gì.

Ở chúng, trí nghĩ, tình cảm, dục vọng tranh dành nhau lộn-sộn ; tư-tưởng, lời nói, việc làm phản-trái nhau luôn luôn. Không có tư cách rõ-rệt, những hành-động của chúng không duy-nhất, cuộc đời thành ra lỏng-bông như chiếc thuyền không lái.

Ngay đến những việc rất quan-hệ như chọn nghề, lập gia-đình, tham-dự vào những công-ước xã-hội... chúng cũng không tự quyết được. Chúng dễ mặc ảnh-hưởng nhất thời kéo đi đâu thì đi, để đến lúc khác lại chực những ảnh-hưởng khác và phản-kháng lại.

Nói tóm lại, ta có thể ví chúng như những cái chong-chóng không có sức tự-động và thường quay cuồng theo mọi thứ gió tự bốn phương trời thổi lại.

Tình cảnh ấy đưa chúng tôi đến đâu ?

* *

Trước hết, những người tâm-thần bất-định như thế thường khổ sở. Tôi nói khổ-sở chứ không phải đau-đớn. Người còn biết đau-đớn là người còn rất khỏe. Cảm-giác đau-đớn gay gắt biểu-lộ một sự phản-kháng, một sự thay-đổi kịch-liệt ở thân-thể và tâm-hồn. Nó tỏ ra rằng sinh-lực ta còn hoạt-động, giây-thần-kinh ta còn tinh-nhuệ, và trong cuộc xung-đột với mầm bệnh, với kẻ thù, chúng ta còn có cơ-thắng. Những chứng bệnh kinh-niên, không đau-đớn, mới thực là đáng-buồn.

Cái khổ-sở của những người nói trên đây là một chứng bệnh kinh-niên. Tâm-trạng họ là một cảnh vô-cùng hỗn-loạn. Không bao giờ họ có một cảm-giác, một ý-nghĩ rõ-rệt. Ở cảnh-ngộ nào, họ cũng bần-khoăn, bất-mãn. Lúc đang làm việc, họ nghĩ đến những thú-chơi; và trong khi giải-trí họ lại không rút-được với phận-sự. Họ mang tình-cảm của họ reo rắc hỗn-tạp vào mọi chỗ; khi cần phải thương thì họ lại giận, khi đáng mừng họ lại lo-sợ, họ pha cay pha đắng vào những mối-tình thật trong-trẻo. Rút-cực, những tình-cảm phai-lạt không bao giờ rày-vò họ, nhưng cũng không bao giờ mang lại cho họ một

sinh-thú mạnh-mẽ. Cái vui của họ là một cái vui dờ-dang, cái buồn của họ cui ngấm-ngấm nhưng dai-dẳng ; cõi lòng họ không bao giờ mở rộng để đón lấy một tình-cảm rạt-rào. Họ chỉ đón nhận được những thú sống nhỏ nhen, tụn mủn, và lúc nào họ cũng khao-khát một cái gì đầy-đủ. Họ khỗ-sở nhất khi thấy tài-nghệ của mình thiếu-sót, không có giá-trị vì không được rèn-luyện chuyên-cần. Đó là những người « làm cái gì cũng được, mà không thành cái gì cả ».

Họ thay đổi nghề-nghiệp luôn luôn tùy theo sở thích từng lúc. Cái cố-tật tai-hại nhất của họ là không kiên-tâm được. Học nghề nào, họ cũng chỉ biết qua loa, không đi được đến chỗ, tinh-vi. Họ vừa là văn-sĩ, vừa là thợ, vừa là thầy thuốc..., nhưng đó là một văn-sĩ nghèo húng, một người thợ vụng và một thầy thuốc hay giết người..

Họ muốn là những người của xã-hội, của thời-đại, cái gì cũng đúng « mốt » đúng phong-trào. Một tí âm-nhạc, một tí khiêu vũ, một tí thể-thao, một tí hội-họa, một tí văn chương... tất cả những cái tí ấy làm cho họ thành ra những người « lịch-sự trái mùi đời ». Cái nước sơn nhiều màu và bóng nhoáng ấy dùng để che đậy cái rỗng-không

tẻ ngắt của một người không có bản-lĩnh gì. Họ không hiểu rằng trong phạm-vi nghệ-thuật, cũng như trong phạm-vi học-thuật và nghệ-nghiệp, luật đào-thải rất nghiệt ngã: thành-công và danh-giá chỉ để dành cho những người đã có thực-tài lại còn dày công luyện-tập nữa.

Không có sự gắng công, thì không có cái tài-hoa nào có thể nảy nở được, ngay cả đến thiên-tài. Bởi vậy, ở những người thiếu một khuynh-hướng nhất-định để tập-trung sức lực, thì không thể có sự-nghiệp, có công-trình gì được. Cả cuộc đời của họ chỉ là một trò múa rối khổ-sở và vô-hiệu. Những cử-chỉ lộn-sộn của họ không đưa đến một kết quả gì. Đó không phải là hoạt-động.

Hoạt-động là chú ý, là làm việc một cách lặng-lẽ và vui-vẻ, là âm-thầm củng cố lại với tin' lời biếng của thân-thể, và tâm-hồn hoạt động là chuyển-vận sinh-lực để biến cải hoàn-cảnh bên trong và bên ngoài.

Tiền-phi sức lực vào những tình-cảm viển-vông, luẩn-quẩn và hư-sinh, đó là số phận đáng buồn của những tâm-thần bất-định.

Căn-nguyên của chứng bệnh này rất phức-tạp. Nhiều khi phải kể đến ảnh-hưởng di-

truyền. Người ta nghiệm rằng sau một thời-kỳ hoạt-động quá độ, sinh-lực đã mỗi-một, thì sự sinh dục rất bất-lợi. Con cái, không bảm-thụ được cái sức cường tráng của cha mẹ mà chỉ hứng lấy cái suy-nhược. Ví dụ như thế-hệ thanh niên lãng-mạn ở đầu thế-kỷ thứ 19 bên Pháp, người ta thường cho là kết-quả của những chiến-trận khốc liệt trong thời-kỳ Cách-mệnh Pháp 1789 và trong đời vua Nã-phá-luân. Những nhà doanh-nghiệp khi trở về già thường cho ra đời những đứa con mỗi-một, chán ghét hoạt-động và chỉ thích tìm những thú mơ-mộng. Và tất cả những đứa trẻ thụ-thai trong khi bố hay mẹ bị bệnh-tật, bị suy-yếu, đều có sẵn những đặc-tính để làm một người lòng bông vô-định sau này.

Tuy vậy, cũng có nhiều trường-hợp không thể kết tội di-truyền được. Ta lại phải trông đến giáo-dục gia-đình và hoàn-cảnh xã-hội.

Có nhiều nhà không xem xét đến những năng-khiếu của con trẻ. Người ta không biết đến những tài-hoa đặc-biệt nhưng tiềm-tàng của nó. Người ta bắt ép nó làm những việc mà nó không thích, chọn một nghề không hợp với nó, đi một con đường sai hẳn với thiên-bẩm. Rồi thói quen và dư-luận xã-hội đè nén làm cho tài-năng nó thui trọt hẳn đi.

Lại có khi hoàn-cảnh xã-hội không đủ điều-kiện phát-triển cho mọi thứ tài-năng, thành ra có những người xuất đời tè-liệt, muốn hoạt-động mà không sao được.

Tuy vậy, chỉ kết tội sự di-truyền, giáo-dục gia-đình và hoàn-cảnh xã-hội, tức là lột hết trách-nhiệm của con người, cho rằng chúng ta chỉ là những kết-quả dĩ-nhiên của mấy thứ ảnh-hưởng hỗn-độn, và quên hẳn cái vai trò quan-hệ là sinh-lực. Thực ra, giá-trị và tư-cách của mỗi người chúng ta đều do ở chỗ sinh-lực được giải-phóng hay bị bế-tắc. Những người luẩn-quần nói trên đây cũng phải gánh một phần trách-nhiệm lớn về cái tình-cảnh khốn-khở của họ. Chính cái bản-ngã công-kênh của họ ngăn-cản sức sống của họ. Là những người rất tự-ái, họ trù-trừ, tính toán muốn biết, muốn hưởng tất cả những cái gì có ở đời. Họ tham-lam lắm, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến vơ-vét vào mình thật nhiều điều-kiện thuận-tiện và khoái-lạc. Không bao giờ họ dám liều sống cho một cái gì ở ngoài vòng bản-ngã : họ không hy-sinh cho ai cả, cũng không hy-sinh cả cho ngay những sở-thích của mình nữa. Những thái-độ cực-đoan làm cho họ sợ, họ dè-dặt ngồi đợi những

cái « nhất cử lưỡng tiện ». Họ muốn dung-hòa những thứ rất phản-trái nhau. Họ không muốn mất một cái gì cả. Bất cứ ở chỗ nào, cái lòng tự-ái, cái bản-ngã của họ cũng thò đầu ra để ngăn-cách họ với cuộc đời. Lúc nào ở cái « tôi » cũng mọc ra rất nhiều cánh tay để chỉ cho họ rất nhiều đường đi : Họ đo lường khổ, họ tính lợi-hại ; rồi họ chạy lảng-quảng từ chỗ này sang chỗ kia, không đi hẳn về một phía nào cả. Kết quả : sinh-lực tản-mác, tâm-hồn rối loạn, cuộc đời vô dụng.

* * *

Đứng về phương diện sức khỏe thì những người tâm-thần bất-định lại yếu hơn những người đam-mê hư-hỏng ở chương trên. Những người sau này còn có khi làm ra việc, còn có thể, trong một lúc giác-ngộ, chuyển sinh-lực từ những mục-đích rất thiển-cận và tai hại (người đàn bà, rượu chè, cờ bạc...) sang những mục-đích đẹp đẽ hơn. Họ là những người còn nhiều sức lực, nhưng đem dùng sai chỗ.

Trái lại, những người tưởng chừng như đáng khen hơn, những người a-dua chạy theo những mục-đích thật là cao rộng nhưng không có gan đi tới một đích nào

cả, những người ấy lại đáng buồn cười hơn. Họ cứ quay cuồng ở trong cái vòng luẩn-quẩn của họ nếu không có một mãnh-lực gì ở ngoài kéo họ ra. Điều nguy-hiểm nhất, là họ tự lừa dối mình, mang che đậy cái bất lực của mình bằng những hành-vi lộn-sộn. Những thứ này càng ngày càng rút mòn sức lực của họ, và đưa họ tới chỗ kiệt-quệ.

Thức ăn cho trẻ

Thức ăn cho trẻ em là một vấn đề rất quan trọng. Trẻ em cần được cung cấp một chế độ dinh dưỡng đầy đủ và cân bằng để đảm bảo sự phát triển khỏe mạnh. Việc lựa chọn thực phẩm phù hợp và cách chế biến đúng đắn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe của trẻ. Các bậc cha mẹ cần chú ý đến các dấu hiệu thiếu hụt dinh dưỡng và tham khảo ý kiến của bác sĩ khi cần thiết.

CHƯƠNG IV

Những con vẹt

Đây là những người không còn đủ sức để hoạt-động, dù là hoạt-động một cách điên-cuồng như những người đam-mê vật-dục. Họ cũng không còn đủ sức để cảm-xúc, dù là cảm-xúc một cách hỗn-độn như những người tâm-thần bất định.

Không đủ sức để lăn vào cuộc sống, họ đứng ngoài vòng để thu nhận lấy những tiếng vang tự trong đưa ra. Họ tưởng rằng họ trông rõ, hiểu rõ cuộc đời hơn những người khác. Luôn luôn, họ nhắc đi nhắc lại những điều mà họ cho là đúng, là phải, nhưng không bao giờ họ làm được. Phạm-vi đời sống của họ rút hẹp vào góc trí tuệ, họ là những con vẹt đầu to mà căng liệt.

Theo nghĩa thường thì họ rất thông-minh

Ở vào một địa-vị xã-hội khá giả, học qua các nhà trường, họ đã chiếm được những bằng cao-cấp; họ đã lần mò vào các thư-viện — những kho tri-thức — và đã vơ-vét được rất nhiều vật-liệu của Văn-học, Khoa-học, Mỹ-thuật Đông-Tây. Họ « biết » nhiều lắm. Họ « giàu » kiến-thức lắm. Họ tự-phụ về cái đầu óc của họ lắm. Họ cho là họ bao-quát hết cả, trông suốt hết cả, những hiện-tượng to lớn hay bé nhỏ của vũ-trụ. Họ xếp đặt trong trí họ những hình-vẽ, những con số, những định-luật, những hệ-thống, và họ ngồi yên chờ xem trò đời diễn ra đúng như ý nghĩ của họ. Không thèm hưởng những thú sống lộn sộn của người thường, họ đóng một vai khách bàng quan hoàn-toàn yên-lặng, hoàn-loàn thản-nhiên. Không có một cảnh-ngộ nào làm cho họ động lòng, không có một sự kích-thích nào làm cho họ nhúc-nhích. Họ ở ngoài đời, ở trên đời, lạnh lùng ngấm xuống một tấn bi-hài-kịch mà họ trông thấy rõ mồn-một cả sân khấu lẫn buồng trò !

Chúng ta chỉ lấy làm lạ tại sao những người giàu tri thức như thế lại không làm nên việc gì bổ-ích cho đời sống.

Thực ra, họ không phải là những người tri-thức chân-chính. Họ không có tinh tò-

mò, không có lòng ham biết nó là một động-lực rất mạnh, nó xô đẩy ta đi khám phá những cái bí-mật của vũ-trụ. Trong cuộc mạo-hiêm ấy, có khi ta quên sự yên vui của ta, cả cuộc đời ta, cả bản-thân ta nữa. Chỉ tìm chân lý, đó là mục đích của nhà bác-học, của nhà thám-hiêm, của những nghệ-sĩ thâm-trầm, của những người luôn luôn hoạt-động, vì luôn luôn phấn-đấu, theo đuổi, đi tới.

Trái lại, bọn giàu trí-thức nói ở trên — bọn nguy trí-thức, — những con vẹt ấy, chỉ là một bọn lười biếng, tham lam và thô bỉ. Chúng nhờ trường học, sách vở, báo chí... để lượm lặt một cách quá dễ dàng những ánh sáng mà loài người tốn bao nhiêu công-phu mới tìm ra được. Nhưng, — cũng là quả báo — cái kho trí thức phi nghĩa ấy có giá-trị gì đâu?

Xét kỹ ra, những quan niệm của họ về cuộc đời chỉ là phản-ảnh của sách vở, không đượm một mùi vị gì của sự sống. Những sản phẩm của họ — nếu có — chỉ là những trò chơi không quan hệ. Những bài thơ khô khan, những mẫu tư-tưởng rời-rạc, những bức tranh thiếu màu sắc, những lời văn kêu và rỗng... tất cả những thứ ấy biểu lộ một tài nghệ tiểu xảo để làm choáng mắt những người ngây thơ.

Hơn thế nữa, những sản phẩm « toàn tri » ấy lại là những cạm bẫy tai hại. Bọn nguy tri thức đem reo rắc những ý tưởng hoài nghi, khinh-bạc, chán nản... Những thứ này rất dễ ảnh hưởng đến tinh thần thanh niên, vì thanh niên hay bông bột quá tin. Chúng ta thường thấy có những bạn trẻ trong vòng hai mươi tuổi đã mang ở trong đầu những quan niệm rất già giặn, rất khôn ngoan về cuộc đời. Đó là lại tinh thần của họ đã bị những sách vở ác hại kia làm cho khô khan, cằn cỗi đi rồi.

Bọn nguy tri thức không thể tránh được cái tội làm giảm chí khí của thanh niên bằng cách phô bày cái tinh thần ươn hèn của họ. Cái tinh thần ươn hèn ấy là cái mà chúng ta gặp trước nhất khi đi sâu vào đời riêng của họ.

Những người gọi là tri thức ấy thường rất đam-mê những thú xác thịt thô bỉ. Cuộc đời toàn tri của họ chóng-chải quá, im lìm quá. Họ cần phải mượn rượu, thuốc phiện, cờ bạc, người đàn-bà để khua động tâm-hồn họ chút đỉnh. Nhưng họ khác hẳn với những người đam-mê ở chương II. Những người này mù quáng nên cho những thứ bả mà họ tìm kiếm là những thiên-đường, những mục-đích tuyệt-đối của loài người.

Trái lại, người trí thức trông thấy rõ sự truy-lạc của họ ; họ lại còn cố-tinh đi xuống nữa để quên cái chổng-rông vô cùng khổ-sở của những người tê-liệt trái tim.

Nhiều khi họ lại phạm những tội-lỗi rất lớn, mà phạm một cách có ý thức : ăn cắp, lừa đảo, hoang dâm... Làm ác một cách thản-nhiên, họ cũng không còn biết hối-hận là gì nữa. Trong bài tựa cuốn *Le disciple* (Người đồ-đệ) của Paul Bourget viết vào khoảng 1880, nhà văn-hào ấy đã lột cái mặt nạ của những kẻ bất-lương ăn-nấp đằng sau khoa-học để làm bậy. Ở xứ ta, chưa có những hạng trí giả nguy-hiêm ấy. Tuy nhiên, có nhiều người da-học ở phương xa về đã nêu lên giữa xã-hội những gương sống rất xấu. Cho đến nỗi chúng ta vốn là một dân-tộc trọng học-giả, mà nay phải ngờ vực cái giá-trị của những người gọi là trí thức.

Xét cho kỹ ra, không phải trí thức làm cho người ta kiệt-quệ. Ở trong bọn ngu phu vô-học cũng có rất nhiều con vẹt sống toàn bằng trí. Chúng cũng luận theo phong-tục xã-hội mà biết rõ điều phải, điều trái. Nghe chúng nói thì chúng cũng là những người biết nghĩ, khôn ngoan, nhiều khi lại khoáng đạt nữa. Thực ra, bao nhiêu sự tốt đẹp chỉ ở đầu lưỡi

chúng mà thôi. Lòng chúng nguội lạnh, thân-thể chúng bại-hoại, chúng không hành động gì cả, không làm cái gì lợi, cái gì đẹp cho sự sống ở xung quanh. Chúng lướt qua những cảnh lầm-than của xã-hội mà không thương xót, không phân uất ; đứng trước những gương xã-hội đẹp đẽ, chúng cũng thản-nhiên không cảm động. Đó là những tâm-hồn rất khô khan, rất cần cỗi, rất eo hẹp, không bao giờ mở rộng ra để đón lấy sự sống ở bên ngoài. Đó là những bộ óc đã hoàn toàn ly-dị với thân thể ; tư tưởng, ở đây, lộn vờn trong không-khí không bắt rễ vào tình cảm, vào giây thần-kinh, vào bắp thịt, vì thế nên không thực hiện được. Lời nói, ở đây chỉ là một trò quỷ-thuật xảo-trá để dấu-diếm những linh hồn đã hư nát, những sinh lực đã tàn-tạ...

Nếu trí-thức là ánh sáng thì ở đây, chỉ có một ánh sáng leo lét, lạnh leo, ảm-đạm như bóng tà dương của chiều đông.

Cuộc đời của những người bất định vì tình cảm sôi nổi quá thường lộn-sộn và đau đớn. Nhưng cuộc đời của bọn trí-thức khô khan lại im-lìm tế lạnh, lại khốn khổ hơn nhiều. Những kẻ đáng thương nhất, không phải là những người dốt nát, mà chính là những kẻ thông-minh sáng suốt chỉ sống toàn

bằng trí vậy.

* * *

Ngày xưa, một nhà nho gầy gò có móng tay dài và thuộc lầu kinh-sử được xã-hội qui-trọng.

Ngày nay, chàng thư sinh chăm học đến nổi xanh-sao cặn-thị và rút-rát..., một người chỉ có trí-thuật và không làm nên việc... là những nạn-nhân đáng thương-hại, những con bệnh cần phải chữa.

Nhưng nguyên-nhân ở đâu?

Ở hoàn-cảnh xã-hội?

Ở giáo dục nhà trường?

Ở tinh-cách di-truyền?

Những người trí-thức bất-lực thường hay đổ tội cho là tại xã-hội tổ-chức không được chu-đáo, nên những tình-cảm nồng-nàn và những năng-lực hoạt-động của họ không phát triển được. Họ tin rằng họ cũng muốn làm một nhà kỹ-nghệ, một nhà buôn, một nhà thám-hiểm, một nghệ-sĩ, họ cũng muốn sống một cuộc đời ngang-tàng mãnh liệt. Nhưng họ không thể làm được vì xã-hội không dăng đủ cho họ những tài-liệu, những phương-pháp để đạt chí-nguyện của họ. Những con đường tung-bừng bị mắc ngãng, buộc lòng họ phải âm

thăm đi tìm những sách-vở, những lý-thuyết, những trò chơi trí-thức... để cho qua ngày tháng. Không làm thỏa mãn được sức bùng-bọt của trái tim, của bắp thịt, họ dồn cả sinh-lực lên khối óc để hưởng lấy sự môn-trón của những kiến-thức mà họ đã lượm-lặt được. Bị cản-trở không nhảy được lên võ-đài để thi thố tài năng, để ganh đua với đời, họ quyết đóng một vai khán-giả rất tinh-tường, rất sắc mắc, họ không muốn bỏ qua một hiện-tượng nào của cuộc đời. Họ xem xét, soi-bói, tính-toán, cân-nhắc, suy - tưởng, ước - đoán. Họ muốn in vào trong óc họ tất cả những phản-ảnh của sự sinh-hoạt bên ngoài. Tuy họ không làm gì, không sống, nhưng họ muốn hiểu sự sống.

Họ muốn dùng tri-tuệ để vượt ra khỏi sự áp bức của hoàn cảnh. Họ đổ tội hoàn toàn cho xã-hội đã lung lạc họ, họ không chịu nhận lấy một phần trách nhiệm nào. Nhưng hoàn cảnh không bao giờ tự-nhiên vì họ mà thay đổi, nên rút cục suốt đời họ kéo lê những ngày im lìm tẻ lạnh.

Lại có những người không kết tội hoàn cảnh, mà chỉ kết tội giáo-dục. Sự học nhồi sọ của nhà trường — theo ý họ — đó mới là nguyên

nhân chính đã đào tạo nên những người trí thức bất lực. Một khi giáo-dục chỉ chuyên môn gây cho mọi người một kho trí-thức đầy đủ (?) dùng làm một lợi khí để rành rạt phần sống, thì không những sự phát triển của con người sẽ sai lệch, cố chấp, mà ngay đến trí-tuệ cũng bị tê-liệt dưới sức đè nén của cái trí kiến-thức một ngày một đầy, một nặng. — Sau một thời kỳ huấn-luyện, cái thói quen trí-thức như thành một « thiên-tính ». Người trí giả sinh ra khô-khan, lạnh lùng, yên lặng, mỗi mệ. Hẳn không dùng những giác-quan, những tình-cảm để hiểu cuộc đời nữa. Hẳn trông mọi vật qua cái màn trí-thức mà giáo dục đã đeo cho hẳn.

. cái phương-pháp giáo dục eo hẹp chỉ vun trồng có trí-tuệ, và bỏ những tình cảm và những năng lực hoạt-động. Các bậc cha mẹ, ông thầy học, những sách vở... phải gánh cái trách-nhiệm là làm cho một thanh-niên thông-minh quá hóa ra kiệt quệ.

Thêm vào đấy người ta lại kể cả những tính cách di-truyền. Nếu ta là một người trí thức bạc nhược, thì ta không thể nào tránh khỏi những thói lười biếng, nguy-biến, lẫn trần. Dù ta có thông-minh đi nữa, thì những nét di truyền

ấy cũng vẫn lôi kéo ta vào những quan-niệm, những hành vi đáng buồn của những người đã tạo tác nên ta.

* * *

Ba cái ảnh hưởng kể trên đây (hoàn cảnh — giáo dục — di truyền) không phải là không quan hệ. Song, nói như thế tức là lột hết trách nhiệm của cá-nhân, tức là tước mất cái quyền phấn đấu và cái cơ giải thoát của những người lầm lỡ và đau khổ.

Những người quá thiên về trí thức là những người yếu sinh-lực. Tại sao vậy ?

Tại hoàn cảnh, hoặc giáo-dục, hoặc di-truyền, hoặc cả ba thứ ấy đã đeo cho họ một « bản-ngã trí-thức » rất nặng nề nó hút hết sinh lực của họ. Và cũng tại họ không giác ngộ để rút bỏ cái bản ngã tai hại ấy đi. Trái lại, hằng ngày họ lấy làm thú-vị mà bồi đắp cho cái bản ngã ấy một ngày một to ra. Họ thích có một kho trí-thức thật rườ rào, thật đầy đủ, và họ muốn ngồi yên để hưởng thụ. Họ sợ hoạt động, vì hoạt động tức là cọ sát với thực-tế. Mà cọ sát với thực tế thì sẽ có rất nhiều kiến-thức không thích hợp — đó là những thành kiến — phải bị đổ vỡ không thể nào tránh được.

Họ cố giữ lấy cái bản-ngã xúc-tích ấy

nó mang lại cho họ nhiều khoái - cảm. Nhưng cái kho tri-thức ấy không phải của họ làm ra, họ đã đi lượm-lặt của người khác, họ giữ làm vật sở-hữu của mình. Đó là một thái-độ thu vét giữ-gìn, thụ-động, một trạng-thái « chết ». Chính cái kho tri-thức phi nghĩa ấy đã kết tụ xung-quanh bản ngã của họ, nó bắt họ luôn luôn phụng-sự cho nó, nó làm cho thân thể họ mỗi mệ, cho tinh cảm họ khô cạn. Nó hút hết sinh lực của họ, chia lìa họ với cuộc đời xung quanh, biến họ thành những con vẹt đầu to mà cẳng liệt.

Hạng nguy tri-thức, sở dĩ không làm nên việc gì cả, chỉ vì họ ích - kỷ, chỉ vì họ ngu-muội đã giam họ ở trong vòng yếu-đuối.

*
*
*

Ở các thời đại quá trọng tri thức, những người biết nhiều thường được coi là những bậc thượng lưu. Những người khôn khéo cũng chiếm được địa vị khá giả. Đó là lúc trí tuệ gặp vận may.

Ngày nay, ta biết rằng những kiến thức sẽ rất vô ích cho đời sống, nếu những kiến thức ấy không đem thực hành. Cái trình độ tri thức của mỗi người không quan hệ mấy. Đời hoạt động, *những tác phẩm*, đó mới là tiêu

CHU'ONG V

Những bồ-nhìn

Sàng chương này, chúng ta đi đến cái độ đường cuối cùng của ba chứng bệnh kể trên kia.

Ham-mê vật-dục (những con thiêu-thân) cảm-xúc lộn-sộn (những cái chong-chóng), suy-nghĩ viển-vông (những con vẹt), đó là ba trạng-thái hỗn-loạn của những sinh-lực yếu đuối. Sau một hồi rầy-rụa quẩn quại như thế, những sinh-lực yếu-đuối kia kiệt dần. Rồi, tới một lúc, tê liệt hẳn. Con bệnh, ở đây, không khao-khát, không cảm-xúc, cũng không suy nghĩ nữa. Họ bị đẩy tới sát bờ cõi của Thần Chết, họ không nhận ra địa-vị và hoàn cảnh của họ nữa, họ im-lìm không nhúc-nhích. Đối với những người xung quanh, họ không còn thuộc vào cuộc

đời nữa, họ chết rồi. Sở dĩ người ta chưa mang chôn họ, là vì thỉnh thoảng một chút tàn-lực của họ lại bùng lên, như những ánh đèn lụn bấc còn bập-bùng trước khi tắt hẳn. Những lúc ấy, người bồ-nhìn của chúng ta lại thành ra hung hăng dữ-tợn. Vì có những cơn điên nguy-hiểm như thế, nên người ta sợ họ, phải nhốt họ vào những nhà thương điên có rào khóa cẩn thận, tuy rằng họ là những người yếu nhất trong những người yếu.

Trong những buồng giam, họ ngồi bần-thần suốt ngày. Họ sợ ánh sáng, sợ tiếng động, không thích có người bên cạnh. Họ quên hết cả những sự cần thiết của thân thể, không tưởng đến ăn uống, rửa ráy, thay quần áo. Có ai dục, thì họ mới lại làm những việc ấy, làm như một cái máy. Họ diễn lại rất đúng những cử-chỉ lúc bình thường, nhưng không nhận thấy một cảm giác gì.

Họ lại quên cả cái tình-trạng của họ, quên cả những mối đau khổ đã rầy vò họ và biến họ ra như thế. Họ không còn là những người vừa mới đây thất bại trong công việc hay trong tình trường, không còn là những người vừa mới đây bị những sự giận dữ, thất vọng, hối hận... làm cho

đau đớn đến điên cuồng.
 Họ là những người khác rồi. Đi đến cái
 độ cuối cùng của đau khổ, họ đã vượt ra
 ngoài đau khổ.

Đồng thời, những tình cảm rất tha-thiết
 của họ cũng tan vỡ hết. Họ nhìn vợ, con
 bè bạn như những người ngoài, không còn
 cảm thấy cái giây liên lạc nó trói buộc họ với
 ai nữa. Sau một hồi rung động quá chừng,
 trái tim họ co rúm lại, khô-khan và lạnh-
 lùng. Đó là cái cơ nó làm cho những người
 thân của họ xót-xa vô-cùng, xót-xa hơn là nếu
 họ bị một ác bệnh khác mà chết đi rồi.

Nhiều khi thấy họ trầm-ngâm yên lặng,
 những người xung-quanh tưởng chừng như
 họ đang tìm-tòi, suy-nghĩ về một vấn-đề
 triết-lý hay tôn-giáo nào khó-khăn lắm, cao
 siêu lắm. Và có lẽ sự dụng tri quá chuyên
 ấy đã làm cho họ sao nhãng cả tinh thần.
 Không phải. Trông bộ điệu họ như vậy,
 nhưng họ chẳng nghĩ gì cả đâu. Bộ óc họ
 lúc này đã mỏi mệt lắm rồi, không nghĩ
 ngay cả đến những nhu-cầu rất cấp
 bách của thân-thể. Nếu có ai cố gắng hỏi
 chuyện họ, thì họ cũng vẫn trả lời được
 gãy gọn về những điều mà xưa kia họ biết
 rõ. Song, câu chuyện tinh táo cũng không
 được bao lâu. Khi họ mệt rồi, thì họ nói lẩn

lộn ngay, hoặc im lặng tìm cách lẩn tránh. Họ không muốn dùng trí tuệ, cũng như họ không muốn động đến trái tim và thân thể.

Đời sống, ở họ, hình như ngưng lại. Không phải tại phủ tạng hay thần-kinh-hệ của họ đã bị trúng độc hoặc thương tích tàn phá như ở những con bệnh khác. Dạ dày vẫn tiêu hóa được đồ ăn, máu vẫn lưu thông trong huyết quản, cơ thể họ vẫn có thể chạy đều được. Họ vẫn có thể mừng, giận, thương, buồn,... như những trái tim đa cảm. Họ lại giữ nguyên vẹn cả trí thông minh, trí nhớ, trí xét đoán.

Có điều là những năng-khiếu ấy (của cơ-thể, của trái tim, của khối óc) thường không được dùng đến. Đó là những bộ máy, tuy các bộ phận còn chưa bị sứt mẻ lệch-lạc, nhưng không chạy được vì thiếu động cơ, thiếu sinh lực.

Chỉ trong cơn điên, những bổ-nhìn của chúng ta mới lại nhắc nhích, mới lại chồm dậy một cách dữ dội. Những năng-khiếu của họ lúc ấy bị kích thích mãnh liệt. Họ tức giận đến phải đánh phải giết; họ vui mừng đến phải nhảy múa hò hét âm ỹ. Trong lúc cảm xúc phi thường, có khi họ tạo nên những tác phẩm mỹ-thuật rất kỳ-lạ

tuy rằng thiếu sót dở dang. Và nếu họ lại thích suy nghĩ thì những cơn điên có thể đưa họ đến những chân-lý rất lạ lùng. Trong một khoảnh-khắc, như muốn phản-kháng lại với cái trạng-thái im lìm của họ, sinh-lực bộc vọt lên như một ngọn lửa căm hờn, vượt hẳn ra ngoài những thói quen của thân thể, những khuôn sáo của xã-hội. Chỉ đáng tiếc là sự giải phóng sinh-lực ấy rất ngắn-ngủi, và sau đó, những cơn bệnh của chúng ta lại càng thêm yếu đuối, lại càng gần về cõi chết. Về sau, khi sinh-lực khô cạn quá, thì những cơn điên thưa dần, rồi mất hẳn. Những cơn bệnh mất hết tinh cách dữ tợn, thành ra lần thẩn suốt đời, không bao giờ khỏi và không có hy-vọng trở lại cuộc đời của mọi người nữa.

Trái lại, ngay lúc đầu, khi cơn bệnh chưa suy yếu lắm, khi những cơn điên còn mãnh liệt và bùng nổ ra luôn luôn, nếu người ta biết cách cứu chữa, thì sinh-lực sẽ hồi dần. Và trong ít lâu, cơn bệnh sẽ trở lại đời sống hàng ngày. Đó là một chứng bệnh cấp-hành khác hẳn với cái chứng kinh-niên bất trị nói ở trên.

*
*
*

Vậy thì có những cơn bệnh làm bồ-nhìn

suốt đời, và những con bệnh nhẹ hơn chỉ làm bõ-nhìn trong một thời kỳ bị xuống sức quá độ. Muốn hiểu rõ hai chứng ấy, ta cần phải xét đến những nguyên-nhân xa gần.

Nguyên nhân xa là những trạng-thái suy-nhuộc đã trình bày ở chương II, chương III và chương IV. Sau một thời kỳ đam-mê vật-dục, khi bao nhiêu sinh-lực đã đem phao phi vào những cuộc hành-lạc quá độ, những con thiêu-thân sẽ bị mỗi một từ thân-thể đến tâm-hồn. Đó là tình cảnh của những thanh-niên truy-lạc, của những kẻ trong vòng 30, 40 tuổi đã thấy mình già cõi, chán nản, và cần phải tìm một cuộc đời an nhàn để yên nghỉ nếu họ không dùng thuốc phiện để tự kích-thích. Yếu hơn nữa là những người tâm-thần bất định, những cái chong-chóng nói ở chương III. Những tình cảm vụn-vặt, những hành-ví lộn-sộn lâu dần hút cạn sinh-lực của họ và biến họ thành những miếng mồi rất ngon cho các bệnh thần-kinh. Đó là số phận của những thiếu-phụ đa sầu đa cảm, của những người đàn ông nhu nhược xử sự như đàn bà. Ta đừng lầm mà cho họ là những người nhiều tình cảm; họ chỉ là những người rất nghèo sinh-lực. Trong cảnh bão táp

của đời sống, họ là những cánh hoa mỏng mảnh luôn luôn rung động vì run sợ.

Sau cùng đến bọn trí giả đi tìm sách vở và lý-thuyết để trốn sự chiến-đấu. Càng chìm-ngập trong những trống sách, càng chạy theo những tư-tưởng vu-khoát chấp-chờn như bóng ma chơi, sức lực họ càng sụt dần. Ta không nên lấy làm lạ tại sao có những thầy đồ cuồng chữ, có những thư sinh gàn dở, tại sao khi làm sự, tất cả những người « sống toàn bằng trí » đều tỏ ra bất lực trước cuộc đời.

Trong sự xung-xát của sinh-lực ta với những sức mạnh của hoàn cảnh, ba hạng người kể trên là những chiến-sĩ không đủ can trường và khí giới để tự vệ.

Vi thế, nên những sự thử-thách đột-ngột đáng lẽ là những cơ hội rất tốt để rèn luyện thân-thể và tâm-hồn, đối với những người yếu, lại thành ra những ngọn gió ác liệt để thổi tắt cái tàn-lực của họ. Đó là những *nguyên nhân gàn*, dễ thấy, mà họ cố tránh : vợ ốm, con chết, sản nghiệp bị tan vỡ, tình-duyên bị lỡ dở, danh-dự bị hoen ố, chính thân mình bị đầy-đọa, lằm-than, cô độc... Chúng ta không mấy ai tránh được những đoạn đường hiểm nghèo này. Vượt qua được vô sự là những người khỏe,

những chiến-sĩ có thao-luyện. Những người không đề phòng chỉ sẽ bị thương-tồn trong ít lâu; những kẻ đã sống làm lần đến nỗi sinh-lực tàn tạ, (như những người yếu nói ở mấy chương trên) thì sẽ bị đẩy đến cảnh buồn thảm nhất của kiếp người: kiệt-quệ.

* * *

Ở những xã-hội văn-minh nhộn-nhip bên Âu-Mỹ, hoàn-cảnh kích-thích và tấn-công rất mạnh vào thần-kinh-hệ. Số người điên rất nhiều. Và những nhà thương điên cũng rất nhiều. Nên người Âu Mỹ đã trông rõ những cảnh đọa lạc của con người. Họ bắt đầu nhận thấy cái giá-trị tuyệt-đối của sinh-lực, và cái tính-cách phụ-thuộc của máy móc.

Ở xứ ta, nhịp điệu của đời sống vẫn còn thong-thả chậm-chạp. Những người lăm-lỡ nhất, hư hỏng nhất cũng không lao đầu một cách mãnh-liệt xuống dốc truy-lạc. Vì vậy nên chúng ta ít thấy những con bệnh trầm-trọng — những người bỏn bợn, hoàn-toàn. Số người điên hẳn ở xứ ta ít lắm. Nhưng nếu để ý xét kỹ, ta sẽ thấy rất nhiều người mỗi-một, chán-nản, lừ-đừ. Họ kéo lê cuộc đời của họ như những bộ máy hỏng động-cơ. Họ tìm những địa-vị an-nhàn, những công

việc ít phải dùng sức, những thú vui nhạt
nhẽo. Họ sợ hoạt-động. Đó là những sinh-
lực tàn-tạ đang đợi một đòn công-kích
nữa để tê-liệt hẳn.

CHƯƠNG VI

Cái tội yếu

« Làm nên việc, giúp ích vào đời sống ở xung-quanh ta, bồi bổ cho nó được phong-phú, tô-điểm cho nó được tươi đẹp, gieo rắc thú sống ở chỗ nào có ánh sáng và khí trời... »

Đó là cái tiêu-chuẩn sinh-lý mà chúng ta đã nêu lên trong phần thứ nhất này, để định giá từng người và những cuộc đời, để phân-biệt người khỏe với người yếu.

Người yếu không hẳn là người gầy còm, không hẳn là người đeo bệnh tật, không hẳn là người mắc tội lỗi, không hẳn là người bị thất-bại, không hẳn là người chịu đau khổ. Trong số những người kể đây, có nhiều người vượt lên trên những tai ách của họ, mang gom góp và tập-trung sinh-lực để

theo đuổi một sự - nghiệp bỗ-ích cho đời. Darwin bị bệnh tê chỉ làm việc một ngày được có hai giờ. Bethoven bị điếc tai, Nietzsche và Dostoïevski mắc chứng động-kinh.... Vậy mà họ để lại cho nhân loại những tác phẩm vĩ-đại làm cho nhiều người tự cho mình là có sức khỏe (?) phải khâm-phục và hồ-thẹn.

Có sức khỏe, ngày nay ta phải hiểu rằng đó là có những năng-lực hoạt-động có thể kết-tinh thành công-việc. Những người yếu là những người chỉ phụng-sự riêng mình và không dự gì vào đời sống ở xung-quanh không làm nên việc gì bỗ-ích.

Những người ham-mê vật-dục — những con thiêu-thân — thì lặn mình vào những khoái-cảm êm dịu hoặc gay gắt.

Những người tâm-thần bất-định — những cái chong-chóng — dễ cho trái tim rung-động dễ dàng tùy theo sự kích-thích tạp nhạp của hoàn cảnh.

Những người tri-thức bất-lực — những con vẹt — lại đi tìm thú sống bằng cách gộp nhặt những kiến-thức mà không bao giờ họ đem thực hành.

Ba hạng người ấy đều bất sinh-lực ngừng tụ xung quanh bản-ngã, làm lấp hẳn con đường giải-phóng, con đường sáng tạo

của nó. Rút cục, sinh-lực họ khô cạn dần và họ lâm vào cảnh kiệt-quệ, hoàn toàn thụ động (những bồ-nhĩn)

Thường thường người ta hay đứng về phương-diện luân-lý để kết án họ. Người ta cho họ là những người tội lỗi, độc ác và xấu xa. Xét kỹ ra, thì những tính cách ấy không phải là những trạng-thai căn-bản, mà chỉ là những kết quả của những sinh-lực sai lạc và suy-yếu.

Bao nhiêu tội lỗi mà chúng đã làm như dâm-dục, lừa dối, hèn nhát, dối giá... đều không phải là tự chúng muốn thế. Chúng bị xô đẩy vào con đường lầm-lội bởi vì chúng không đủ sức để đi con đường quang đấng. Con đường hạnh-phúc này chỉ để dành cho những người giác ngộ đã giải phóng sinh-lực ra ngoài cái vỏ chật hẹp của bản ngã.

Những hành vi độc-ác cũng chỉ thấy ở những người ích-kỷ, nghĩa là ở những sinh-lực đang quẩn quại trong một bản ngã đóng kín. Sự giam hãm ấy cản hết các nguồn sinh thú không cho lọt vào tới họ. Họ sinh ra bực-roc, gay gắt, tàn nhẫn, mù quáng.

Và nếu họ bồi nhọ cuộc đời của họ, làm cho nó lộn-sộn, đen tối, quanh quẩn, xấu-xa thì sự truy-lạc ấy cũng không phải tự

ý họ. Những điều chê-trách chỉ làm cho họ chìm-đắm thêm mà thôi.

Tất cả những người không làm nên việc, mắc tội lỗi, độc-ác, và xấu-xa,.. đều thuộc vào một loại : những người yếu !

Không nên buộc cho họ những trách nhiệm không xứng đáng, không nên ném cho họ những lời bình phẩm nông nổi. Loài người vốn là loài thông minh. Không có một ai muốn đau khổ, muốn xấu xa ; không có một ai ngu muội đến nỗi không nhận thấy những điều mình nên làm, phải làm.

Nhưng người ta vẫn cứ phải chạy xuống những cái dốc của tội lỗi, ích-kỷ, và đau-khổ. Đó là tại người ta yếu. Đó là tại sự tác-quái của sinh-lực bị tù-hãm.

Vì vậy nên khi nói đến tội lỗi, đến trách nhiệm thì chỉ nên kể có một tội lỗi, một trách nhiệm. « Làm cho mình yếu đi, làm người yếu đi » đó là đại tội, là cái tội duy nhất nó để ra mọi thảm trạng khác.

Ta nên nhớ luôn luôn rằng tất cả những người mà ta chê trách, khinh bỉ hay thương-hại, chỉ là những người yếu. Họ chỉ phải chịu trách-nhiệm về những hành-vi không sáng suốt của họ nó làm cho sinh lực họ suy sút. Và cũng chỉ có họ mới tự cứu

được họ bằng cách tự giải-phóng sinh-lực của họ. Không ai có thể nhắc nôi cho họ những ống chân mà họ đã đưa vào chỗ bùn lầy. Người ta có thể chỉ dẫn, khuyên bảo, giúp đỡ, kích - thích, thúc dục họ. Nhưng nếu họ không phấn khích để giác ngộ, nếu sự giác ngộ nông-nổi không làm cho họ tự cố gắng, thì họ không thể nào vượt ra khỏi cái vòng khốn-khổ của họ được...

Ta phải nên ghê tởm, nên thù ghét những trạng thái yếu đuối. Ta phải chống-cự với tất cả những cái gì ở ta và ở hoàn-cảnh nó có thể làm cho ta suy nhược. Kém hoạt-động, thờ ơ với công việc, và luôn luôn nghĩ đến bản-thân mình... đó là bậc thang thứ nhất đưa ta xuống vực truy-lạc, xuống cõi chết.

Chính vì yếu đuối mà người ta phải lao đầu vào rượu, thuốc phiện, cờ bạc, xác thịt... tuy rằng ai cũng biết những thứ ấy là những thuốc độc. Chính vì yếu-đuối mà người ta sinh ra tham-lam, sợ-hãi, nhỏ nhen, tàn ác, ích-kỷ. Chính vì yếu đuối mà mới đây cả một thế-hệ thanh-niên đã nâng người đàn bà lên địa-vị một thần-tượng và đã đặt hạnh-phúc tuyệt đối lên trái tim mỏng mảnh của người yêu. Họ sợ hui-quanh, sợ cô-độc, rủ nhau đi trốn cái trống rỗng của tâm-hồn. Mê-man nhất, hèn nhát nhất là những

kẻ chiến-bại. Những sự thử-thách của cuộc đời đã làm thương tổn lòng tự-ái của họ, và họ thấy cần phải đi tìm một « tâm-hồn bạn », một bàn tay an-ủi. Sự thực, họ chỉ đem phí nốt cái tàn-lực của họ trong sự mơ-mông, sự dâm-dục. Ái-tình, đối với họ, chỉ là một địa-ngục đầy tội-lỗi, đầy đau khổ...

Muốn tìm thấy hạnh phúc ở ái-tình, cũng như ở tình bạn, ở gia-đình, ở công việc, ở xã-hội, điều-kiện cần thiết nhất là sức khỏe. Một người yếu làm hỏng hết mọi thứ tốt lành, một người yếu không được hưởng cái đẹp đẽ ở đời cả.

PHẦN THỨ HAI

CHU'ONG I

Ba phép tu thân.

Ở phần thứ nhất, chúng ta đã điem qua những người *không làm nên việc*, mà chúng ta gọi là những người yếu.

Đi sâu nữa vào cuộc đời của họ, chúng ta lại thấy rằng những người bất-lực ấy thường hay lo sợ, buồn rầu, quanh-quẩn, rối-loạn, lằm-lẩn... Họ phạm đủ các tội ác, họ làm tất cả mọi việc xấu-xa. Sống một cách sai lạc, họ tự đầy-đọa thân-thể, tự dim-đắm tâm-hồn; họ tàn-phá con người của họ. Trên sân khấu của đời sống, họ là những vai trò cầu-thả, thiếu lương-tâm và thiếu tài-nghệ. Họ không nghĩ đến cái điều quan-hệ nhất, cái phận-sự của họ: sống cho ra người. Không thể vượt được ra ngoài bản-thân, họ chỉ biết phụng-

sự nó. Chính nó lại hút cạn sinh-lực của họ, làm cho họ đâm ra khao-khát, lo sợ. Nhưng càng đuổi theo những thú vui thỏa mãn cho bản-thân — mà họ cho là hạnh-phúc — họ càng tự đẩy đọa, tự bôi nhọ, họ càng đi sâu xuống cái vực khổ-sở.

Những kẻ đam mê vật-dục, những kẻ tâm-thần bất-định, những kẻ tri-thức giả hiệu thường hay nguy-biến để tự bênh-vực, tự an-ủi. Đó chỉ là những lời nói ở đầu lưỡi, những thái-độ che đậy. Chúng ta hãy ngờ vực tất cả những kẻ làm không nên việc và những kẻ chán-nản cuộc đời. Ở trong thâm-tâm họ, hơn ai hết, họ cảm thấy, một cách chua-xót nhất, cuộc đời của họ là vô-vị. Ta đừng tưởng họ tự đắc tự mãn thực đâu. Họ là những tù-nhân bị trói-buộc trong những xiềng-xích lòng công, đang cố rầy rụa để thoát-thân. Họ là những kẻ sắp chết đuối đang đợi một cái phao ; họ là những chiếc tàu vô định đang tìm một ánh đèn pha chỉ lối ; họ là những bệnh-nhân hấp-hối chỉ còn mong vào bàn tay tế-độ của thầy thuốc , họ là những đứa trẻ dại-dột và đau khổ chỉ chờ lăn vào lòng một người mẹ hiền từ để được vô-về an-ủi...

Họ quay cuồng ở trong bóng tối dày đặc

đang giam hãm họ. Họ cất tiếng kêu gào thảm-thiết để cầu cứu khắp xa gần. Họ không còn tin ở sức lực của họ nữa. Họ sợ hãi và ngờ ngác tim tòi. Họ sờn lòng túm lấy vạt áo của những vị cứu-tinh và nhắm mắt bước theo. Họ ghê sợ cái địa-ngục của họ lắm rồi, và họ hăm-hở bước đi, không cần biết là họ đi con đường nào nữa.

Chỉ trừ những người quá đuối sức, hoàn toàn thụ động (những người bõ-nhìn), còn ba loại người kia hàng ngày vẫn rầy-rụa để đi ra khỏi cái vòng đau khổ của họ.

Ở phần thứ hai này, chúng ta sẽ được thấy một tấn-kịch thoát-ly rất thảm-thương. Những người bạn đau khổ của chúng ta lao đầu đi tìm những phương-pháp để tự giải-cứu cho mình. Mà rút cục, họ chỉ bị sứt da chảy máu, đã không tìm thấy lối ra, lại còn yếu đuối thêm, khổn khổ thêm!

* *

Đã từ lâu, chúng ta thở hít trong một không khí sặc mùi luân-ly, chúng ta bị bao vây trong những màng lưới luân-ly rất khe-khắt. Những bậc cha mẹ, những nhà mô-phạm, những người đàn anh, những phép giáo-dục của gia-đình và xã-hội, những di-

truyền của ông cha, những kho sách-vở... tất cả đều hùa vào để xây cho chúng ta bốn bức tường luân-lý rất dày dặn, rất đồ-sộ.

Bị giam trong ấy, chúng ta không còn trông thấy gì nữa, ngoài những bảng giá-trị luân-lý độc-đoán và tàn-nhân.

Bao nhiêu đau khổ, bao nhiêu lầm-lỡ, bao nhiêu tội-lỗi, chúng ta mang trút cả lên đầu « con người » của chúng ta. Chúng ta chia con người của chúng ta ra làm nhiều mảnh ! Rồi chúng ta vụn vụn cho xác-thịt, cho trái tim, cho khối óc. Chúng ta thấy chúng khuyết-diêm, chúng ta muốn hoàn toàn, chúng ta thấy chúng ta cần phải tu-luyện.

Không bao giờ chúng ta thấy chúng ta yếu. Không bao giờ chúng ta được kể đến những nỗi đau khổ nó ray-rứt chúng ta. Không bao giờ chúng ta được đòi quyền sống cho con người của chúng ta. Luôn luôn, chúng ta phải lo đến chuyện phải, trái. Luôn luôn chúng ta nghĩ đến tạt xấu, nét hay. Luôn luôn chúng ta sợ chúng ta hư, chúng ta hỏng. Luôn luôn chúng ta rày vò, một phần người của chúng ta.

Là những người ham mê vật-dục, chúng ta kết án xác-thịt, cho nó là thủ-phạm trong sự đọa-lạc của chúng ta. Chúng ta cần

phải kiềm-chế nó, bẻ bắt nó, hành hạ nó. Chúng ta bèn tôn cái *tri-nghĩ* rất điềm-đạm, rất khôn-ngoan, rất mực-thước lên địa-vị bá chủ để nó cai-tri chúng ta.

Là những người bị tình-cảm lộn-sộn đưa đẩy và quấy-rối, chúng ta buộc cho trái tim cái tội lóng-bông. Chúng ta muốn rèn luyện *con tâm* của chúng ta, muốn đem kết-tụ tình cảm của chúng ta xung-quanh một ý muốn ích-kỷ mà ta gọi là *chí-hướng*.

Là những người trí-thức bất-lực, chúng ta qui tội cho khối óc không đủ lực-lượng để thực hành những kiến-thức rất quý hóa của chúng ta. Và chúng ta đi tìm những phương-pháp cấp-tốc để *bồi bổ thân-thể*.

Luyện *tri-nghĩ*, lập *chí hướng*, *bồi-bổ thân-thể*, đó là ba phép tu thân mà chúng ta thường dùng để làm cho con người chúng ta hoàn-toàn (?)

Nhưng những phương-pháp ấy có làm cho chúng ta bớt đau khổ không? Đó mới là câu hỏi quan hệ, cần phải trả lời.

Ở những chương sau đây, chúng ta sẽ đem những phép tu-thân ấy lên bàn mổ, để tách-bách những nguyên-tắc sai lầm và những kết-quả tai-hại của chúng

Trong sự phê-bình này, thái-độ của chúng ta sẽ rất thiết-thực. Là những người lầm-

lỡ, là những người đau khổ, chúng ta đi tìm con đường giải-thoát. Những phương-pháp mà chúng ta đem áp-dụng với tất cả tấm-lòng nhiệt-thành của một tin-đồ kinh-cần, có thể cứu vớt được chúng ta không hay có thể đưa chúng ta xuống vực thẳm được? Chúng ta có quyền hoài-nghi, có quyền lựa chọn, có quyền thi-nghiệm. Chúng ta sẽ không để một triết nhân nào, một lý-thuyết nào lung-lạc chúng ta. Luôn luôn, ta chăm-chú vào một mục-dịch đang theo đuổi :

« Giải-phóng, tập-trưng và điều-khiển sinh-lực để tránh những tham-trạng của những người yếu ».

Chúng ta không cần phải mừng-tượng đến những cuộc đời thần-tiên (?) của những người hoàn-toàn (?) Đó chỉ là những hình-ảnh tốt đẹp nhưng xa xôi (và vô-hiệu. Ta đừng tìm cách an-ủi hay huyền-hoặc ta làm gì nữa.

Cái vòng ngu-muội nó đang giam hãm ta, cái hiện-tượng rối loạn và bế tắc ở ngay con người ta... đó mới là mặt trận nguy-hiêm cần phải phá vỡ. Đó mới là kẻ thù phải truy tìm luôn luôn, đó mới là cái đích phải đánh trúng, đó mới là cái chỗ để trút hết bao nhiêu căm-hờn thù oán.

Giải-phóng trước hết là tàn phá. Phải vứt bỏ cái thái độ sợ sệt của đứa con nít cho mình là có tội và đang đợi một tình thương hay một tình yêu. Hãy gạt phắt những bàn tay mơn trớn nó ngăn cản những tác-động cương-quyết; hãy thổi tan những làn gió nhẹ nhàng nó làm nguội cái ngọn lửa hùng liệt của tuổi trẻ. Hãy tránh sự buồn rầu nó làm quân tri. Muốn được sáng-suốt, chúng ta cần phải phân-nộ...

CHU O'NG II

Luyện ý-chí

Phép tu thân này, những người đam-mê vật-dục thường dùng đến để kiểm-chế xác thit họ. Họ đã bị những dục vọng mù quáng xô đẩy họ đi tìm khoái cảm trong sự ăn-uống vô-độ, trong sự dâm-dục bậy-bạ, trong sự cờ bạc, rượu chè, thuốc sái, trong sự lừa dối biếng lêu-lông. Trên những con đường trơn và dốc ấy, họ đã chạm chán với bệnh tật, với nhục-nhã, với nghèo nàn, với thất-bại, với sợ hãi, với rối-loạn, với chán-nản... Thấy rõ cái vực-thẳm nó chờ họ ở đầu đường, họ chùn chân lại và tìm chỗ bầu vùi.

Nhưng, thân-thể họ đã mỏi mệt rồi, tình-cảm họ đã rã-rời rồi, họ bèn cầu cứu đến trí tuệ của họ. Họ sẵn lòng nghe theo

những lý-thuyết êm-ái của mấy nhà mô-phạm đạo-đức chuyên-môn tôn thờ lý trí.

Những lý-thuyết này hồi xưa rất bành-trướng. Khi tôn-giáo còn thịnh hành, người ta thường hay phân-biệt linh hồn với xác thịt. Người ta cho xác-thịt là thô-bỉ, bản-thủ, tội lỗi. Trái lại, những tinh hoa của con người kết tụ cả ở linh-hồn. Và ở trong phần hồn thì trí tuệ làm chủ để ra mệnh lệnh cho tinh-cảm vâng theo. Người ta hay dùng cái ẩn-tượng : cỗ xe có ngựa kéo và có xà-ích cầm cương ngựa, để hình dung sự liên-lạc của mấy phần người. Cỗ xe là thân-thể, con ngựa là những dục-vọng, những tinh-cảm, xà-ích là trí tuệ. Chức trách của trí tuệ là dẫn đường. Vì vậy nên nó sáng suốt, điềm đạm, nghiêm-khắc. Khi nào nó không bị dục vọng hay tinh-cảm làm mờ ám, thì nó xếp đặt cuộc đời của chúng ta rất gọn gàng, rất đẹp đẽ. Tính cách đặc biệt của nó là biết quan-sát, suy xét, lựa chọn, quavết đoán. Nó xử sự bao giờ cũng khôn ngoan, cũng đúng cách, nên người ta thường gọi nó là Lý trí, là lẽ phải, là Lương-trí... Không những người ta dùng trí tuệ để khảo-xát hoàn-cảnh bên ngoài, để thấu góp kiến-thức, để biết. Nó không phải chỉ là một cơ quan tri thức. Nó lại

còn chứa chấp những năng-lực hoạt-động tiềm-tàng nữa. Ở trong cái đám quân ô-hợp là những đục-vọng phản-trái nhau, trí tuệ là một chủ soái vừa thông-minh lại vừa khỏe mạnh, đã có oai lại có quyền nữa.

Chúng ta thường có hai mỗi bản-khoản :

- 1.) Làm mà không nghĩ, không sáng.
- 2.) Nghĩ, biết mà không làm được.

Phép tu-thân của các nhà mô-phạm dạy rằng : Nếu ta chịu khó rèn luyện Lý-trí trong ít lâu, thì nó sẽ đủ quyền-lực để ngăn cản cho ta những đục-vọng mù quáng. Nó lại có thể giúp cho ta thực hiện được những ý nghĩ dù những cái này có phản trái với những sở-đục của ta. Ta sẽ thành ra một người tự do vượt hẳn ra ngoài sự thúc-phục của đục vọng, và chống lại được những ảnh-hưởng của hoàn-cảnh. Ta cai-quản được thân-thể và tình-cảm của ta. Ta đàn-áp được chúng cho đến khi nào chúng hoàn-toàn phục-tòng. Lý-trí của ta thành một vị đế-vương độc-đoán nắm toàn quyền trong tay. Đặc-tính ấy của Lý-trí, người ta thường gọi Ý-chí.

« Ý chí là cái tác-dụng trong tâm-lý, để suy-xét, chọn lọc và quyết đoán ».

(Hán Việt từ điển Đào-duy-Anh)

Vậy muốn sửa đổi những tội-lỗi, muốn tránh đau-khổ, muốn tìm hạnh-phúc, thì — theo ý các nhà mô-phạm đạo-đức — chỉ có một con đường, là: *Rèn luyện Ý-chí*.

Tất cả những kẻ đam mê vật-dục, trong lúc hối-hận, đều nhảy sô lên con đường ấy.

Vậy phép luyện ý-chí đã đưa họ đi đến đâu?

Họ bắt đầu nhận những tội lỗi của họ. Họ dùng trí thông minh để tách-bạch rõ những trạng-thái đau khổ và cuộc đời lộn sộn của họ. Sau mỗi lần sa ngã, họ lại tái ngòi nhắm gậm lại những cảm-giác chua xót của những kẻ lầm-lỡ. Họ hối. Họ tiếc. Họ ghê-tởm con người của họ.

Thấy cần phải rời bỏ nó, họ dùng chí tưởng-tượng để vẽ ra một con người khác rất đẹp-dẽ, để xây đắp một cuộc đời rất rực-rỡ. Càng ngã xâu xuống bao nhiêu, họ lại càng ngoi lên cao bấy nhiêu. Đã bản-thủ nhiều rồi, họ thêu dệt cho họ một bản-ngã mới thật trong sạch. Đã khốn khổ vì ăn uống bậy bạ, họ thấy mình nay tiết-độ như một nhà tu-hành; đi trốn sự rày vò của đam dục, họ khoác áo một đạo-sĩ thanh

cao thư-thái; và những kẻ rút rút, sợ sệt lại hay làm ra bộ mạnh bạo, gan góc như những tên quân cảm tử...

Nhưng họ cũng không ôm-ấp những viên ảnh ấy được lâu; sự mơ mộng làm cho họ mỗi mệt ngay. Và họ cần phải tự khích-thích bằng những cái trù-tượng hơn, giản-tiện hơn. Họ đi tìm khuyến-khích ở các bạn bè thân-thuộc, ở trong sách vở. Luôn luôn phải có một không khí tinh-thần nhân-tạo bao bọc lấy họ, che chở cho họ. Họ thấy họ sắp đổ rồi, sắp ngã rồi, vì không ai có thể nâng đỡ cho họ như thế mãi được.

Cùng quá, họ dùng đến những chàm-ngôn danh thép, thật mạnh-mẽ để tự-kỷ ám-thị. Họ cau mày, đập mạnh tay xuống bàn, hét lên: Ta muốn thế này, ta muốn thế kia... Nhưng chân họ đã run rồi, trí họ đã lạc rồi, tội lỗi họ lại ngã vào tội lỗi!!!

Chúng ta hãy thử trông chung quanh ta xem mỗi ngày có bao nhiêu tấn kịch sa ngã thảm thương như thế. Có biết bao nhiêu người đánh bạc cả đời, mê gái cả đời, uống rượu cả đời... tuy rằng lúc nào họ cũng chiêm bái những tư-tưởng cao, lúc nào họ cũng nói ra những lời cương-quyết. Những bà mẹ hiền-từ, những người cha nghiêm-khắc, những bậc sư-phụ đạo-đức đã lộn bao

nhiều công-phu để khuyên-răn, đe-net, rèn-luyện lý-trí cho những đứa con tội lỗi, mà rút cục những lời giáo-huấn chỉ trôi đi như nước chảy qua cầu, có kết quả gì đâu ?

Giữa buổi giao thời này, trong bọn thanh-niên trí-thức chúng ta, biết bao nhiêu người hằng ngày ôm ở trong lòng những nguyện-vọng tha-thiết về đời sống, mà rút cục không đem thực hành được. Chúng ta thấy rằng ta phải rút bỏ cuộc đời an nhàn, chịu-dựng, thụ-động, lười biếng, ta phải khua động cái sinh lực tự hãm của ta, ta phải sống một cách mạnh-bạo, quả-quyết gan góc, ta phải phấn - đấu luôn luôn, hoạt động luôn luôn, ta phải văng mình vào giữa thế giới rộn rịp, giữa vũ-trụ linh-động, ta phải đi tìm một đời sống sáng-sủa hơn, đầy đủ hơn, phóng khoáng-hơn... Chúng ta đã nghiền ngẫm bao nhiêu lần những tư-tưởng mà ta dùng làm ánh lửa dẫn đường cho ta, chúng ta đã tiêu phí bao nhiêu giấy mực để phát biểu những nỗi hăn học chưa sót của ta. Từ những bậc đàn anh của chúng ta — nay đã gần bạc hết mái đầu — cho đến chúng ta, đã bao nhiêu lần cùng nhau diễn đi diễn lại mãi những ý nghĩ tha thiết về đời sống, nhắc đi nhắc lại mãi những châm ngôn thấm thía ! Đã bao nhiêu đêm chúng ta không ngủ để

đời một buổi sáng huy-hoàng rực-rỡ, đã bao nhiêu bữa cơm chúng ta không ăn để chờ đón một khoảnh khắc long trọng; đã bao nhiêu lần chúng ta cố tình rút bỏ những kỷ-niệm thân yêu; trên con đường lý tưởng, đã bao nhiêu lần chúng ta bán khoán, toan tính, hy vọng, đau khổ... Cõi lòng của ta như một đại dương không lúc nào yên sóng gió, trí tuệ của ta như một ngọn lửa ngùn ngụt cháy đêm ngày. Chúng ta hăng hái, dăm chiêu chạy đi tìm những chân lý trong khoa học, trong văn chương, trong mỹ thuật để tự giải thoát; chúng ta tắm mình trong không khí một bể học vô cùng phong phú. Bơ vơ, lạc lõng, chúng ta vẫn cố công đeo đuổi, ngã rồi lại dậy, nản rồi lại tin, chúng ta vẫn hăm hở bước trên con đường muôn dặm... mà kết cục, sa ngã vẫn hoàn sa ngã, buồn tẻ vẫn hoàn buồn tẻ.

Trong công cuộc rèn luyện ý chí để thiết lập một đời hoạt động tung bừng mới mẻ, chúng ta đã hoàn toàn thất bại. Phương pháp ấy chỉ làm cho chúng ta đau khổ thêm, rối loạn thêm, hèn yếu thêm.

Nguyên do là tại người ta đã xây dựng nó

trên một quan niệm rất sai lầm về con người và về cuộc đời. Người ta tách hẳn lý-trí ra khỏi thân thể. Có thể nào thể được đâu ! Sự kích-thích của hoàn-cảnh bên ngoài, sự sinh hoạt trong cơ thể hằng ngày để rớt lại thần kinh hệ của ta bao nhiêu cảm giác; chúng kết tinh cả lại thành những hình-ảnh. Những cái này liên lạc với nhau tạo thành những tư tưởng; và những thứ này lại cọ xát với nhau, linh động luôn luôn, ta mới cảm thấy là ta có trí tuệ, có lý-trí. Những tác động của lý trí lại thay đổi nhịp điệu luôn luôn cùng với những dục vọng rất bí ẩn, những tình cảm rất phiền phức. Trí tuệ chỉ là một phần người, sáng nhất nhưng mà nhỏ nhất, yếu nhất. Sinh lực của con người phát xuất ra nhiều nhất, mạnh nhất theo cái đà của bản năng, của dục vọng. Trí tuệ chỉ là ánh đèn, dục vọng mới là lò lửa. Trí tuệ chỉ có thể ví như hoa, như lá, dục vọng mới là gốc cây.

Các nhà tâm lý học đời nay (vừa là những nhà sinh lý học rất xuất sắc) đều đồng lòng phá đổ cái quan niệm lý trí của các nhà mô phạm nệ cổ. Bắt đầu từ cuối thế kỷ thứ 19 Théodule Ribot đã giật đổ xụp cái ngai vàng của trí thuật. Trong cảnh tung bưng của đời

sống, lý trí chỉ còn là một vai trò gầy đét, nhẵn nhụi và yên lặng. Bao nhiêu tinh hoa, bao nhiêu lạc thú, bao nhiêu kho tàng của con người bắt nguồn ở chốn sâu thẳm của những tế bào. Dục vọng phản chiếu năng lực của các tế bào, tình cảm chỉ là một khối dục vọng, và tư tưởng phải lệ thuộc vào cái phẩm và cái lượng của các giác-quan và của toàn bộ cơ-thể. Ngày nay, người ta đã khôi phục lại cái địa vị quan trọng của cơ thể nó đã bị ruồng bỏ hành hạ trong bao nhiêu lâu. Những hình-ảnh lơ-mờ (giao-động trong lúc mơ-mộng) những ý-nghĩ lớn-vớn không bắt rễ vào giây thần-kinh và bắp thịt... đều bị gạt ra ngoài cuộc sống. Người ta không phân tách sự cảm, sự nghĩ, sự làm nữa, cũng như người ta không chia rẽ trái tim, khối óc, và thân-thể nữa. Ba phần ấy gồm thành một khối linh-động ở giữa hoàn-cảnh xã-hội và hoàn cảnh thiên-nhiên. *Hoàn-cảnh ảnh-hưởng vào con người rất mạnh: « Hoàn-cảnh cai trị ta. Có những hiện-tượng kỳ-lạ xảy ra ở con người ta, mà nguồn gốc phải tìm ở hoàn cảnh xung quanh mộng mên và bí mật »* (Dr. Osty)

Trong một cuốn sách để phát biểu ý kiến chung, nhan đề là *« Les miracles de la volonté »*, hầu hết tất cả các tác giả có mặt tại đó như

giáo sư Ch. Richet, Dr. Theoris Van Borre, Dr. Vinchon, Masson Oursel, Panait Istrati... đều không công nhận cái định nghĩa cũ của chữ *volonté* (1) mà ta thường dịch là *ý chí*.

Theo các tác giả ấy thì *ý chí* là một ảo-tượng của các nhà hiền triết quá thiên về luân lý. Sự suy nghĩ theo kiểu các tin đồ của *ý chí* chỉ có hại. Nó làm cản cái đà sinh-lực. Nó làm vơi cái mực sống. Thống chế Foch cho rằng « *nghị-lực không phải là một của thừa được* » tức là có *ý chế* riều những phương-pháp phiền-phức và vô hiệu của phái tri thức bất lực.

(1) Trong tiếng pháp hiện giờ, chữ *volonté* có 3 nghĩa :

- a) *volonté* : *ý chí* theo nghĩa giải thích ở đây.
- b) *volonté* : lòng ham muốn theo nghĩa giải thích ở chương sau.
- c) *volonté* : sinh lực theo các nhà sinh-lý-học đời nay. Jules de Gaultiers : « La *volonté* est une sorte de Potentiel vital. C'est la vie. L'exercice la *volonté* consiste à éliminer les états de conscience qui de interceptent l'énergie nerveuse.

Dr. Theoris Van Borre : « La vie d'abord. La raison n'est venue qu'après coup. Le sus-effort mental est l'ennemi de la vie par les effets nocifs de la fréquence vibratoire sur le tonus musculaire strié et lisse ».

Dr. Vinchon : « Il y a une énergie même pour les indolents ».

Charles Blondel còn tàn-nhân, hơn nữa khi ông lên án cái « vạ ý-chí » : « *Chỉ ban-bổ những chương-trình bằng quơ, chỉ dự thảo những sắc-lệnh mà không bao giờ đem thi hành, chỉ có muốn mà không có làm . . . thái-độ ươn hèn ấy, sớm hay chầy sẽ làm cho ta khốn-nạn khổ-sở về vật-chất hoặc về tinh-thần, nó lại còn đưa ta đến chỗ chết nữa* »

Jules de Gaultier lại phản đối cái thuyết ý chí một cách ráo riết nữa : « *Muốn cho cuộc đời thực kỳ-thú, thì từ lúc sinh ra đến lúc chết, phải có một lòng đam-mê vô tận, hoàn toàn vô-ý-thức lúc nào cũng khuynh hướng về hành động* »

Ngày nay thuyết ý chí không những không được sùng thượng, mà lại còn bị coi khinh nữa. Ai ai cũng đã trông thấy những tai-hại nó gây nên rồi. Nó đẻ ra một bọn trí thức lối bịch, nghĩ một đàng làm một nẻo, suốt đời ngo ngác như những kẻ mất hồn. Họ lại dễ sinh ra phản trắc nữa, bởi vì ở họ, trí tuệ bay lượn vờn ở trên, không ăn nhập gì vào đời sống cả. Đã ngoài hai mươi năm nay, khi nói đến bọn trí thức quanh-quần ấy, nhà văn-sĩ Romain Rolland đã thốt ra những lời gay gắt :

« Muốn mà không dám làm, đã làm lại không dám liều, trên đường lý tưởng dừng bước nửa chừng để đến nỗi lạc lõng và thụt lùi... đó là cái tật khả ố nhất. Người ta thường sợ làm lỡ; biết đâu sự giờ-dàng mâu-thuân còn làm cho ta khốn nạn gấp trăm nghìn lần. Khi tôi định sống cho một tư-tưởng nào, thì lòng tôi không khỏi bồi hồi, vì tôi không biết rằng tôi sẽ phải theo đuổi nó đến tận đâu. Nhưng khi lòng tôi đã quyết rồi thì tôi không sợ gì nữa, tôi sẽ khinh-bĩ tôi nếu tôi hèn nhát không theo kịp cái trí của tôi. Bỏ nó đi trước mặt mình, tức là giết chết nó vậy ».

Trong đạo nho của Á-dông, một nhân vật hoàn toàn — người quân tử — ngoài cái trí để hiểu biết sự vật, lại phải có cái dũng để áp dụng chính-kiến. Người trí giả chỉ thuộc sách và nói văn hoa ở đầu lưỡi, không có năng lực hoạt động gì, là một kẻ tiều nhân. Goethe cho rằng: « Nghĩ dễ, làm khó, làm heo ý nghĩ khó tuyệt ». Nếu cái thuyết « tri thành hợp nhất » (biết và làm chỉ là một) của Vương-dương-Minh đã được ứng dụng, thì có lẽ số phận của đạo Nho không đến nỗi lại đời bại như ta đã thấy. Ở bên Âu-châu trước hồi chiến tranh cũng đã thấy nói đến cái họa tri-thức. Chỉ thương hại thay cho bọn lạc hậu

chúng ta vẫn lao đầu vào những cạm bẫy tai hại.

Hơn một thế kỷ nay, sĩ-phu Việt-nam hầu hết đã bị nhào-nặn trong một khuôn khổ giáo-dục ác liệt. Chính cái tật tri thức ấy nó đã làm tê-liệt sinh-lực của ông cha ta. Chúng ta ngày nay, không những phải tránh cái họa ấy, lại còn phải lo phá tan những ảnh hưởng di truyền còn lưu liên mãi đến tận bây giờ. Trên con đường giải phóng của chúng ta đó là một trở lực phải đập đi trước nhất.

CHƯƠNG III

Lập chí-hướng

Những người tâm-thần bất-định (đã nói ở chương III trong phần thứ nhất) cũng đi tìm một phương-pháp để thoát ra ngoài vòng khổ-sở của họ.

Nhưng họ không thích và không theo được cái phép rèn-luyện ý-chí (!) của các nhà mô-phạm khắc-khổ. Vì quá thiên về tình-cảm, trí-nghĩ của họ vụng-lắm, không biết suy-xét (!), chọn-lọc (!) quyết-đoán (!) như những tin-đồ của ý-chí (!). Họ không thể dựa mình vào những quan-niệm, những châm-ngôn trừu-tượng được (tuy rằng những cái này cũng chẳng chắc-chắn gì). Họ không thể hiểu được những chủ-nghĩa, những lý-tưởng rất nhiên-phức, rất mơ-hồ của người tri-thức. Họ cần đến một cái gì gần-gạn

hơn, cụ-thể hơn, dễ cảm thấy hơn. Họ mong-mỗi một phép tu-thân thích-hợp cho họ hơn.

Những ai sẽ là ân-nhân của họ ?

Khác với ở chương trên, ở đây họ không có cái may — hay cái rủi — được gặp một phương-pháp giáo-dục, có hệ-thống, có qui-tắc nghiêm-ngã như phép rèn-luyện ý chí. Họ tìm ngay thấy ở trong hoàn-cảnh xã-hội, trong phạm-vi gia-đình, hay trong đời riêng của họ những sự kích-thích mãnh-liệt mà họ cho là những phương-thuốc công-hiệu. Ít lâu nay, có một vài nhà tâm lý học như Coué, Philippe Rémy... đã mang khảo-xát những hiện-tượng tâm-lý ấy và lập một phép rèn-luyện ý-chí khác để đối-chọi và phá-đổ cái phép rèn-luyện ý-chí của các nhà mô-phạm cổ-hủ.

Phương-pháp của Coué không dựa vào cái phần hữu-thức của con người nó chứa đựng những quan-niệm, những tư-tưởng đã nhắc đi nhắc lại mãi, cũ-kỹ quá, mòn-mỏi quá, suy-yếu quá không còn năng-lực gì. Cái cốt-trụ của phương-pháp Coué là tiềm-thức, cái kho dực-vọng, tình-cảm và ý-nghĩ rất xúc-tích, rất bí-mật, rất sôi nổi. Ở đây chủ-tướng đã điều-khiển sự sống không phải là bà-lão lý-trí cau-có và gầy sòm. Đây là một

niên-thiếu anh-hùng, rất tài-hoa, rất lãng-mạn, rất phóng-túg, rất hăng hái, chủ trương ở đây là *tri tưởng-tượng*.

Trong tiếng nói hàng ngày, ta thường dùng một chữ « *nghĩ* » (cũng như trong tiếng Pháp dùng chữ *penser*) để chỉ hai trạng-thái hoạt-động tâm lý khác nhau :

1.) *Nghĩ*, theo kiểu các nhà mô-phạm, tức là đem thu nhặt tất cả những hình ảnh hiện ra trong óc, dù mới hay cũ, đẹp hay xấu, rõ hay mờ..., rồi đem lựa chọn, đối chọi, chấp nối, ràng buộc cái nọ vào cái kia, cho thành ra những quan niệm, những hệ-thống có đường lối nhất định, có qui-tắc rõ ràng. Những công trình ấy (mà họ cho là do một tay Lý-trí làm nên) họ coi là những lợi khí rất màu nhiệm để sai khiến thân-thể và trái-tim, để tạo ra những tác động hữu ích, hợp với lẽ phải.

2.) *Phái Coué* cho rằng *nghĩ* như thế là vô hiệu. Người ta không thể nào dùng lý-trí để tách hẳn những tư-tưởng ra ngoài dục-vọng và tình-cảm được.

Nghĩ, theo kiểu Coué, không phải là đem huy-động tất cả những hình-ảnh mà thần-kinh-hệ đã ghi nhận được. *Nghĩ* là đem tập-trung một loại, một số hình ảnh, những cái rõ nhất, mạnh nhất, đem kết-tụ chúng xung



quanh một tình cảm, một dự vọng nào đó. Rồi cảm đoán, xua đuổi những hình ảnh nào phản đối hoặc thờ ơ với cái tình-cảm hay cái dự-vọng đã được chọn làm trung-tâm điểm ấy. Đó là công việc rất khó khăn của tri tưởng-tượng. Cái đặc tính của tri tưởng tượng khi đã được rèn luyện để làm nổi công việc ấy cũng gọi là ý chí nhưng khác hẳn với cái ý chí-tê-liệt của các nhà mô-phạm.

Thường thường thì sự nghĩ của chúng ta không có tính-cách nhất định. Khi thì ta nghĩ theo kiểu các nhà mô phạm một cách khô khan quá; khi thì ta lại nghĩ theo kiểu Coué. Nhưng Coué lại cho rằng nếu dùng tri tưởng-tượng mà không có phương-pháp, thì sự nghĩ lại thành ra lông-bông không có kết quả gì. Trái lại, nếu rèn luyện được tri tưởng tượng và cho nó đi đôi với một tình-cảm, hay một dự-vọng thì những tư-tưởng nóng hổi ấy sẽ mãnh-liệt vô cùng. P. E. Lévy đã đặt ra năm định-luật sau này để chỉ rõ cái công-dụng của tư-tưởng :

- 1) Tư-tưởng làm nảy ra cảm-giác mới.
- 2) Tư-tưởng làm át được những cảm-giác khó chịu.
- 3) Tư-tưởng làm cho ta nghe thấy hoặc trông thấy những cái xa vắng.

4) Tư-tưởng làm động đến phủ-tạng.

5) Tư-tưởng biến thành tác-động.

Philippe Remy thì nhất định đánh đổ cái lý-thuyết ý-chí của các nhà mô-phạm, để thế vào đây cái phương-pháp mới của Coué :

« Ý-chí mà xung đột với trí tưởng-tượng thì bao giờ trí tưởng-tượng cũng thắng. Và lúc đó, không những ta không làm được những điều ta dự định, mà ta lại còn làm trái hẳn lại với điều ta dự-định. Ta càng cố gắng dùng lý trí bao nhiêu, ta càng làm trái với lý trí bấy nhiêu ».

Rút cục, lý-trí phải phứt bỏ đi, tình-cảm được nâng lên một địa-vị quan-trọng để đốt nóng trí tưởng-tượng và đưa nó đi làm những việc phi-thường.

Nếu chúng ta thiên về tình-cảm, thì không còn phương-pháp nào hợp ý hơn nữa.

*
*
*

Vậy thì những người tâm thần bất định đã tự huấn luyện như thế nào ?

Lập chí là điều họ nghĩ đến trước nhất khi họ đã thấy chán ghét cái cuộc đời tầm thường, nhỏ nhen, rối loạn, vô ích, vô-vị của họ.

Lập chí là thế nào ?

Thường thường người ta xông ra làm

việc, cố gắng, chiến-đấu là do một lòng ham muốn thúc dục: ham giàu có, ham danh vọng, ham sắc đẹp, ham tài hoa. Hoặc là có một tình cảm thúc dục (tình thân ruột thịt, tình bạn, tình chủng-loại, tình nhân-loại...) Nhân những lúc bị kích-thích ấy, người ta dùng trí tưởng sôi nổi tạo ra hình-ảnh một cuộc đời ưa thích. Người ta lại đi tìm những sách vở, những tranh ảnh, những lời khuyến khích... để bồi-đắp, để tô điểm cho cái hình ảnh ấy thực rõ rệt, thực rục-rỡ. Người ta mang theo nó luôn bên cạnh để nâng đỡ cho mình trong những lúc đuối sức, để thúc-dục mình trong những lúc biếng-lười..

Lại có khi người ta hành-động chỉ vì một tấm lòng hiếu-thẳng. Người ta không cần đến hình-ảnh một tương-lai, người ta chỉ cần đạt được cái ý-muốn hiện-tại. Mỗi lần cố gắng chỉ để cho toại lòng tự-ái.

Dù sao, cái mục đích hoạt-động của họ cũng rõ-rệt. Chỉ hướng là cái ngọn roi bèn-bỉ mà bất cứ lúc nào họ cũng có thể sai khiến được để quất những con ngựa lười biếng và hư thân — là cái trí nghĩ, cái thân-thể, những tình-cảm, những năng-khiếu của họ.

Lập- chí là làm thế nào cho tư-tưởng,

tình-cảm và hành-vi được chuyên-cần và duy-nhất. Hoặc là dùng một ý-muốn hoàn-toàn vị kỷ, hoặc là dùng một ý-muốn vị-kỷ xa xôi khác một hình thức duy-tha gian-trá. Nhưng bao giờ cũng phải có một ý-muốn để làm nền tảng cho cái chí. Người chưa lập chí, người không lập-chí là người không có một ý-muốn mãnh-liệt để làm chủ những ý-muốn khác.

Đó là những người vô chí, những người khốn-khở. Họ không có một ý-muốn để chủ trương đời sống. Họ chỉ có những ý-muốn leo-lét bàng bạc, chúng nhường nhịn nhau, rồi lại tranh dành nhau loạn xạ, không ra làm sao cả. Ở thân-thể và tâm-hồn, diễn ra những trạng-thái hỗn-độn của một cảnh vô-chính-phủ không thể sinh-tồn được.

Những người tâm-thần bất-định toàn là những người vô-chí. Họ khao-khát ngồi đợi những kích-thích mãnh-liệt, những tai nạn bất kỳ, những cuộc đảo lộn ở bên ngoài để đánh thức sự sống ở họ dậy. Họ đợi những « tiếng sét của ái-tình » : người đàn bà, lúc bấy giờ, đối với họ là một cứu tinh. Nếu làm cho họ « yêu » được, thì người đàn bà dù đẹp dù xấu, dù ngoan dù hư, cũng được coi là một thần-tượng để họ thờ-kính phụng-sự. Họ đã tìm thấy cái chí

hương của họ, là sống cho một người đàn bà.

Nhiều khi, chỉ hương lại đến tìm họ một cách tàn-nhân hơn. Sự ruồng bỏ của cha mẹ, bè bạn, sự khinh-thị của xã hội, sự xa-sút... thường đánh vào họ những đòn rất đau. Lòng tự-ái chồm dậy. Họ thấy phải cố gắng để lấy lại lòng tin của gia-đình, để xã-hội phải vi-nễ, để những kẻ thù phải sợ-hãi. Trong một lúc phấn-khích, họ thấy cái lòng ham danh chuộng lợi — mà xưa kia họ tưởng là không có — nổi dậy như một ngọn gió mãnh-liệt nó lôi kéo họ đi.

Lại có khi vì bè bạn nâng đỡ, vì được chịu ảnh hưởng của một sinh-lực rồi rạo, họ cũng cố thu-thập tàn-lực để đi một con đường nhất định. Song những sự khích-thích giải thoát nhất cho họ thường ít khi là tình thương, tình yêu; phần nhiều họ chỉ vì phấn-uất mà đứng dậy cả.

Tuy nhiên, những trường hợp giải thoát lẻ loi, có tính cách cá-nhân như thế rất ít. Phần nhiều, số phận những người tam-thần bất-định bị buộc liền vào số phận hoàn-cảnh của họ. Khi hoàn-cảnh im-lìm thì họ đành nằm bẹp, vậy mà khi hoàn-cảnh bay đổi và linh-động thì họ lại là những người xông ra trước nhất, hoạt động nhiều nhất.

Họ là những người *bị liệt* và *bị-động*.

Cái phẩm-từ *bị-động* có khi lại rất đúng cho những người tưởng chừng như hoạt-động nhiều. Đó là những con cưng của những gia đình khuôn mẫu, tâm-trí bị nhào-nặn từ tấm-bé trong những thành-kiến dày đặc. Lúc nhớn lên, họ không bao giờ băn-khoăn về ý nghĩa sự sống, về trách-nhiệm con người. Họ hăm-hở tiến vào những con đường vạch sẵn. Họ ham-mê chạy theo những mục-đích có sẵn. Họ tự-phụ vi những tài-hóa, những sự-nghiệp của họ. Họ chỉ quên rằng họ là những hòn lăn mà người ta đã để lên đầu dốc...

* *

Trong xã-hội Việt-nam hiện thời, sự lập-chí lại bắt đầu khoác một hình thức mới. Cái hình-thức này, ông Ossip-Lourié hội-viên hội Tâm-lý bệnh học Pháp đã khảo-xát kỹ-càng trong một cuốn sách nhan đề là « L'arrivisme » (Cái bệnh hãnh-tiến).

Đó là một thứ dục-vọng cuồng dại nó xô-đẩy người ta tìm đủ mọi cách để đạt một mục-đích ích-kỷ trong một thời hạn rất ngắn ngủi. Nó xui dục người ta chiếm lấy một địa-vị xã-hội quan-trọng để cái này nâng cao giá-trị của người ta lên. Tùy theo khuynh-hướng của từng xã-hội và

từng thời đại, những kẻ hãnh-tiến đua nhau đi tìm danh hoặc lợi. Họ chỉ cốt sao cho thực mau chóng, nên họ hoạt-động một cách gay-go rữ-rội. Ở họ, những tình yêu thương dầm-ấm bị bóp chết cả. Khi cần phải đắc-thắng thì họ có thể ruồng-rẫy tất cả mọi thứ tình-thân. Trong buổi tranh bá đồ vương đời chiến-quốc, ta đã thấy có những kẻ chém vợ giết con để cầu công danh phú quý. Ngày nay, thế-lực kim-tiền còn xui bầy người ta làm những việc độc ác xấu xa hơn nữa.

Những người hãnh-tiến có một đặc-tính nữa là rất thích phô-trương tiền của, danh giá. Họ phải cần đến sự khen ngợi của thiên hạ như con cá cần đến nước vậy. Họ làm đủ các trò lỗ-bịch hay tàn-nhân để cho người ta để ý đến họ, khâm phục họ.

Một điều lạ nữa, là bọn hãnh-tiến rất bảo-thủ. Trong cảnh lâu-đài của xã-hội, họ đã bắc những thang giây, nhảy qua cửa sổ, để ngồi lên thượng tòng. Rồi họ không muốn cho ai vào nữa, không muốn cho ai lên nữa. Họ ngiệt-ngã với những người đi sang và tìm mọi cách để cản trở những sự thay đổi. Nếu xã-hội không cần tiến-

hóa mà chỉ cần bảo-tồn, thì bọn họ có công to nhất.

Cái bệnh hãnh-tiến, theo ý Ossip-Lourié, là một mối nguy lớn cho xã-hội. Bởi vì sự hoạt động của bọn ấy chỉ làm tiêu mòn những lực-lượng lao-cần căn-bản của xã-hội. Ossip Lourié lại buộc tội cho hoàn cảnh tâm lý của xã-hội đã gây nên cái họa hãnh-tiến. Khi trong một xã-hội, chỗ nào cũng chỉ nói đến tiền, chỉ trọng tiền, khi cái không-khi tiền đã làm thui chột hết cả những nguyện-vọng đẹp-đẽ, thì cái họa hãnh-tiến đâm chồi ra như cỏ mọc vườn hoang vậy. Theo ý Ossip Lourié những kẻ hãnh-tiến không phải là những phần-tử khỏe-mạnh trong sạch đáng quý của xã-hội. Đó chỉ là những kẻ hèn kém nhất, « vì bị hất hủi nhiều, bị khinh bỉ nhiều, nên quay trở lại trả thù xã-hội ».

Nếu lập-chí thực là quan hệ cho sự sống, thì bọn hãnh-tiến đã được coi là những vĩ-nhân rồi.

*
*
*

Trong tiếng việt-nam ta, hai chữ ý-chí mới nhập cảng, và còn bỡ ngỡ lắm (âu cũng là một cái may!). Mấy chữ thường dùng tự đời xưa, khi nói đến những hành-động mãnh-

liệt và chuyên-nhất, là *chí*, chí hướng, lập-chí, *gan*, thi gan. « Có *chí* làm quan, có *gan* làm giàu », câu phương-ngôn này chứa-đựng tất cả cái triết-lý của người Việt-nam về vấn-đề nghị-lực.

Chúng ta đã hiểu cái gì là cái *chí*, cái gì là cái *gan*. Chung qui, hai thứ ấy cũng chỉ là một. Đó là sự tập trung sức-lực (tư tưởng, tình-cảm, hành-vi) xung quanh một mục-đích *ích-kỷ*. Chỉ khác là người có *chí* thì theo đuổi mục-đích *ích-kỷ* một cách xa xôi, che đậy, và người có *gan* theo đuổi một mục-đích *ích-kỷ* gần-gần, rõ-ràng.

Điều cần là xét xem sự lập chí, sự thi gan có làm cho ta thiết-lập được cuộc đời hoạt-động đẹp đẽ không, có cho ta hưởng cái hạnh-phúc phóng-khoáng của đời sống không ?

Trong cuốn « Nguồn sinh-lực », tôi đã trình-bày những cảnh luẩn-quẩn khốn-nạn của những người *ích-kỷ* rồi. Nay chỉ xin nhắc lại rằng cái bản-ngã của chúng ta, dù có được tô-điểm đẹp đẽ đến mực nào, cũng chỉ có một ác quả là cản-trở sinh-lực. Một người *ích-kỷ* không thể nào khỏe được, không thể nào sung-sướng được, không thể nào làm việc lâu bền được. Khi người ta chỉ đắm-chiêu vì một mục-đích, *ích-kỷ*, khi người ta

bắt thân - thể và tâm - hồn co rúm lại để nhẩy về một phía, tức là người ta đã làm sai bản-tính thiên-nhiên của con người rồi. Làm như thế cũng tức như là chọc thủng mắt đi để nghe cho rõ, hay là cắt bộ-phận sinh-dục đi để cho tâm-hồn được thanh-cao (như kiểu mấy nhà sư ở Nam-kỳ). Đó chỉ là những hành-vi điên dại.

Xét kỹ ra, thì cái chí, cái gan, cũng chỉ là những hình - thức của tình sợ hãi. Vì người ta sợ hiu quanh, người ta mới quyết chí đi tìm ái-tình ; vì sợ đói rét, người ta mới quyết chí đi tìm tiền của ; vì sợ nhục nhã, người ta mới quyết chí đi tìm danh giá. Vì người ta thấy bản-thân mình yếu quá, nghèo quá, rộng quá, tẻ quá... người ta mới khao-khát đi tìm mọi thứ để bồi đắp, để tô-diêm cho nó. Lúc nào người ta cũng dăm-chiêu, cũng lo toan, cũng khắc-khoải như một tội-nhân đang chạy trốn.

Trong cảnh huống ấy, sinh-lực không thể phát-triển được, tài hoa không thể nảy nở được đầy đủ. Bo bo vì một mục-dịch ích-kỷ, tức là đi trốn sự sống hồn-nhiên, tức là bỏ mọi bắt bóng, tức là quên mất cái kho kỳ-thú vô-tận của thiên-nhiên, tức là tự hy-sinh cho một sự ngu-muội vậy.

Muốn rút hẳn với cái chí, cái gan nó thường ám-ảnh chúng ta, tôi xin mời các bạn hãy lắng tai nghe Panait, Istrati, một nhà văn-hào nổi tiếng là có một sinh-lực phi-thường :

« Có kẻ cố dăm chiêu chạy đi tìm sự sung-sướng thỏa-thuê. Nếu hẳn đạt được mục-dịch, đắc-thắng, giàu sang, quyền thế, thì hẳn cũng chỉ đáng khinh ; mà nếu hẳn bị thua, bị ngã thì cũng không đáng phàn nàn. Có nghị-lực như những kẻ đang day tay mồm miệng ấy thì buồn lắm — Muốn có nghị-lực, thì trước hết phải rút bỏ cái thứ nghị-lực phương tuồng kia đi đã. »

CHƯƠNG IV

Bồi bổ xác-thịt.

Trước hết ta phải phân biệt sự bồi-bổ xác-thịt với sự giữ-gìn thân-thể, sự qui-trọng sức khỏe.

Qui trọng sức khỏe là theo những phép vệ-sinh rất giản-dị và rất bổ-ích như: ăn uống có tiết độ, làm việc có chừng mực, năng thở hít ở nơi thoáng khí, năng vận-động gân cốt, năng tắm rửa sạch-sẽ... Đó là một cách bền-vực sự sống, một cách yêu sự sống, một cách sống thông-minh. Ta phải ca ngợi nó, thực hành nó, và cổ-động cho nó.

Trái lại, ta phải đề-phòng, phải phá đổ một khuynh-hướng rất tai-hại mới nhập-cảng xứ này trong ít lâu nay cùng với một phong trào Âu-hóa rất nông-nổi: đây là một

phương-pháp tối-tân, tò nhiều mầu khoa-học. Nó mới thành-hình trong vòng vài chục năm nay, đồng thời với những sự phát-minh của các nhà sinh-lý-học về nội-hạch, về sinh-tổ, về máu, về vi-trùng... Người ta mang áp-dụng nó trước nhất, trong những xã-hội tư-bản (nhất là ở Mỹ) cho những bọn triệu-phú đã vì sự cạnh-tranh khốc-liệt mà bị sơ-sác từ thân-thể đến tâm-hồn. Hồi ấy bác-sĩ Voronoff, chuyên môn tiếp hạch sinh-dục của loài khỉ cho những người suy nhược, đã kiếm được rất nhiều tiền của các nhà tư-bản ở hai bên bờ biển Atlantique. Theo ý Voronoff thì người ta có thể cải lão hoàn-đồng được cho một người già nếu người ta làm thế nào luôn luôn mang được vào trong máu người ấy những chất dịch-khí do hạch sinh-dục của những con khỉ đang cường tráng tiết ra. Voronoff cùng với các môn-đồ đã dùng phép giải-phẫu để ghép những cái hạch khỉ ấy vào chỗ gần bộ-phận sinh-dục của người, làm ra những hạch « nhân tạo ». Những cái này nếu nó bám rễ được vào ngài thì những chất dịch-khí (hormones sexuelles) của nó sẽ chảy vào máu ngài, và kích-thích mãnh-liệt các cơ-quan trong thân-thể ngài. Chỉ trong vòng vài ba tháng, ngài sẽ đỡ da

thẩm thật, những nếp răn trên trán, trên má ngài sẽ mất đi, ngài sẽ yếu đuối, và ôi hạnh phúc! ngài sẽ lại thấy yêu người đàn bà như khi ngài còn mười tám, hai mươi tuổi!!!

Lý thuyết ấy đã quyến rũ nhiều tay trọc-phú, và đồng tiền của họ bỏ ra cũng đã làm cho các nhà báo rầm-rộ nói đến Voronoff như một cứu tinh của nhân-loại!

Nhân đó, bọn trí-thức bất-lực (mà chúng ta đã gặp ở chương IV phần thứ nhất) bèn đồ sô đến, vỗ lấy lý-thuyết ấy, coi nó là một đạo bùa cứu mệnh. Nguyên do là tại tinh-thần của họ bạc-nhược quá rồi, họ không còn hy-vọng gì ở trái tim khô héo của họ nữa, ở khối óc mỗi mọt của họ nữa.

Luận theo cái điệu của một chủ nghĩa vật-chất nông-nổi, và làm sai lệch hẳn cái ý nghĩa của những sự phát minh về sinh lý, họ cho rằng họ có thể trong khoảnh khắc dùng một chai thuốc, một mũi tiêm, một chất bổ để khôi phục lại cho họ cái sinh-lực mà họ đã tàn phá đi trong bao nhiêu năm rồi. Họ đã đi tìm để ăn những thứ đồ ăn xúc-tích, chứa đựng nhiều chất đã tìm thấy trong sự phân tích máu và các tế bào. Họ ăn thật nhiều đường để

mang chất ngọt vào máu, thật nhiều trứng, sữa, thịt để lấy chất đạm, chất mỡ, chất lân - tinh. Muốn bỏ xương thì họ ăn nhiều chất vôi, muốn bỏ gan, phổi, óc, thì họ tìm gan, phổi, óc của súc vật. Họ thích nhất là bồ-dục lợn và hạch sinh-dục của bò đực. Họ muốn thừa hưởng một cách trực-tiếp cái sinh-lực của những con vật đã chết đi rồi!

Ngoài sự ăn uống kỳ - dị ấy ra, họ lại còn dùng rất nhiều thuốc. Họ không tin ở thân thể họ nữa. Họ, sốt, rức đầu, sồ mũi, mụn nhọt... đối với họ là những tai nạn tầy đình. Đó cũng lại là những dịp rất tốt để cho họ làm những con bò sữa (để nộp tiền) và những con chuột bạch (để thử thuốc) cho những thầy lang và hiệu bào chế.

Theo chân bọn tri-thức suy đồi này, là bọn nhà giàu ngu xuẩn. Ngồi lên đồng tiền mà họ đã bóc lột và vơ-vét được một cách rất gay gắt, họ chỉ nghĩ đến tận hưởng những khoái-lạc của xác-thịt. Sự hoang dâm vô độ thường làm cho thân thể họ mỗi-một, chậm-chạp. Để đi trốn thân chết mà lúc nào họ cũng ngơ ngợp sợ, họ chỉ trông thấy có một lối ra là: sâm, nhung, cao, quế và thuốc tráng

đương, bỏ thận ! Những thứ này mang lại cho họ những cái bụng to lớn và biến họ thành những con cừ non để cho bọn phù thủy trong nghề thuốc bóc-lột.

Tiện đây, ta lại phải kể đến những thiếu nữ phái mới đã học khoa sinh-lý ở mấy tờ tạp-chí chuyên môn phỉnh-phờ sắc đẹp. Mấy nhà văn-sĩ đã dạy họ tìm những đồ ăn có nhiều sinh-tố và chất đạm, dạy họ xoa kem và uống nước đường trước khi đi ngủ, dạy họ luôn luôn phải đến các phòng thăm bệnh và các nhà bào chế, dạy họ phải coi người chồng sau này là một thẳng mọt để bồi-bổ thân-thể và sắc đẹp cho họ. Sự phổ-thông khoa y-học một cách ngu-độn này đã làm tiêu tán cái đức-tính can-đảm của người đàn bà Việt-Nam. Khác hẳn với ngày xưa, hạng phụ nữ ấy bây giờ sợ nuôi con và sợ những công việc nội trợ khó nhọc : họ chỉ nghĩ đến bồi bổ thân thể ! Bên cạnh bọn thiếu-nữ ngây-ngô và thô-bỉ ấy ta không nên quên những chàng thanh-niên tin rằng bắp thịt là sức khỏe và cố làm mọi cách cho ngực nở bụng thon. Họ tập đu, tập tạ, tập chạy nhảy rất nhiều, rất chăm-chỉ, chỉ mong sao cho chóng có một thân-hình đẹp-đẽ như những lực-sĩ trên màn

ảnh. Phần nhiều vì dùng sức quá độ sinh ra đau tim, đau ngực và mệt mỏi. Họ không thể chú ý được lâu để nghĩ, để học, để làm một công việc tinh-thần bền-bỉ. Họ bèn dùng dầu cá, dùng sữa tươi để tắm bổ, và dùng cà-phê, rượu mạnh để kích-thích thần-kinh. Đó là những miếng mồi rất ngon cho bệnh lao và bệnh thương hàn.

* * *

Tất cả những người kể trên, — bọn trí-thức bất lực, bọn nhà giàu tham-lam, và bọn nam-nữ thanh niên ngây dại — đều hiểu lầm những luật sinh-lý rất quan-trọng. Họ có một quan-niệm vật-chất sai-lạc quá về con người, về sức khoẻ. Họ không biết tôn-trọng con người, không biết quý-hóa sinh-lực. Họ chỉ biết bồi-bổ thân-thể để cái này mang lại cho họ những khoái-cảm mà họ ao ước. Những đồ ăn bổ béo, những vị thuốc, những cách tập võ... cũng có mang lại cho họ ít nhiều kết quả mà họ trông thấy ngay. Thực ra, họ đã vô-tình bước chân lên con đường dọa-lạc: họ rút nhỏ phạm-vi cuộc đời của họ vào trong việc phụng-sự thân-thể một cách hẹp-hòi. Lâu dần, họ thành nô-lệ cho thân-thể của họ nó càng ngày càng yếu đuối dần, và càng ngày càng

đòi hỏi họ những nhu-cầu phiền-toái. Bị trói buộc vào đấy, họ không thể nào hiểu được những thú-vị phong phú của một đời sống thông-minh và giản-dị.

Xét cho kỹ ra, nguyên-nhân xaù xa của sự đọa lạc này, phải tìm ở trong sự suy đồi của văn-hóa tư-bản và ở những khuynh hướng mù-quáng của một số thầy thuốc trụy lạc. Trong *Revue des deux mondes*, từ năm 1933, R. d'Harcourt đã viết: « Trong xã-hội văn-minh đời nay, người ta chỉ muốn sống để hưởng những lạc thú vật-chất: người ta muốn xây-dựng hạnh-phúc trên sự yên ổn của người trưởng giả, trên sự đều-hòa vững-trãi của các phủ tạng. Lý tưởng của người đương thời là sự « *thái bình trong chỗ sâu thẳm của cơ thể tức là trong các tân-dịch* ». (1) Đi tìm hòa bình một cách thô-bỉ như thế, người ta đã làm mất hết ý nghĩa của sự sống ».

D'Harcourt lại còn buộc tội khoa-học và khoa y-học một cách nghiệt-ngã hơn nữa:

« Khoa-học đã làm cho thế giới khô-khan, lại còn làm cho bần-thiểu nữa. Ở con người, khoa-học không trông thấy phần tinh-anh, mà chỉ biết có phần thú vật. Khoa-học phụng sự ráo-riết những thú tính

(1) le pacifisme des humeurs physiologiques

hèn hạ của loài người, và rút nhỏ phạm vi cuộc đời vào trong vòng sinh-hoạt của phủ-tạng. Thực ra, con người ta nào phải đâu chỉ là một cái bộ-phận tiêu-hóa? Làm sao mà hiểu được sự sống khi không nhận thấy cái sinh-khí nó điều-khiển con người? Khoa y-học và khoa vệ-sinh đời này đã tiến quá vào chủ-nghĩa vật-chất, đó là một sự ngu-muội đen tối và xấu-xa».

Trong tình-trạng nhá nhem của khoa y-học ấy, một số thầy thuốc vô lương tâm đã reo rắc những lý-thuyết sai lầm rất tai-hại. Khuyên những thanh niên hăng-bái đi tìm cách trút bớt cái sinh-khí của tuổi dậy thì nó làm cho họ rối loạn; khuyên người ta ăn nhiều thịt và trứng vì những món ấy có nhiều chất đạm đã tìm thấy trong máu và trong các tế-bào; khuyên người ta bảo-hiêm sức khỏe bằng cách dùng thật nhiều thuốc tiêm và thuốc thụt... đó là những cách mầu-nhiệm nhất để chặt đứt cái gốc của đời sống và đưa người ta vào cõi tội-lỗi và bệnh-tật. Nếu khoa-học không được phổ-thông một cách khôn ngoan, thì những kiến-thức lò-mò của chúng ta chỉ tổ đẩy chúng ta vào trong tay những kẻ tham-lam và độc-ác mà thôi.

Trong ít-lâu nay, có những nhà bác-

học uyên - thâm như các bác-sĩ Alexis Carrel, Paul Carton, Gaston Durville, Henri-Arthus... đã đứng lên vạch rõ cái mối họa gây nên bởi sự bồi-bổ thân-thể một cách mù-quáng như thế. Theo ý các bác-sĩ ấy thì muốn chống cái khuynh-hướng quá vật-chất của y-học và của thời-đại, người ta cần phải khôi - phục lại những « giá-trị tinh thần » ở con người. Nghĩa là người ta phải vượt ra ngoài giới - hạn của các phần người vật-chất mà y-học đã mổ sẻ, soi xét, phân-tách tỉ-mỉ. Người ta phải công nhận rằng có một động-lực nó làm cho người ta sống, tuy rằng cái động-lực ấy, khoa-học chưa biết rõ nó là cái gì.

« Con người không phải là một khối vật im lặng; cái đặc tính của đời người là sự linh - động, linh - động ở bắp thịt, linh - động ở tâm-tri. Người ta là một bộ máy chứa đựng sinh-lực. Đã đành rằng các cơ quan trong thân thể, các chất tân-dịch là nền tảng cuộc sinh hoạt của chúng ta. Nhưng cái nguyên khí nó điều khiển sự tiêu hóa, nó làm cho tim đập, nó kích-thích các bộ-phận, nó tạo ra sự sống, cái nguyên khí ấy chưa ai có thể phân-tích mà biết rõ được. Ta đừng vội tưởng rằng sinh-lực bị lệ-thuộc hoàn-toàn vào phẩm-chất

của các tế bào, của các tân dịch, của các bộ-phận trong thân-thể. Sinh-lực chẳng phải là do vật chất đào tạo nên. Ta nên biết rằng tuy nó cũng bắt rễ vào cơ-thể một cách chắc-chắn, nhưng nó cũng còn liên-lạc với nhiều hiện-tượng nữa mà khoa học chưa khám phá được » (1)

Cái quan-niệm mới mẻ và đầy đủ về con người này đã đẻ ra những phương-pháp vệ-sinh và trị bệnh rất công hiệu. Đó là chủ nghĩa « sống theo thiên-nhiên » (naturisme) và cách dưỡng sinh đúng như những luật lệ của sự sống. Tôi sẽ có dịp bàn đến trong những cuốn sách sau.

Ở đây ta chỉ cần nhận rằng: bồi bổ thân thể một cách không thông minh như một số người thường làm, không phải là kế sách vạn-toàn để đạt sức khỏe. Trái lại, chính vì thế, mà sức khỏe sẽ bị tiêu diệt rất chóng...

(1) Dr J. Arrü Blachette (L'homme devant la médecine).

CHƯƠNG V

Những con đường cụt.

Trong phần thứ hai này, chúng ta đã đem phê-bình những phương-pháp mà những người yếu thường dùng để vượt ra khỏi cái vòng khổ-sở của họ. Chúng ta đã thấy rằng những phương-pháp ấy không giải-cứu cho họ được, và lại còn làm cho họ yếu đuối thêm, khổ sở thêm.

Xét kỹ ra, không phải là tại những người yếu đuối không thực lòng muốn giải-thoát. Tình-trạng của họ thật là muôn phần thê-thảm : với một sinh-lực tù-hãm, quanh-quẩn, họ không thể nào vui sống được. Họ cũng không thể nào tự khuây-khỏa được bằng những trò giải-trí tầm-thường. Và cũng không ai có thể vì họ mà khơi nguồn lạc thú được. Bị đầy-đọa

trong cảnh hiu-quạnh, cô-độc, họ vừa buồn rầu vừa sợ-hãi. Họ hồi-hộp ngồi đợi một dịp thoát thân. Hễ hơi thấy một tia hy-vọng ở phía nào, là họ đâm bổ đến, và lao đầu vào như những con bệnh rút rút đi chạy trốn thần chết.

Khổ thay ! Lại chính vì lòng nhiệt-thành ấy (lòng nhiệt-thành qui hóa của những người bám vào sự sống), mà họ bị quáng mắt, bị mê hoặc. Thủ-phạm trong những vụ hại người này, chính là ba cái phương-pháp trên kia, mà chúng ta đã gọi là ba phép tu-thân (!).

Phép thứ nhất (rèn luyện ý chí) khuyên người ta xây đắp một bản-ngã trí-thức, để cái này trừng-trị xác-thịt nó đã tỏ ra là không ngoan-ngoãn !

Phép thứ hai (lập-chí hướng) xui người ta hy-sinh tất cả phần hồn và phần xác, để đi đến một sự đắc-thắng mà người đời khen ngợi !

Phép thứ ba (bồi bổ thân thể) dạy người ta đồ thật nhiều chất bổ cho cơ-thể để biến nó thành một cái máy thật nhiều mã lực !

Cả ba phép tu-thân ấy đều xây xung-quanh một quan-niệm vị-kỷ. Cả ba đều phụng-sự bản-ngã. Cả ba đều bắt nguồn ở một lòng khao-khát mù-quáng. Không có

cái nào thông-minh cả. Mỗi lý-thuyết (căn bản của những phép tu-thân ấy) chỉ chú-trọng đến một phần người, và nhãng bỏ hay dè nén các phần khác. Người ta tước con người ra làm nhiều mảnh, rồi người ta lập luận một cách thiên-lệch, cho con người chỉ là *trí nghĩ*, hay chỉ là *tình cảm*, hay chỉ là *xác-thịt*. Sự phân chia giả dối ấy, tất nhiên là che lấp mắt người ta, không cho nhận thấy cái nguyên-tố nó làm cho con người chỉ là một, cho cuộc đời được duy nhất : *Sinh-lực*. Sinh-lực mới là nguồn gốc của mọi trạng-thái, của mọi tác-dộng. Không nhận tuây sinh-lực, thì không thể nào thay đổi được tính cách một người, không thể nào thay đổi được cuộc đời một người.

Muốn cho công bằng trong khi công kích những phương-pháp kể trên, ta cũng chịu rằng ở trong chi-tiết, cũng có mấy điều đúng. Ta chịu rằng tư tưởng có thể lung-lạc được tình cảm, ta chịu rằng tình cảm có thể sai-khiến được thân-thể ; ta cũng chịu rằng sự thay đổi trong cơ-thể có thể di-chuyển được tình-cảm và tư-tưởng. Song, không phải ai cũng làm được như thế. Những sự phi-thường ấy chỉ xảy ra ở những người đã có một sinh-lực rồi-rào. Người ta không

thể nào luyện cho tư-tưởng người ta mạnh được khi người ta còn là một người yếu. Và một kẻ tinh-cảm bạc nhược không thể bỗng chốc muốn cho mình có một tinh-thần hăng-hái được. Những kẻ không biết tự-lượng và quá tin ở những phương-pháp tu-thân ảo-thuật kia, chỉ bày ra những trò cười đáng thương mà thôi. Trong bọn thanh-niên chúng ta, ai đã dùng những phương pháp kể trên tất cũng đã thấy rõ những kết quả buồn-rầu của chúng rồi vậy. Đó là những con đường cụt đã làm cho chúng ta thất vọng.

Tiện đây, chúng ta không thể không nhắc đến một cuốn sách rất thông dụng quen biết với thanh-niên trí thức, cuốn « L'éducation de la volonté » (Huấn luyện ý-chí) của nhà mô phạm nổi tiếng Jules Payot. Là môn-đệ của Th. Ribot, Jules Payot rất phản đối cái thuyết « Lý-trí làm chủ con người » của các nhà mô-phạm cổ. Ông lại là một nhà học-giả tiêm-nhiêm rất xâu cái văn-hóa Hy-lạp thượng-cổ, và ông đề dành một địa vị quan-hệ cho sức khỏe của thân-thể. « Mọi sự ở đời đều là những con số không, nếu không có sức khỏe đứng đầu thì không có giá trị gì cả ». (trích trong cuốn « Education de la volonté »).

Lý-tưởng của ông là một người hoàn-toàn theo kiểu Hi-lạp : tri-thức, tình cảm, thân-thể điều hòa cân đối với nhau. Vì vậy, nên phương-pháp huấn-luyện ý-chí của ông dựa vào nhiều điều kiện tâm-lý, luân-lý và vệ-sinh có vẻ vững chãi lắm. Mục đích của ông là « tìm những phương-tiện cho một thanh-niên tri-thức thiếu hăng hái nhưng muốn làm việc và muốn làm cho cái ý muốn làm việc ấy chuyển ra thành một điều nghị-quyết lâu bền và nồng-nàn, rồi thành một thói quen vững bền ».

Nhưng phương-tiện ấy, theo ý ông, chia làm hai loại :

1.) *Những phương tiện bên ngoài* tức là những kỷ-luật của xã-hội (như những nước độc tài) hoặc những kỷ-luật trại lính (ở những nước dân chủ thái bình).

2. *Những phương-tiện cá-nhân* gồm có ba cách :

a) Sự suy tưởng trong yên lặng sẽ cấu tạo nên những ý-lực (idée-force).

b) Sự hành-động hàng ngày để củng cố lại những thói lười biếng.

c) Sự vệ sinh thân-thể để giữ cho người được trong-sạch, nhẹ-nhàng, để làm việc.

Dù người ta được xã-hội huấn-luyện cho hay người ta tự huấn-luyện lấy, thì cũng

phải mất rất nhiều công-phu mới đến được chỗ làm như ý muốn.

Lý-thuyết của Jules Payot, đối với những phép tu-thân mà chúng ta đã phê-bình, có vẻ cấp-tiến và đầy đủ hơn nhiều. Song Jules Payot là một nhà sư-phạm bó-thiết quá về cái lý-tưởng của người trí-thức. Ông muốn hun-đúc thanh-niên theo một kiểu-mẫu trí-thức mà ông cho là độc-nhất. Ông quên rằng những « thanh niên thiếu hăng-hái » mà ông muốn huấn-luyện đó, vì những lẽ sinh-lý và xã-hội rất phiền-phức, không thể sống theo cái lý-tưởng của ông được và tất-nhiên là sẽ không thể theo những phương-pháp của ông bày ra được. Thành thử, cái công-trình trước tác rất có giá-trị của ông chỉ có kết quả hay cho một số thanh niên có đủ những điều-kiện để theo ông mà thôi. Đối với những người khác, nó lại có vẻ cầu-kỳ và miên cưỡng.

Ở đây, chúng ta không phân biệt người trí-thức với người lao-động. Chúng ta đi tìm cuộc đời hoạt-động cho những người nào muốn hoạt-động. Chúng ta đi tìm sức khỏe cho những người yếu đuối. Chúng ta đi tìm không-khí cho những người khó thở. Chúng ta muốn vượt ra khỏi những

phương-pháp tây riêng và eo hẹp. Chúng ta muốn tìm những con đường rộng rãi, sáng sủa, giản dị thích hợp với nguyện vọng và sức-lực của những người muốn sống.

Chúng ta lại muốn cho những bạn đường yêu quý ấy tiến lên, đi hoài, đi mãi cho đến khi tìm thấy ý nghĩa của sự sống. cho đến khi phát triển hết những năng-lực tiềm-tàng của con người, cho đến khi khám phá ra cái lạc thú vô tận của sự sống

Đó là một công việc rất khó-khăn mà tôi chỉ mong làm được một phần trong muôn một, ở phần thứ ba sau đây.

The first part of the life of
 the author is spent in
 the study of the
 sciences and the
 arts. He is
 particularly
 distinguished by
 his knowledge of
 the history of
 the world and
 the nature of
 man. His
 works are
 full of
 wisdom and
 beauty.

PHẦN THỨ BA

— 218 —

CHU'ONG I

Nghị-lực

Nghị là cứng, là bền-vững, *lực* là sinh-lực (1).

Nghị-lực là sinh-lực cứng-cỏi, bền-vững. Một người có nghị-lực là một người có cái sinh-lực đặc-biệt ấy. Nhưng đó mới chỉ là những chữ, những danh-từ, rất xa sự thực, rất lờ-mờ, rất trừu-tượng. Ta cần biết, ngay trong đời sống xung quanh ta đây, những người nào là những người có nghị-lực?

Một kẻ si tình vượt hết mọi cản trở để chiếm-đoạt người yêu; một thanh-niên nghèo cố học đỗ được làm quan; một người dùng hai bàn tay trắng mà làm nên sản-nghiệp. Ở những người ấy, vai trò sinh-lực đã làm nên được việc: nó

(1) Xem cuốn « Nguồn sinh lực » Hàn thuyên xuất bản.

đã giúp người ta chinh-phục một báu vật ; nó đã nâng người ta lên một địa-vị xã-hội quan-trọng ; nó đã gây dựng cho người ta một công-trình qui hóa. Sinh-lực đã tạo ra những kết-quả rõ ràng. Hơn nữa, người ta đã tập-trung và hướng-dẫn nó một cách khôn ngoan, người ta đã làm được như ý muốn.

Hằng ngày, những người thành-công ấy — bởi vì họ thành-công — được coi là những người có nghị-lực. Tùy theo trường-hợp, người ta gọi họ là những người « bền gan » « vững chí » hoặc « có nhiều ý-chí »... Và người ta lại cho rằng chỉ có những người có gan, có chí, mới thành công được, thì mới là những người có nghị lực.

Ta hãy xét lại cách định-nghĩa thông thường này.

* * *

Trước hết ta hãy xem « những người gọi là có nghị-lực ấy » có thật là có nghị-lực không ? xem sinh-lực của họ có thật là cứng-cỏi bền-vững không ?

Kẻ si-tình say-dắm kia đang miệt-mài cố gắng là vì còn đang hy-vọng một chút lòng đoái tưởng của người yêu, hoặc còn đang bị một tấm lòng hiếu-thẳng nhỏ-nhen thúc giục

Một khi hẳn biết rõ ràng : « dài gương không soi đến dấu bèo » nữa, hoặc sau khi hẳn đã toại nguyện rồi thì bao nhiêu lò so đứt hết, bao nhiêu sinh-lực tàn hết, hẳn chỉ còn là một khối thịt sơ sác và im lìm. Nhiều khi, « những con chiên của Ái-tình » ấy lại không còn đủ sức để mà sống nữa, và phải mượn một sợi giây để kết-liều cuộc đời, nếu họ không ẩn nấp dưới cửa bồ-đề hay dưới bóng đèn phù-dung tiên-tử.

Thư-sinh kia bị hút dẫn tới một mảnh bằng nên đêm ngày học tập mê-mải quá chừng. Nhưng khi « công đã thành, danh đã toại », thì sức lực cũng hồ tàn. Lúc bấy giờ, ngoài cái công việc bắt buộc ra, thường chỉ xếp sách vở và tìm những thú thanh nhàn để tiêu dao ngày tháng. Người ta thường phàn nàn ở xứ ta thiếu nhân-tài tri-thức, phải chăng chỉ bởi sự « chạy vội » kia đã làm cho nhiều người vấp ngã ?

Còn những nhà doanh nghiệp ngang tàng kia, họ theo đuổi cuộc đời hoạt động được đến lúc nào ? Đến lúc mà sự phú quý mang cho họ đủ những điều kiện để hưởng những khoái-lạc mong ước, hoặc đến lúc một sự thất bại bất ngờ làm rạn đứt hết bộ thần kinh căng thẳng của họ. Đó là nguyên-nhân của những cuộc hành-lạc « rổi già » rất thô-bi

của những kẻ hãnh-tiến nguyên-nhân, những vụ tử tử vang lừng của những ông vua tiền bị võ nợ...

Xem như vậy, thì sinh lực của những người gọi là có gan, có chí, có lẽ là những sinh-lực cứng cõi — vì có va chạm và đặc thẳng — *nhưng không phải là những sinh-lực vững bền*. Cuộc đời hoạt-động của họ rất mong-manh và thường ngắn-ngủi. Họ không phải là những người có nghị-lực theo nghĩa đầy-đủ của cái đức-tính (?) ấy.

Và cũng vì thế nên những công trình gây dựng của họ cũng thiếu nhiều tính-cách đẹp. Là những kết quả của lòng vị-kỷ eo hẹp, những công trình ấy không giúp gì mấy cho đời sống của người khác. Hơn nữa, kẻ si-tình, kẻ hiếu danh, kẻ háms lợi, trong những lúc dăm-chiều gay gắt, thường dẫm lên chân kẻ khác mà đi, nếu chúng không tàn-nhân gạt mọi người xuống hai bên đường cho rộng lối! Những hành-động của chúng ào ào như gió bão, tàn-phá nhiều hơn là kiến-thiết. Nhưng, cũng như gió bão, những hành-động lộn sộn ấy qua đi rất chóng, và không để lại một di-tích gì đáng quý.

Đứng ngay về phương diện sừng khờ cá nhân, thì những người nói trên cũng chỉ

nhận được trong sự sống những cảm-giác gay gắt (trong lúc tranh-đua) hoặc êm-ái (trong lúc thỏa-mãn) rất nồng-cạn. Những cảm-giác ấy đều do một sự rung-động rất khó-nhọc, rất chậm-chạp của những xác-thịt mệt-mỏi, của những tâm-hồn căn-côi. Những nhịp điệu trong bản đờn hạnh-phúc (?) của họ đều ăn theo cái nhịp điệu rất hỗn-loạn của những cảnh tranh cơm giát áo, của những vòng danh lợi đua chen. Và những thanh-âm phát ra, bị chen trong một khuôn-khổ xã-hội chật hẹp, không vang-động được, sinh ra quanh-quẩn, dè-dặt, nặng-nề...

Nói tóm lại, hai chữ nghị-lực phải để dành cho những người thực khỏe, thực quảng-đại, thực đẹp đẽ, thực sung-sướng. Trên sân khấu cuộc đời mới, những vai nghị-lực giả-hiệu trên kia sẽ phải lui vào trong bóng tối.

Một nghị-lực không những là một sinh-lực cứng cỏi, mà cần nhất phải là một sinh-lực bền-vững.

Thế nào là sinh-lực bền-vững ?

Nếu ta theo sát từng danh-từ, chỉ cốt định nghĩa được một cách uyển-chuyển, thì một người có nghị-lực, suốt từ trẻ đến già, lúc

nào cũng thừa sức lực để chịu đựng, để phân-dấu, để làm việc, để hưởng thú sống. Giữ được sinh-lực rồi rảo, lúc nào cũng sẵn sàng cống hiến đủ cho những nhu cầu của sự sống, người đó lúc nào cũng ung dung thư thái.

Có người sẽ cho rằng như vậy thì muốn có nghị-lực cũng không khó. Chỉ cần làm như những nhà ăn-sĩ Á-đông : « Sống ở đời chỉ cốt an phận thủ thường. Không bày vẽ ra làm gì : dục vọng bỏ bớt đi, cạnh tranh dẹp đi, ăn thì cơm hẩm nước lã, mặc thì quần nâu áo vải, học thì đã có sách vở của cổ-nhân, làm thì cứ theo những nền nếp lễ lối di truyền... nhất nhất mọi việc đều thu xếp cho gọn gàng, đừng để hệ lụy đến thân thể và tâm-hồn ».

Những nghị-lực, theo kiểu ấy, ta có thể ví như những người hà-tiện không bao giờ dám tiêu vào vốn, và cũng không bao giờ kiếm ra tiền. Đó là những hình thức khôn ngoan của một lòng vị-kỷ có tinh-toán cân nhắc, đó là những trạng thái thụ-động, những trạng thái « yếu ». Đó là những cuộc đời vô-sự, phẳng-lặng như cảnh đồng ruộng. Đó là những người không biết sống, không dám sống, không sống. Đó cũng là một

thứ nghị-lực giả hiệu như những thứ nghị-lực đã bác đi ở trên kia.

Nay ta hãy nhớ lại những phút sống phóng-khoáng nhất trong đời chúng ta, ta hãy đi tìm ở xung quanh ta những đại-biểu mạnh-mẽ nhất, hoạt-động nhất, đẹp đẽ nhất của nhân-loại, để thử định lấy một vài tính-cách của những nghị-lực chân-chính.

Cái đặc-tính thứ nhất của một người có nghị-lực — một người khỏe — là không ích-kỷ. Người ngoài trông vào thì hình như người ấy là một người hiền, không thiết gì đến thân thể, tâm hồn và cuộc đời của mình. Thực ra, ở đây, phần đời riêng chỉ phụ-thuộc vào một công cuộc lớn lao có tổ chức hẳn-hoi, nên dù người ấy không thường nghĩ đến thân mình, vậy mà các hành-vi lớn nhỏ đều đúng khuôn phép cả. Người ta kể chuyện rằng nhà triết-học Kant nước Đức xếp đặt cuộc đời của ông từng giờ từng phút đều như một cái máy, vì ông cần làm việc nhiều và không muốn phí thời giờ; chiều nào cũng vậy, giờ tạnh cũng như giờ mưa, dù ông mệt mỏi hay khỏe mạnh ông cũng phải đi bách bộ quanh hết một con đường gần nhà để suy tưởng. Chỉ có mỗi

một hôm, được tin cuộc cách-mệnh Pháp 1789 mới nổi, trí nghĩ của ông rung-động quá, ông mới thay đổi hành-trình, bỏ con đường nhất định hằng ngày và đi mãi về cánh đồng mông mênh cho đến đêm khuya. Ở ông, sự thúc-phục của thân-thể và của tinh-cảm riêng tây là điều không đáng kể. Đời ông nhờ thế đã bớt được bao nhiêu cái phiền-phức lặt-vặt.

Ngay chúng ta cũng có thể nghiệm được rằng, khi nào thân-thể ta khoẻ mạnh, tinh-thần ta vững vàng, thì ta làm mọi việc một cách rất hồn-nhiên, không phải lo tính luẩn quẩn gì cả. Cái ý-thức vị-kỷ lúc ấy không xen vào để gây cho ta những rối-loạn vô ích. Một người có nghị-lực, trước hết, phải là mỗi người có rất ít ý-thức về bản-thân mình.

Vì không có cái gông cùm của bản ngã, nên sinh-lực được giải-phóng, và toàn đem dùng vào công việc. *Hoạt động là cái tinh-cách thứ hai của những người có nghị-lực.* Hoạt-động không phải là sự cố-gắng gay gắt của những người theo đuổi một mục-đích ích-kỷ. Ở đây vì ròi rào quá không thể ngưng-tụ được, sinh-lực phải phát xuất ra, theo cái đà thiên-nhiên của nó. Nó chảy từ từ như giòng nước trong khe núi rỉ ra, nhưng

nó chảy đều đều không phút nào ngừng. Nó chảy ra không phải cốt cho khách qua đường giải khát, nó chảy ra vì không thể nào không chảy được. Chính vì lẽ đó mà những người làm việc nhiều nhất, cố gắng cho nhân-loại nhiều công trình nhất, thường là những người điềm-đạm, khiêm-tốn, thích yên lặng và sợ ồ-ạt. Ta phải phân biệt những cuộc đời hoạt-động âm-thầm nhưng mãnh liệt ấy với những tấn tuồng âm-ỹ của những kẻ múa may hò-hét để cầu danh lợi.

Nhưng ta cũng chớ lầm tưởng rằng những cuộc đời lao-cần lặng lẽ như thế tất là buồn rầu khắc-khổ. Không đâu. Một khi sinh-lực đã giải phóng thì dù ta làm việc bằng tinh thần hay bằng chân tay, dù ta đụng chạm với những sinh vật khác hay với những vật vô tri, bao giờ công-phu của ta cũng là công-phu sáng-tạo. Sinh-lực phát-triển được linh-động vô cùng, huyền-diệu vô cùng, tinh-vi vô cùng; nó khám-phá, xê-dịch, biến-đổi, tô-điểm tất cả những cái gì trực tiếp với nó, trong cõi vật-chất hữu hình, cũng như trong cõi tâm-lý còn u-uẩn. Nó tạo ra hoàn-cảnh thuận-tiện, tạo ra thời-thế thích hợp, nó làm nổi gió cho lòng căm hờn bốc vút lên, nó lại reo rắc tình yêu rào rạt những giọt nước cam lồ mát mẻ. Ở đâu có bàn tay nó động

đến là có rung chuyển, có đồ vỡ, có xây dựng, có thay đổi, có hứng thú. Sự sáng-tạo phong-phú ấy gây cho nghệ-sĩ (người có nghị-lực là một nghệ-sĩ) những nỗi vui thần tiên không thể có ở trong cuộc đời danh-lợi. Ta hãy nghe R. Rolland :

« Nỗi vui thú thần tiên của nghệ-sĩ làm cho người ta say mê điên cuồng. Nó chiếu sáng cõi lòng như một mặt trời tỏa muôn hào quang ấm áp. Ngoài nghệ-sĩ ra, mọi người đều là những bóng tối chập-chờn, bị đẩy ra ngoài cõi sống tưng bừng.

Ở trên đời, bao nhiêu sinh-thú tuyệt vời đều do sự sáng tạo gây nên cả. Từ một nguồn sinh-lực chung, phát ra những ánh lửa rực-rỡ mà ta gọi là yêu đương, là tài hoa, là dũng cảm. Những hào quang ấy dịu dàng thấm thía đến nỗi những kẻ tham lam, ích-kỷ, trụy lạc đã bị lạc ra ngoài vòng lửa cũng cố mon men lại gần để hưởng lấy những ánh phản chiếu lu-mờ.

Sáng tạo — ở địa hạt bằng xác thịt, cũng như ở địa-hạt tinh-thần, — tức là ra thoát cái gông cùm của thân-thể, của bản-ngã, tức nhẩy vào luồng sống, tức là sống cho ra sống vậy.

Sáng tạo là đánh lui sự chết » (Trích ở bộ Jean Christophe)

Vấn đề nghị-lực rất quan-hệ. Vì nghị-lực không phải là một đức-tinh (?) có hay không cũng được. Ta không thể mỉm cười và tha thứ cho ta một cách dễ-dàng : « Tôi không có nghị-lực ! »

« Tôi không có nghị-lực » nghĩa là sinh lực của tôi không cứng cõi, bền vững, tức là tôi mềm yếu, quanh-quần, bẽ-tắt, tức là ở tôi ngọn lửa sống leo lét mờ tối, tức là thân-thể và tâm-hồn tôi làm sân khấu cho tội-lỗi bệnh-tật, đau-khổ, tức là cuộc đời của tôi chỉ là một chuỗi ngày tẻ lạnh nó sẽ đều đều rụng đi không để lại một gì tích gì, một dư vị gì của sự sống.

Nhận rằng : « tôi không có nghị-lực », tức là phê cái án tử hình cho tôi rồi đó, tức là bác hết những đơn khiếu-nại và xin ân-xá cho tôi rồi đó. Sự thú nhận ấy là một tác-động ghê-gớm vô cùng nguy hiểm.

Đừng bao giờ ta lại ngu-dại mà đi làm như thế. Dù ta bị đau đớn đến bậc nào, dù ta bị truy lạc đến đâu đi nữa, dù ta đã thấy ngay bên cạnh ta cái bàn tay lạnh lùng của thần chết, ta cũng hãy gạt phắt nó ra, và tỏ cho nó biết rằng ta chưa chịu. Sinh-lực của ta chưa tắt hẳn, thì ắt còn bùng lên được, còn tự giải phóng được, còn có thể trở nên mạnh-mẽ hoạt-động được.

Nghị-lực không phải là phần thưởng riêng cho ai, và cũng không phải là của hiếm muợn gì trong nhân-loại. Hằng ngày, xung quanh ta biết bao nhiêu nghị-lực đang rã-rời tan-nát; trái lại cũng biết bao nhiêu sinh-lực yếu hèn đang phấn khởi trở nên hùng-liệt.

Ta phải chọn đường mà đi. Tiến về phía nghị-lực, ta sẽ xua đuổi được khổ-sở, gây dựng được hạnh-phúc và sự-nghiệp. Đó là nẻo sống.

Nhưng làm thế nào? bắt đầu từ đâu? ta sẽ gặp những cản-trở gì? những tai-nạn gì? con đường xa lạ này có những thứ gì làm phấn khởi lòng ta không?

CHƯƠNG II

Giác-ngộ.

Chúng ta muốn có một sinh-lực *cứng-cỏi* để trừ-khử những bệnh-tật, tội-lỗi, tai-nạn nó rầy-vò thân-thể và tâm-hồn chúng ta.

Chúng ta lại muốn cái sinh-lực ấy *bền-vững* vì chúng ta cần phải dự vào cuộc sống tung-bừng của muôn vật, cần phải hoạt-động luôn luôn để đạt được cái ý-nghĩa đầy-đủ của đời người.

Tóm lại, chúng ta muốn có *nghi-lực*, chúng ta muốn là những nghi-lực. Chúng ta muốn thực khoẻ, thực sống.

Vậy ta phải *làm thế nào* để có, để thành cái sức mạnh mà ta ao-ước?

Có những người thấy mình yếu-đuối, hằng ngày mơ tưởng đến sức khoẻ, mà

không biết làm cách nào ra khỏi. Lại có những người rất thông-minh, đã học hỏi mà biết rõ những phương-pháp thực-bành để tạo ra sức khoẻ, nhưng cũng đành chịu yếu chịu khổ, chớ không cất nổi mình lên được. Đông hơn nữa, là những người không trông thấy cái vòng đau khổ giam hãm mình, không biết là mình yếu đuối, và không cần tìm lối giải-thoát; họ sống một cách hoàn-toàn vô ý-thức và lúng-túng trong những loạn-động rối-rít, trong những nỗi sợ hãi eo hẹp hằng ngày.

Những người thứ nhất mù-quáng; những người thứ hai tê-liệt, những người thứ ba u-mê. Cả ba đều không có ý-thức rõ-rệt và mạnh-mẽ về cảnh-ngộ của mình. Sinh-lực của họ rối-loạn, quanh-quẩn. Dù những người mù-quáng có rầy-rụa đến đâu, dù những người tê-liệt có thông-suốt đến đâu, dù những người u-mê có bị dấy-dọa đến đâu, họ cũng không ra thoát khỏi cái vòng yếu-đuối và khổ sở nó càng ngày càng bó chặt họ lại. Họ bị chung thân giam-hãm cho đến khi sinh-lực của họ tàn-tạ hết.

Tại sao vậy?

Tại họ đã không làm cái việc phải làm, quan-hệ nhất, cấp-bách nhất, tự-nhiên nhất: giác-ngộ.

Những người yếu-đuối — là chúng ta — có thể ví như những khách bộ hành, mỗi một bị dừng lại bên đường và bị sa xuống một vũng bùn lầy. Trước khi ra đi, trước khi tính đến chuyện rong ruổi trên con đường muôn dặm, điều cần nhất là phải cất chân ra khỏi cái vũng bùn trước đã. Rồi mới xét lại sức khỏe của ta, và định lấy phương-hướng sẽ theo. Nếu không, thì dù ta có mong mỏi hay phàn nàn hay kêu khóc đêm ngày cũng không có ích gì cả.

Muốn có nghị-lực, không đủ. Phải biết làm thế nào có nghị-lực, làm được thế nào cho có nghị-lực.

Trước hết phải giác ngộ.

Giác, ngộ là thế nào?

Thường thường, trong những lúc chúng ta gọi là đau khổ, ta thấy gì, làm gì? Ta thấy rằng hoàn cảnh bên ngoài hoặc ngay con người của ta không làm cho ta hài lòng. Ta buồn-rầu, thẹn-thùng, ghen-ghét chán-nản... Cả cuộc đời của ta chỉ còn là một sự rầy-rụa hỗn loạn của lòng tự ái bị thương-tồn, nó quẩn-quại như một con run bị rầy sét. Nó hối tiếc tội lỗi của thân-thể hay của tâm-hồn; nó oán-hận gia-đình hay xã-hội đã không nâng đỡ nó; nó mang so sánh nó với những lòng tự-ái khác ở xung quanh và sót xa thấy rằng những cái kia

được thỏa mãn. Bị tình cảnh hiện tại đánh những đòn đau quá nó đi trốn; nó ngồi nghiền ngẫm lại những cảm-giác đã môn trốn nó, thu-nhặt những di-tích êm-ái của dĩ vãng để thêu dệt cho nó một tương-lai vừa ý. Nó uốn nắn trí-tuệ không cho nghĩ cái gì ngoài nó, bắt phải vì nó mà đi tìm những lý-thuyết, những sách vở, những phương-pháp, những vị thuốc tê, những trò giải-trí, để an ủi nó.

Lâu dần, những thứ này cũng làm nó đi đi. Chúng ta không đau khổ nữa. Nhưng chúng ta không hiểu gì hết, không thay đổi gì cả. Và suốt đời chúng ta không bao giờ ra khỏi cái vòng đời chật hẹp và tối tăm của bản-ngã ích kỷ. Những tình-cảm nhỏ nhen trói buộc chúng ta chặt thêm, cái trí tuệ nô-lệ cho lòng tự ái không soi sáng cho cuộc đời chúng ta nữa. Cái ý thức về thảm cảnh của chúng ta chỉ là một ánh lửa lu mờ và chập-chờn. Nó thắt chặt thêm một vòng nữa vào cái bản-ngã đầy đặc của chúng ta.

Có ý thức một cách nông cạn như thế, không phải là giác-ngộ. Giác-ngộ là cảm rõ thấy cảnh ngộ của mình khốn-khổ, là trông rõ những cái nó đẩy dọa mình, là dùng cả tâm lẫn óc, để dùng tất cả con người để nhận thức tất cả cái thảm trạng của mình.

Giác-ngộ không phải là chỉ có cảm-động, hay chỉ có suy-nghĩ, hay chỉ có quyết-định. Giác-ngộ không phải là một trạng-thái tâm-lý thụ-động, lể loi. Trong lúc giác-ngộ, ta sống một cách đầy-đủ, mãnh-liệt, phóng-khoáng; ta tập-trung được sinh-lực tản-mác, ta vượt hẳn lên trên cái vòng đau-khổ và ngu-muội của ta, ta trông rõ những cạm-bẫy trời chân ta, ta đụng chạm với những trở lực ngăn cản ta; ta rời bỏ cái tâm-lý chủ-quan của một người bị giàng buộc, ta cảm thấy cái sinh-thú vô-hạn của một sinh-lực giải-phóng. Dù chỉ trong khoảnh-khắc, sự giác-ngộ ấy cũng đã làm cho thân-thể và tâm-hồn ta rung-chuyển, lay động đến tận gốc rễ. Nó đã phá cho ta cái vòng vây hãm-hại của bản ngã và đã mở cho ta một con đường máu, một sinh-lộ để thoát ra.

Sự giác-ngộ này rất quan-hệ cho chúng ta. Bởi vì chưa giác ngộ, thì chúng ta không thể nào thực hành được những phương pháp rèn-luyện nghị-lực. Trong kho kinh-nghiệm chung của nhân-loại, những phương-pháp này là những bảo-vật quý giá nhất, nhưng cũng khó dùng nhất. Ngoài những bài học cổ-truyền kỳ-lạ của các nhà tu-hành Ấn-độ, Ai-cập, của các

đạo-sĩ Trung-hoa, của các nhà hiền-triết Hy-lạp... ta lại còn thấy những phương-pháp tối-tân dựa vào những sự phát-minh mới-mẻ của y-học, sinh-lý-học, và tâm-lý-học. Tất cả những người sáng-suốt đi trước ta đều đã giác-ngộ đề tự giải-thoát lấy. Rồi họ lại vì chúng ta mà truyền lại, hoặc ghi chép rõ-rệt những kinh-nghiệm có hiệu-quả. Nếu chúng ta không giác-ngộ về tình-trạng của ta, mà chỉ biết nhắm mắt theo liều những cách luyện-tập của họ, thì một là ta không đủ lòng tin-tưởng mà luyện-tập cho kiên-nhẫn được, hai là những hành-động miễn-cưỡng của ta chỉ làm cho ta rối-loạn thêm, yếu đuối thêm mà thôi. Trong công việc huấn-luyện nghị-lực rất khó-khăn của ta, cần phải có một động-lực cốt-yếu nó nâng-đỡ và chỉ dẫn cho ta luôn luôn. Động lực ấy là lòng tin. Mà cái này, thì không có thầy nào, bạn nào có thể mang lại cho ta được, trừ phi đó là một lòng tin nồng-nổi nhất thời. Chỉ có sự giác-ngộ mới làm nảy ra trong tâm ta lòng tin kiên-quyết, chỉ có sự giác-ngộ mới làm nở ra trong óc ta trí thông-minh mẫn-tuệ. Có giác-ngộ ta mới biết được cái điều ta muốn, ta mới làm được cái điều ta biết. Giác-ngộ phải là bước đầu trong

công việc đi tìm sức khỏe, trong công việc giải-phóng sinh-lực.

Nhưng sự giác-ngộ đối với chúng ta thường rất khó, bởi vì chúng ta thường bị những thành-kiến và những thói quen ích-kỷ làm cho làm-lạc.

Muốn nhờ ngọn lửa giác-ngộ phá tan cho ta cái vòng u-ám đau khổ, ta cần phải cưỡng lại với những hành-vi rút-rát của bản-ngã ích-kỷ.

Bản-ngã sợ hãi đau khổ. Nó chỉ tìm cách đi trốn. Nó không dám trông thẳng vào thảm-cảnh của nó, không dám mở mắt để xem nó bị hành hạ ra làm sao. Nó lại bám chặt lấy những cái gì an-ủi được nó và quên rằng chính những ân-nhân đó lại che lấp mắt nó, làm hại nó.

Là những người đã đau khổ nhiều lần rồi vì không ra thoát cái vòng ngu-muội, chúng ta hãy cố gắng làm một cuộc thí-nghiệm mới. Chúng ta hãy *thành-thực* đón nhận lấy những đòn công kích dai dẳng, chúng ta hãy *hoài-nghi* tất cả những phương thuốc vô hiệu.

Thành thực không phải là ngồi nghiên-ngâm những nỗi lòng, không phải là dùng lý-trí và học-thức để phân-tách tỉ-mỉ những trạng-thái sinh-lý và tâm-lý đã qua. Bởi vì

như vậy tức là ta bỏ quên cái sống hiện-tại của ta, và bắt trí nghĩ quay về dĩ-vãng. Thành thực tức là cưỡng lại, cấm không cho lòng tự-ái rầy rụa lộn-sộn, tức là để cho những nỗi đau khổ hoành-hành, nâng trí tuệ ta lên một địa-vị khách quan để xem lòng tự-ái bị hành-hình. Ta đừng sợ nó đau quá mà chết mất. Nó tan-nát đi, thì ta mới có hy-vọng giải-thoát được.

«Hỡi các bạn yêu-quí, tôi cầu mong cho các bạn bị đau đớn, bị cô-độc, bị hành-hạ, bị sỉ-nhục ; tôi mong sao cho các bạn gặp cái cảnh sót-sa của một người tự khinh-bĩ mình, cái cảnh đọa-đầy của một người đã mất lòng tự tin, cái cảnh thất-vọng hãi-hùng của một người thất bại trơ-trọi». (Nietzsche)

Lời cầu-mong ấy chẳng phải là lời độc-ác, vì chính những nghịch-cảnh ghê-gớm kia mới là những cơ-hội rất tốt để tập-trung và rèn-luyện sinh-lực cho ta đó.

Thường thường, vì ta sợ đau khổ nên ta hay tìm những lý lạ, những trò chơi để tự an-ủi, để củng-cố lòng tự-ái. Nhưng nếu ta thực thà với ta, ta, ta để cho cái lòng ta nó đau khổ đến cùng cực, thì bản-ngã ích-kỷ phải rạn vỡ, sinh-lực được giải-phóng. Lúc đó, ta không buồn rầu, hay lo sợ nữa ; như một ngọn lửa mãnh-liệt, sự cấm

hờn thù oán khua động tâm-hồn ta; như một luồng gió mát mẻ, sự yêu-đương hứng-thú mở rộng tâm hồn ta. Ta thù ghét những trạng-thái « chết » đang giam-hãm sinh-lực ta, ta yêu đương cái cõi sống mênh-mông nó đang chào đón ta. Lòng ghét ấy, lòng yêu ấy là những động-lực giải-thoát cho ta đó.

Và chính những động-lực ấy lại phá tan cho ta cái lòng hoài-nghi khốn-khổ. Sự thành-thực đã làm cho ta can-đảm, và ta đã rút hết cả với những thành-kiến, những lý thuyết... an-ủi ta. Bây giờ thực là tro troi, không biết trông vào đâu, tin vào đâu. Ta trải qua một thời kỳ hoang mang, cô-độc rất hãi-hùng: ta thấy tất cả xã-hội loài người đang sống yên-ổn trong những khung-cảnh êm đẹp, và chỉ riêng có ta đã liêu minh vượt ra ngoài khuôn-sáo, chỉ riêng có ta là phải chịu muôn nỗi cực-khổ... Ta muốn ngoan-ngoãn trở lại với những cái « nặng » quen thuộc, ta muốn trở về lối cũ để cho bớt đau-đớn. Ta thấy ta bơ-vơ như một chiếc lá lia cành, không biết rồi lông-bóng siêu rạt vào đâu. Ta thấy ta đứng trên bờ một vực thẳm đen tối.

Hỡi bạn đau-khổ thực thà và can-đảm, đây mới là lúc phải thu-thập tất cả sức

lực của ta để đánh một trận cuối cùng ; nếu ta không đắc-thắng, thì ta sẽ là một kẻ bại-vọng vô cùng khốn-nạn !

Thực ra, nếu ta hết sức thành-thực, thì ta có rất nhiều hy-vọng giải-thoát. Sự đau khổ cùng-cực, nếu không làm cho ta chết, tất sẽ xua đuổi cho ta tinh bèn nhất, sẽ phá tan cho ta những thành-kiến u-ám.

Ta có can-đảm để đối đầu với những trở lực ; bình-tĩnh, ta trông suốt hết con đường gai góc mà ta sẽ đi lên. Ta tin cậy vào sức lực phấn khởi của ta. Ta như một người ngủ mê vừa tỉnh, ta như một người ốm vừa dậy, ta như một người đã chết vừa sống lại với một sinh-lực mới-mẻ, quật cường.

Ta thấy rằng : ta là một sinh-vật bị giàng-buộc bởi nhiều giây liên-lạc kiên-cố. Những tinh-tinh, tư-tưởng, hành-vi của ta đều do những sức-mạnh trái ngược nhau gây nên. Cái sinh-lực nó điều-khiển cuộc đời ta là một sức mạnh rất phức-tạp, nó không còn giản-dị như sức-mạnh của một cái cây hay của một con thú, nó đã chịu ảnh-hưởng xa-xa của di-truyền, của hoàn-cảnh, của giáo-dục. Ở tình-trạng con người văn-minh là chúng ta, nó không thể nào phát-triển theo cái đà thiên-nhiên của nó được. Nó bị thúc-phọc, bị đè nén, bị xô đẩy, bị lạc-lỡng, bị

uất-ức. Không phát-hiện ra được, nó ẩn-nấp ở trong những chỗ sâu-thẳm của cơ-thể, trong cõi u-ẩn của tâm-hồn. Nó kết-tụ xung quanh một bản-ngã. Đợi dịp nào hoàn-cảnh nơi sức đè-ép thì nó nổ bùng ra không có sức gì cản được. Trong sự rầy-rua mãnh-liệt của nó, thân-thể và tâm-hồn bị đảo-lộn, bày ra những tình-trạng đau-khổ, lộn-sộn, xấu-xa. Những hình-phạt của hoàn-cảnh lại nghiêm-khắc thêm, nó lại bị bó thúc thêm, bị kèn-cựa thêm. Nó lại nằm im thúc-thủ đợi một dịp khác trả thù, và cứ thế mãi cho đến khi nó tàn-tạ không nhúc-nhích được nữa.

Vượt hẳn ra ngoài cái vòng lộn-sộn của cuộc đời vô ý-thức, ta thâm cảm thấy rõ mọi nỗi khốn-khổ của kiếp người. Nhưng ta cũng lại thấu nhận được những căn-nguyên của sự đọa-lạc đầy rầy ấy.

Bao nhiêu những tai-ương rơi lên đầu lên cổ chúng ta (như bệnh-tật, tội lỗi, đói rét, cô-độc, tàn-sát...) đều do tại sinh-lực của ta không phát-triển được tự-nhiên, đầy-đủ. Nó quanh quẩn ở xung quanh những bản-ngã, những thành-kiến, những tài-sản, những mộng-tưởng. Nó ly-dị với những sinh-vật đáng yêu, đáng quý là chúng ta để kết-tụ vào những ảo-ảnh, những xác

chết. Trong một vũ-trụ luôn luôn linh-động theo những nhịp điệu rất khôn ngoan, rất đẹp-đẽ, sinh-lực của ta tách hẳn ra ngoài, yếu-đuối và ngo ngằn như một tiếng đờn lỗi nhịp.

Trong tình-cảnh ấy, ai là thủ-phạm ? Ta nên kết-tội bản-ngã cho nó là đã bó thúc sinh-lực và tác-ác ra mọi sự ; hay là ta kết-tội hoàn-cảnh, nó đè nén sinh-lực không cho phát-triển ra ? Đứng ở lập-trường thứ nhất thì bản-ngã là nguyên-nhân, hoàn-cảnh chỉ là kết quả ; đứng ở lập-trường thứ hai, thì hoàn-cảnh là nguyên nhân, bản-ngã chỉ là kết quả. Tùy theo lập-trường ta đứng, sẽ hướng sự chiến đấu ta vào cái chỗ mà ta cho là trung tâm điểm, là căn bản.

Xét cho kỹ, cả hai thái độ ấy đều độc-đoán, đều chỉ trông thấy một phần người, cái phần hữu hình hoặc cái phần vô hình, cái phần sinh lý hoặc cái phần tâm lý. Thực ra, con người đầy đủ không phải chỉ là một đùm thịt xương bị hoàn cảnh kinh tế và xã-nội nhào nặn theo khuôn của nó, cũng không phải là một khối tinh thần có đủ sức xô đẩy người ta đi được theo khuynh-hướng riêng của nó.

Vượt lên trên sự phân chia thiên lệch ấy, ta

sẽ thấy rằng con người trước nhất là một sinh-lực, và cốt nhất là một sinh-lực. Chính cái này tạo ra bản-ngã, tạo ra hoàn-cảnh. Nhưng rồi chính nó lại phải hoạt-động ở trong phạm-vi bản-ngã và hoàn-cảnh, và phải chịu ảnh-hưởng của những tạo-phẩm đó. Tuy vậy, cái quyền phá-hoại cũng vẫn ở trong tay nó, như là quyền sáng-tạo. Nó phải chịu hết trách nhiệm về những hành-vi nào của nó không sáng suốt, không đúng luật thiên-nhiên, không ăn nhịp với sự linh động có qui tắc chặt chẽ của vũ trụ.

Nói tóm lại, thủ phạm ở đây không phải là bản ngã, không phải là hoàn cảnh. Đó là những tác động ngu xuẩn của sinh lực (tức là của dục-vọng, của tình cảm, của trí nghĩ, ba cách phát hiện khác nhau của sinh-lực). Những tác-động ngu xuẩn ấy gây thành bản-ngã dày đặc, gây thành hoàn-cảnh khe-khắc để những cái này phản lại sinh-lực và để ra mọi thảm-trạng. Ta phải chống lại với những tác-động ngu-xuẩn ấy khi ta thấy chúng đưa đến những kết-quả tai-hại, khi ta thấy chúng gây ra, hay bênh vực những cái « ách » cản-trở sự sống.

Xem như thế, thì phấn-đấu chỉ có nghĩa là phá đồ, hoạt-động mất bản cái tính cách

tư-kỹ hẹp-hòi. Sống là một nghệ-thuật cao-siêu mà giản-dị, vô cùng hào-hứng vậy.

Bắt đầu từ chỗ yếu đuối, chúng ta sẽ lần lần thối cái đóm lửa tàn của sinh-lực, làm cho nó giao-động với nguồn sinh-lực thiên-nhiên và dục nó trả lại cho vũ-trụ muôn ánh hào-quang rực-rỡ mà vũ-trụ đã mang lại cho nó. Bắt đầu là những tên thợ vụng-về, chúng ta sẽ chăm-chỉ mà sống, thông-minh mà sống, để trở nên những nghệ-sĩ có năng-lực, có tài-hoa, có lạc-thú.

CHƯƠNG III

Khôi phục sức khỏe

Có những người u-mê quá chưa giác-ngộ được. Họ phải cần đến sự săn-sóc chuyên-cần của thầy thuốc, sự nâng đỡ êm-dịu của những người thân, sự lôi-kéo ồ-ạt của một đoàn-thể. Nhiều khi, im-lìm quá, họ còn phải cần đến những đòn rữ-rội của hoàn-cảnh nó kích-động thân-thể và tâm-hồn cho họ.

Ở đây, chúng ta không dự bàn đến những phương-pháp ấy. Là những người yếu-đuối, nhưng đã thành-thực giác-ngộ, chúng ta quả-quyết đi tìm lấy sức-khỏe cho chúng ta, gây-dựng lấy cho chúng ta những nghị-lực cần-thiết cho cuộc đời hoạt động.

Cõi sống mở rộng cho tất cả những ai muốn đi tới. Có điều là mỗi người chúng ta gặp những cản-trở khác nhau. Bởi vậy,

những công-phu cố-gắng của của chúng ta không thể nhất nhất rập theo một khuôn được. Ai nấy phải tùy theo tình-trạng của mình mà chọn lấy một con đường thích-hợp hơn cả.

Trước hết, ta hãy khôi-phục lại cái sinh-lực của ta đã bị tản-mác đi. Đó là một công-kuộc chiến-dấu khó nhọc. Đại để, ta phải đánh kẻ thù ở ba mặt trận: mặt sinh-lý, mặt tâm-lý, mặt xã-hội (1). Trong bọn chúng ta, có người bị yếu đuối, vì đã làm sai những luật sinh-lý; có người bị yếu-đuối vì hay nghĩ bậy tưởng can, để cho rối-loạn tâm-hồn; có người bị yếu-đuối vì đã không biết thoát ra khỏi những địa-vị xã-hội ngang-trái, nó rút mòn sức lực. Vậy phải đánh trúng ngay cái chỗ hiểm-yếu của vòng vây, thì mới chóng giải-cứu cho sinh-lực được.

(1) Theo các thầy thuốc đời này, thì mặt trận sinh-lý quan-bệ hơn cả (tâm-hồn chỉ là cái phản ảnh của sự sinh-hoạt trong cơ-thể, và địa-vị xã-hội là kết-quả của sự cố gắng cá-nhân)

Theo các nhà đạo-dức, thì mặt trận tâm-lý đáng kể hơn cả, (vì tinh-thần hướng dẫn vật-chất)

Theo các nhà xã-hội-học, thì ta cứ phải thay đổi hoàn-cảnh bên ngoài tự khác sẽ có ảnh hưởng sâu-xa đến thân thể và tâm-hồn.

Ba quan-diểm ấy không phải là không đúng sự thực, song không khỏi cố chấp, miễn cưỡng.

Trong cuộc xung-đột này, ở phe địch là những cảm-giác, những tình-cảm, những thành-kiến, những ý-nghĩ của ta từ trước đã kết hợp với nhau thành một bản-ngã phức-tạp và vững-vàng. Cái bản-ngã này sợ hãi và khao-khát; nó bám-dấp sinh-lực của ta và sui-đục sinh-lực đi tìm cho nó những thú-rung-động êm-ái và thỏa-thích. Nó chỉ cần có thể thôi, chỉ muốn có thể thôi. Nó không kể đến sự thân-thể của ta, bị tàn-phá, sinh-lực ta bị tiêu-mòn. Nó hoàn-toàn mù-quáng, nó quyếm-rũ sinh-lực ta đi theo những khuynh-hướng lầm-lạc, gây ra những thói quen tai hại: thói ăn-uống bậy bạ, thói dâm-dục, thói lười-biếng, thói cầu-thả, thói tưởng-vọng cần-rõ, thói suy-nghĩ lòng-bông, thói ỷ-lại, thói tri-trệ...

Từ trước đến nay, những phương pháp luân lý thường không có hiệu quả, vì người ta chỉ lo công kích những thói quen kia — đó chỉ là những cái ngọn — người ta không trông thấy cái bản-ngã kia nó mới là cái gốc.

Chỉ trong những lúc giác-ngộ, trong những lúc sinh-lực vượt-ra ngoài cái vỏ bản-ngã, và làm-nở-ra những tình-cảm đẹp-đẽ, làm-nở-ra trí-thông-minh rộng-rãi, chỉ trong những lúc ấy, bản-ngã mới hiện nguyên hình.

là « kẻ thù số một » của chúng ta —
Lúc bấy giờ chúng ta mới nhận thấy rằng
con người thực của chúng ta, cái « tôi »
thực của chúng ta không phải là cái bản-
ngã yếu hèn và dâm-dục kia ; cái « tôi »
thực của chúng ta, chính là một sinh-lực
đang tìm đường phát-triển. Nó không sợ gì
cả, không lo gì cả. Nhưng nó yêu qui cái
thân-thể và cái tâm hồn mà chính nó điều-
khiển, nó căm hờn, thù ghét những cái gì
làm hại con người của chúng ta, ngăn trở sự
giải-phóng của nó. Đối với nó, bản ngã là một
kẻ thù giảo-quyệt không thể dung thứ được.

Nó tìm đánh kẻ thù ở khắp các mặt
trận. Nhưng nó biết rằng không thể nhất
đán trừ diệt ngay được một cái họa đã
mọc lên và đã bành trướng từ bao nhiêu
năm. Phải chờ ngọn lửa mãnh-liệt của
sinh-lực giải-phóng mới đốt tan được cái
bản-ngã dày đặc ấy.

Trước khi tới đó, chúng ta phải dựa vào
cái lòng thù ghét bản-ngã, dựa vào cái trí
thông minh do sự giác-ngộ làm nở ra.
Chúng ta phải tập-trung những tia lửa tấn
mác của sinh-lực chưa bị tù hãm, chúng ta
phải phá đổ những pháo đài, những thành
trì mà bản-ngã đã xây dựng để ngăn cản,
để tàn phá, để chu diệt sinh-lực.

Ở mặt trận sinh-lý, kẻ thù của chúng ta đặt ra những mưu kế hiểm độc nhất, bày ra những trận đồ nguy hiểm nhất. Đó là :

I. Những chất-độc chứa trong thân-thể ta.

II. Cái mộng ái-tình.

III. Những thú tiêu khiển.

I. — Sự ăn uống bậy bạ mang vào trong cơ thể ta những đồ ăn nhiều chất độc và vi trùng. Bị làm việc nặng nhọc nhiều những cơ quan bài-tiết (như ruột già, thận, phổi, hạch mồ hôi...) không xua đuổi kiệt được những cặn bã của sự tiêu hóa, và những cặn bã của các tế bào trong các bộ phận. Những cặn bã ấy nhiễm vào trong máu hoặc ngưng tụ ở mọi chỗ trong thân thể tùy theo tính chất của mỗi thứ (ví dụ chất urée tụ ở máu, acide urique tụ ở các đốt xương, chất đường tụ ở gan, chất mỡ tụ ở dưới da, trùng colibacille thích ruột già, trùng staphylocoque thích thận, trùng streptocoque thích những màng mỏng trong tim...) Lâu dần, những cặn bã ấy tích lũy rất nhiều, làm cho sinh-lực bế-tắc không chuyển-vận được nữa, khí-huyết sinh ra trì-trệ, những bộ-phận yếu đi, hư đi. Lúc đó, chỉ cần một đòn công-kích ở bên ngoài (ngoại cảm hoặc bệnh thời khí

hay nhân một cơn loạn-dông của tâm-hồn (nội-thương) là mầm bệnh phát ra, không còn gì ngăn cản được nữa.

Bao nhiêu chứng bệnh của thân-thể (như táo-bón, đau gan, đau thận, đau tim, sưng màng óc, lao phổi, đau xương, đau gân...) đều chỉ có một nguyên nhân: những chất-độc và vi-trùng ứ trong thân-thể ta đã làm cho sinh lực ngưng-trệ, tê liệt, mòn-mỏi... Lúc nào cái sinh-mệnh của ta bị đe-dọa nguy-kịch lắm, sinh-lực mới lại chồm dậy, phản-kháng một cách rữ-rời. Đó là những kích-bệnh làm cho ta sốt nhiều, đau nhiều không ăn, không ngủ được nữa. Nhưng thường thường, thì thân-thể ta vẫn phải đeo-dắt những căn bã không tống ra được, chính vì thế mà nó nặng-nề, mệt-mỏi, lù-đù, lười biếng. Và cũng chính vì thế mà tinh-cảm ta bị rối-loạn, dỏ-dang, tri-nghi ta đen, tối, luẩn-quẩn. Ở tâm-hồn ta cũng như ở thân-thể ta, sự sống bị mắc ngãng, chậm hẳn lại, bày ra cái cảnh-tượng im lìm của một con sông không chảy, (của một rừng-cây yên ngủ, của một bầu trời vẫn mây im gió). Muốn phá tan cái thảm cảnh ấy, ta phải xua-đuổi hết những căn bã ra ngoài thân-thể. Ngày thường người ta tiêm thuốc

nồng thuốc để lọc máu (?). Đó chỉ là đầu-độc thêm cho thân-thể ! Tập thể-dục nhiều cũng không phải là thượng-sach vì không chữa bệnh đến gốc. Chỉ có một phép : nhịn đoi (khẩu trai) Đó là cả một phương-pháp y-học tối-tân, mà tôi sẽ nói đến kỹ càng trong quyển « Ăn uống » ở loại thực-hanh của bộ « Sức khỏe mới ».

2)— Sinh-lực của chúng ta đã bị những chất-độc và vi trùng làm ngừng-trệ, cái mộng ái-tình lại xông đến làm cho nó tiêu tán đi nữa. Vì sợ cô-độc, bản-ngã yếu hèn đã biến sự giao-hợp nam nữ, — nó là một tác-động sinh-lý rất tự nhiên, rất giản-dị — ra một vấn đề to lớn, phiền-phức, bi-hiêm. Nó đã coi những cảm-giác gây nên bởi sự đụng chạm của hai xác thối là những thú tuyệt-diệu của cuộc đời. Và nó xô-đẩy sinh-lực vào con đường hẹp-hòi ấy, xô-đẩy thân-thể vào chỗ bại-hoại, xô-đẩy tình-cảm và trí-nghĩ vào một ảo-tưởng rỗng-luếch. Nó đã thêu dệt ra nhiều hình-ảnh mỹ-miêu, (?) nhiều lý-thuyết uyển-chuyển (?) để quyến rũ chúng ta. Cho đến nỗi vừa đây cả một thế-hệ thanh-niên đua nhau tàn-phá cái báu vật qui giá nhất, đẹp đẽ nhất, huyền-diệu nhất của đời mình :

sinh-lực. Phải, chính một phần lớn sinh-lực của chúng ta tiềm-tàng ở ngay những hạch sinh-dục, để đợi làm một việc sáng-tạo rất thiêng liêng, rất công phu: giữ gìn nòi giống. Đó là một kho sinh lực rất xúc tích.

Phạm vào đó, tức là chặt đến cái gốc của sự sống; phao phí nó đi, tức là tự sát một cách trực tiếp vậy.

Có những kẻ thô bỉ thường tự phụ về cái lượng dâm dục của họ (họ tự ví như những vĩ nhân đa tài và đa tình!). Họ có biết đâu rằng họ đã đem huy hoắc đi như thế cái sinh-lực có lẽ rất xung-túc mà nòi giống đã truyền lại cho họ. Ngày nay, các nhà y học Đông Tây đều phải công nhận cái địa vị tối quan trọng của những hạch sinh dục trong sự sinh hoạt của cơ thể và tâm hồn (những thí nghiệm của Browu-Séquard, Alexis Carrel, Ogino-Knauss...)

Nếu ta không thấu nhận được cái chân-lý ấy, thì ta sẽ bị cám-dỗ vào những cạm-bẫy giết hại sinh-lực của ta, tròn vùi cuộc đời của ta. Trong các phép dưỡng-sinh quan-hệ, thánh Gandhi cho sự chay tịnh (Brachmacharya) đứng đầu, và tha-thiết khuyên thanh-

niên nên lấy vợ lấy chồng rất muộn, sau khi đã dùng sinh-lực của mình để tự tạo ra một cuộc đời hoạt-động.

Những phương-pháp người ta thường dùng để đàn-áp sự dâm-dục thì rất nhiều, song không có hiệu quả mấy, vì bản-ngã thường không bị đánh tới. Trong một cuốn sách riêng « Tinh-lực » ở loại thực hành, của bộ « Sức khỏe mới » tôi sẽ trình-bày, cách giải-quyết vấn-đề tối quan trọng này.

3.— Ta hãy trở lại xem bản-ngã cố dùng những đòn biếm-độc để triệt-hạ sinh-lực. Dưới cái mặt nạ lương-thiện là « tìm thú tiêu-khiển », bản-ngã xô-dẩy chúng ta đi tìm rượu, thuốc phiện, cà-phê, chè tàu, cờ-bạc, hát xướng, sách báo khiêu-dâm... Thần-kinh-hệ ta bị kích-thích trong chốc lát, ta có cái cảm-tưởng rằng ta đã sống một cách mãnh-liệt hơn lúc thường.

Thực ra, đó chỉ là những cái lừa đom-đóm, xanh-sao và chập-chờn, đó chỉ là những cách sống giả-dối rất khốn-khổ. Những vi thuốc đó và những trò chơi « tiêu-khiển » ấy chỉ làm tàn-rụi thêm cái sinh-lực đã leo-lét của ta. Hơn nữa, nếu ta lại nghiện những thứ ấy — và thường là như thế — thì chẳng mấy lúc mà sinh-lực ta khô-cạn hết,

ta không còn hy-vọng gì văn-hồi được nữa. Đó là bước cuối cùng trên con đường truy-lạc.

..

B — Ở mặt trận tâm lý, chiến tuyến của kẻ thù kín đáo hơn, những tác động của bản ngã giáo quyết hơn, song cũng tác ác nhiều hơn. Chiến thuật của bản ngã là *vọng tưởng*, để làm tản mao sinh lực. Ta có thể phân sự vọng tưởng ấy ra làm ba mối :

1) sự nhớ tiếc dĩ vãng

2) sự mơ ước tương lai

3) sự lo âu hiện tại

1) Nhớ tiếc dĩ vãng là một phương tiện an-ủi của bản ngã bền nhất. Nó sợ hiện tại nên không dám đụng chạm với sự thực trước mắt, nó làm mờ các giác quan đi, để không nhận thấy một cảm-giác gì nữa. Nó làm mê hoặc sinh lực, và sui bầy cái này đi lục lọi, tìm cho nó những hình ảnh cũ, êm dịu, hoặc cay đắng. Nó muốn sống lại những phút đã qua mà nó cho là đầy đủ, mãnh liệt.

2) Mơ ước tương lai cũng là sống bằng hình ảnh cũ. Nhưng có điều khác là bản-ngã chọn lọc, trong những hình ảnh cũ, những cái nào đẹp nhất, thú nhất, đem

chấp nối lại để theo dết một tương lai vừa ý. Trí tưởng tượng làm việc rất nhiều, vì tha hồ lòng phóng khoáng tung. Bao nhiêu sinh lực của ta đem reo-rắc cả vào những mộng-tưởng xa xôi, hão huyền, vô lý.

3) Sự lo âu về hiện tại lại hại hơn cả. Ở đây bản-ngã không di trốn được hiện tại mà nó sợ hãi. Bất buộc, nó phải quyết-đoán để hành động. Nhưng nó không dám làm. Nó xếp đi đặt lại mãi những chương trình hành-động, nó nghĩ quanh nghĩ quẩn, nó cân đi nhắc lại mãi những hình ảnh quen thuộc. Rút cục, không có một hình ảnh nào phát hiện được; những tế-bao trong óc rung-động mãi một nhịp, sinh ra mỗi mội, rồi thàn ra rối loạn sai lầm.

Ba trạng thái tâm lý trên kia đều thuộc về tâm-lý bệnh-học. Chúng biểu lộ một sinh-lực quanh-quẩn trong vòng bản-ngã chật hẹp.

Sự vọng-tưởng làm cao sự chú ý yếu đi, cho trí thông hiểu chậm đi, trí suy xét kém sắc mắc, sự quan-sát thiếu tinh-vi, triết-luận mất hẳn. Nguy hơn nữa, là nó gây ra những trạng-thái hoài-nghi, mập-mờ, hãi-hùng rất đau khổ. Nó rút mòn sinh-lực và cũng không đưa đến một tác động nào ra gì.

Muốn ngăn những khuynh-hướng lổ-lãng và tai hại này của bản ngã, người ta thường

dùng cách tự dân dụ, cách tự-kỷ ám-thị hoặc cách phân-cách tâm-lý (psychanalyse) Người ta muốn dùng lý-trí để chữa bệnh tinh-thần. Song những kết quả không thể nào hoàn toàn được, khi ta chưa phá vỡ được bản ngã. Những người vọng tưởng nhiều là những người ích kỷ nhất, khổ nhất, khó giải thoát nhất.

3.) *Đứng về phương diện xã hội*, ta thấy rằng địa vị và nghề nghiệp của ta có ảnh hưởng lớn đến sự phát-triển của sinh-lực. Bản ngã, ở đây, bị thành kiến xã hội sai khiến rất ráo riết, nên nó lại càng bó thắt sinh-lực lắm lắm.

Những thành - kiến của xã-hội đã ăn sâu vào bản-ngã : đó là những trở ngại lớn nhất cho sự sống. Đối với phần đông chúng ta, những thành-kiến xã-hội bó-kết lại thành một động-lực, « một thiên tính thứ hai » để chi phối cả sự hay dở, sự sướng khổ, sự khỏe yếu của ta. Khi xét đến những nguyên nhân đau khổ của người đời, văn sĩ Anatole France đã đứng hẳn về mặt xã-hội, và nhận xét rất tinh vi :

a) Người ta khổ vì người ta cho rằng người ta không có những cái mà xã hội coi là hạnh phúc tuyệt đối (hạnh phúc tuyệt đối của người đời, tùy theo từng chỗ và từng

thời đại, có thể là danh-giá, hoặc tiền-bạc, hoặc ái-tình, hoặc sức mạnh... (v.v.)

b. — Người ta khổ vì khi đã có cái mà xã-hội coi là hạnh-phúc tuyệt đối rồi, người ta lại sợ nó rơi, nó vỡ mất.

c. — Người ta lại khổ vì người ta chịu đựng những cái mà xã-hội ruồng rẫy (ví dụ sự thi trượt, sự mặc áo rách, sự người trí-thức đi làm việc bằng chân tay...)

Nói tóm lại theo ý Anatole France, thì thành-kiến dễ ra đau-khổ. Muốn tránh đau khổ chỉ có một cách là vứt bỏ hết các thành-kiến. Chính những cái này hút dần hết sinh-lực ta, làm cho ta nhãng bỏ cả thân-thể, bóp chết cả tình-cảm, làm mờ ám cả trí tuệ. (Xem cái bệnh hãnh-tiến ở phần thứ nhì).

Nhiều khi hoàn-cảnh lại ảnh-hưởng đến sinh-lực của ta một cách trực-tiếp hơn nữa. Một người bắt buộc phải làm một nghề không thích-hợp với sở-nguyện và tài năng mình, là một người rất yếu-đuối, rất khổ-sở. Sự hoạt-động « trái cựa » không làm phát-triển sinh-lực được, mà chỉ mang lại cho ta những nhục-nhã, những phiền-muộn của một người thấy mình vô-tài! Đó là tình cảnh của một trạng-sư nói lắp, của một người thợ vụng chân tay, của một nhà

kinh-doanh thiếu sáng-kiến !
 Hoàn-cảnh phức-tạp có khi lại bắt buộc ta tiêu phí rất nhiều sinh-lực. Ví dụ một thanh-niên trung bình, mới trong vòng hai mươi tuổi, vừa theo đ.đ.đ. việc học, vừa phải lo sinh-kế cho mình và cho gia-đình mình, vừa gặp phải những cảnh khe-khắt, những nỗi bực-roc nữa; tình-trạng gay go ấy dần dần rút mòn sinh-lực của người thanh-niên đáng yêu kia. Dù người ấy có ngoan ngoãn và thông-minh đến đâu, sinh-lực cũng dễ bị hoàn-cảnh làm cho mòn-mỏi khô-cạn. Xem như vậy, thì những tình-cảnh phiền-phức quá thường là tối kỵ cho những sinh-lực trung bình. Xếp-đặt hoàn-cảnh, âu cũng là một cách giải-quyết gián-tiếp vấn-đề sinh-lực cho những người yếu đuối.

Ở trên đây, đứng về phe sinh-lực, chúng ta đã điếm qua một vài trận đồ quan trọng của kẻ nghịch là bản ngã ích kỷ. Trong phạm vi quyền sách này, chúng ta không thể nghiên cứu kỹ lưỡng được những phương pháp đối phó để đem ứng dụng trong từng trường hợp riêng (1). Nhưng

(1) Xem những cuốn sau trong loại thực hành của bộ "Sức khỏe mới" nhà Hậu Thuyết sẽ lần lượt xuất bản.

chúng ta cũng đã thấy rõ sức khỏe không phải là một bảo vật trời để dành riêng cho ai. Sức khỏe là của mọi người. Nhưng nó bị vây-hãm, bị tàn-sát. Ta phải bênh vực nó. Ta phải phá tan những thành trì của bản ngã, phải ngăn trở những tác-động tai-hại của bản-ngã phải đề phòng những mưu-kế hiểm-độc của bản-ngã. Sức khỏe là một chiến-công oanh-liệt. Công cuộc gây dựng sức khỏe chỉ là một sự khôi-phục, nhiều khi đau đớn, khó khăn, lâu-la, nhưng không bao giờ làm cho ta thất vọng. Mỗi khi ta đánh được một đòn vào bản - ngã làm cho nó nứt rạn ra thì sinh lực ta lại phấn khởi lên, tâm hồn ta mở rộng ra, tinh cảm của ta trong-trẻo, trí-tuệ ta sáng - suốt, ta cảm thấy rằng ta đã thắng được thần chết trong một keo vật-lộn kịch-liệt.

Những gông cùm của ta rơi vỡ đi, ta rút bỏ hết cả mọi thứ vắn làm mê hoặc người đời; ta chỉ còn là một sinh lực rất liêu, rất ngang tàng, hoàn-toàn trông cậy vào mình, không sợ hãi, không phiền não, không băn khoăn. Ta có thể mặc một cái áo rách, làm một nghề lam-lũ để kiếm ăn, ta có thể điềm nhiên nhìn thẳng vào mặt những kẻ kiêu ngạo khinh nhờn ta.

Ta thấy sự sống của ta, tự nó, đã là tất cả cho ta rồi.

« Khi ta đã khám-phá, đã khôi-phục được sự sống, thì sự sống tự nó là cứu cánh cho nó rồi. Sống là đủ rồi» (H. Arthus)

CHƯƠNG IV

Đi tìm nguồn sống.

Ít lâu nay, ở xứ ta, có một số đông bạn trẻ, trai và gái, rất chú ý đến sức khỏe. Họ rất chú ý « luyện-tập thân-thể » và « tu-bồ tinh-thần ». Họ đã đọc, ở trong các sách và các tạp-chí, những điều phổ-thông về Y-học, những phương-pháp vệ-sinh, và những thuật « bí-truyền » làm cho trẻ thêm, đẹp thêm, vui-vẻ thêm, sống lâu thêm. Đứng trước thần-tượng *Sức khỏe*, đó là những tín-đồ không thể ai nhiệt-thành hơn được nữa.

Họ dậy sớm, ra trước cửa sổ tập thở, tập thể-thao, rồi đi tắm nước lạnh. Họ treo ở trong phòng những tấm biển kẻ chữ rất gọn-ghẽ, nêu ra trước mắt họ những câu châm-ngôn rất điêu-luyện, rất danh thép.

Họ đứng trước gương, ngắm bóng mình một cách tha-thiết, và theo phép tự-kỷ ám-tị, họ dùng trí-tưởng để tạo ra cho họ đủ các nét tốt của một người trong-sạch, đẹp đẽ, quảng-đại, hoàn-toàn. Họ phác họa chương trình làm việc hằng ngày, xếp đặt cuộc đời của họ rất có qui-cử, có thứ-tự. Nhiều khi, họ lại cố giữ điềm-đạm, nói ít và cử-chỉ rất ít nữa.

Những người xung-quanh khâm-phục và khen-ngợi họ lắm, cho họ là những người có chí, có ý-chí và giàu nghị-lực!

Nhưng có một điều rất lạ làm cho ta phải sửng-sốt, là những người « giàu nghị-lực » ấy thường cảm-động rất ít. Lúc nào họ cũng giữ-gìn cuộc đời của họ, và không bao giờ họ rảnh trí để nghĩ đến người khác, rảnh tay để làm cái gì cho người khác. Đến gần những nhân vật cầu-kỳ ấy, ta thấy họ rất « vô duyên », ta thấy khó chịu như đứng trước một bà lão khô đét, khắt khe, tham lam. Ta mới nhận ra rằng tất cả những sự xếp đặt khôn ngoan của họ chỉ là để che lấp những sinh-lực rất nghèo nàn, những bản-ngã rất ích-kỷ.

Đem so sánh họ với những người mà ta vẫn cho là lòng-bóng, thiếu qui-cử — ví dụ một nghệ-sĩ — ta lại thấy những người sau

này đẹp hơn, « giàu sinh lực » hơn, khỏe hơn, đáng yêu hơn. Ta mới hiểu rằng theo đúng một vài phép vệ sinh — vệ sinh thân thể và vệ-sinh tinh-thần — chưa phải là đạt được sức khỏe, chưa phải là có nghị-lực.

Một khi cái bản-ngã công-kiền của ta còn ở đó để xâm chiếm sinh-lực, thì ta còn lệ loi yếu đuối. Sự khôi phục sức khỏe, nếu chưa đánh tan được bản-ngã, hãy còn là một công việc dở dang, chỉ mang lại những kết quả rất mong manh.

Muốn cho sinh-lực mạnh-mẽ và linh-động, ta phải làm thế nào cho nó giao động được với những sức mạnh khác rạo-rạt ở xung quanh ta. Như một con sông không bao giờ muốn ngừng chảy, ta phải mở lối tìm nguồn sống; như một giây đờn muốn luôn luôn rung-động, ta phải hòa nhịp sống của ta vào nhịp sống tung bừng của muôn vật, bắt đầu từ nhịp sống của đồng loại. Đó là những cách gián tiếp để khử trừ bản ngã vấy.

Có một cách « quên mình » để nhất, là đi tìm phong cảnh thiên nhiên, đi tìm vũ trụ. Nhiều lúc, đời sống xã hội làm cho ta mỗi một quá, ta thấy cần phải tạm rút bỏ với những khuôn sáo chật hẹp

hàng ngày, rút bỏ với cái bản-ngã nặng-nề của ta nó là một sản phẩm của đời sống chung đụng, xô sát. Nhưng ta cũng không cần phải đi đến tận góc biển chân trời, tìm những nơi nước non xa lạ. Một cảnh chùa, một bờ sông, một trái đồi, một bụi cây, một làn cỏ, ngay đến những phong-cảnh rất quen thuộc, rất tâm-thường như cảnh vườn dục, cảnh hồ ao, cảnh đồng ruộng phẳng-li của ta... đó cũng là những bức tranh thiên nhiên tô đủ muôn màu; đó là những cửa sổ rất giản-dị để nhìn vào cái kho vô tận của vũ-trụ.

Điều cần nhất là khi đi tìm vũ-trụ thì ta hãy để lại trả xã-hội những cái gì của xã-hội, cái bản-ngã của ta, những tâm-sự tây riêng của ta. Ta đừng làm như những thi-sĩ lãng-mạn — lôi kéo cái sâu dằng dặc của mình vào trong khung-cảnh sản-lạn của thiên-nhiên. Từ trước đến nay, vì chủ-quan quá, vì tư kỷ quá, hẹp-hòi quá, chúng ta vẫn theo nhà thi-sĩ, mà cho rằng:

« Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

« Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ? »

Chúng ta quên rằng đem nhuộm thiên-nhiên bằng cái màu tâm-lý của ta như thế, tức là bôi nhọ tất cả những vẻ đẹp, vẻ quý của cây, cỏ, núi, sông; tức là sóa nhòa cái

bản-sắc linh-hoạt kỳ-thú của bức tranh vũ-trụ. Ngắm phong-cảnh không phải là một cách hành-lạc lẩn-thần, không phải là nhân-cách - hóa cảnh thiên-nhiên để tìm ở đó những thú-vị của đời sống hàng ngày.

Trái lại, đi tìm thiên-nhiên là cố tình ly-di trong chốc lát với đời sống hằng ngày nó thúc-phục ta quá, nó phá hại sinh-lực ta quá. Là cởi bỏ cái tâm-lý chủ-quan, cái bản ngã của ta, để quan sát, để cảm-thông những cái ở ngoài ta, để sống — dù trong khoảnh-khắc — cái sống của những vật không phải là ta. Là giải-phóng sinh-lực của ta bằng cách thả cho nó đi tìm những sinh-lực hồn-nhiên của vũ-trụ, dịu-dàng hơn, tha-thiết hơn những sinh-lực kìm-khở của xã-hội loài người.

Trở về với thiên nhiên, ta cũng đừng có đem theo những lễ thói của con người văn-minh. . . Hãy để trả lại xã-hội những thành-kiến, những ngôn-ngữ, những nghi-thức những hệ-thống, những công-trình phát-minh của khoa-học, những luận-thuyết về nghệ-thuật, những tác-phẩm văn-chương tư-tưởng... Hãy để lại tất cả những báu vật tinh-thần của xã-hội, để trở về với thiên nhiên như một đứa trẻ ngây-thơ tâm-trí chưa nhuộm màu thế sự.

Trong cái yên lặng của cây cỏ, dưới làn gió nhẹ-nhàng ở những nơi u-tịch, ta hãy để bàn tay mềm-mại của thiên-nhiên vô - về bộ thần-kinh của ta nó đã bị cuộc cạnh-tranh làm cho sơ-sác. Ta hãy thả mình vào bầu không khí trong-trẻo của thiên-nhiên để rũ sạch những bụi-bậm của đời phồn-hoa náo-nhiệt. Ta hãy mở rộng các giác-quan để chào đón những làn sóng rung-động nhịp-nhàng tự xung quanh trần-lời. Ta hãy lặng lẽ ngồi xuống cỏ, xuống đất, xua đuổi hết những hình-ảnh dĩ-vãng, và để nguyên cho mắt ta trông, tai ta nghe, mũi ta ngửi, da thịt ta cảm-xúc... Lúc bây giờ, một giọt sương, một ngọn cỏ, một ánh nắng phản chiếu mặt nước muôn màu rực rỡ, tiếng chim kêu nhẹ nhẹ, tiếng lá cây sần-sạt, mùi hoa thơm ngát, mùi cỏ non lơ-lửng nhẹ-nhàng, sự cọ sát dịu dàng với thớ đất mềm-mại, với phiến đá cứng rắn, giọt sương, làn gió... và còn bao nhiêu cảm-giác tế-nhi, còn bao nhiêu hiện tượng lạ-lùng, kin-đáo nữa... tất cả mọi thứ ấy đều rền-rập đập vào giác quan ta để tố cáo cuộc sống rất phong-phú, rất tung-bùng của vũ-trụ mà, trông ở ngoài xa, ta tưởng chừng như im-lìm tử-lạnh.

Những cảm giác hồn-nhiên ấy không mang lại cho ta thêm một kiến-vấn nào cả.

Nhưng luồng sống của vũ-trụ chạm vào ta, và khua động cái sinh-lực mệt-mỏi của ta. Ta cảm thấy một thú vui man-mác, nhưng dịu-dàng của một sinh vật thấy mình không bị trơ-trọi lẻ-lói. Ta muốn quên hết cả cái thân phận con người cô độc của ta, để nhập vào cái đời sống vô ngã, mộng mênh của những vật vô tri vô giác.

..

Khổ thay ! những phút sống lạ lùng như thế thường rất hiếm có và không được lâu, khi thân thể chúng ta còn phải đứng trong phạm vi của bao nhiêu giàng buộc xã hội nặng nề, chặt chẽ. Nguồn sống thiên nhiên, tuy rời rạc, nhưng không lôi cuốn ta đi được, không giải cứu hẳn cho sinh-lực tù-hãm của ta được.

Muốn phá tan cái gông-cùm của bản-ngã, muốn làm cho sinh-lực ta giao-động luôn luôn, muốn cho nó mạnh-mẽ và bền vững, ta lại phải đi tìm một nguồn sống gần ta hơn. Đó là cuộc đời ồn-ạt, lộn-sộn, đau-khổ hay sung sướng, rữ rội hay bi thảm của nhân-loại đang kêu khóc, đang reo hò, đang xô đẩy nhau ở ngay bên cạnh nách ta đây. Cuộc tranh sống gay go hàng ngày, những thành kiến ích-kỷ, những thú vui

hẹp hòi... đã hứa nhau vào làm cho tâm-hồn ta khô-khan căn-cõi, làm cho nó không trông thấy những cảnh sinh-hoạt đầy rẫy ở xung quanh ta, không cảm thấy những nỗi thống khổ, những nỗi oán-hờn, những mối hy vọng của bao nhiêu sinh-lực sôi-nổi đang rẫy-rụa để tìm đường phát-triển.

Có một phương thuốc rất công hiệu để chữa cái bệnh tư-kỷ, là trông vào đời sống của đồng loại để quên đời sống của mình, là thâm cảm những nỗi đau khổ của đồng loại để xua tan những nỗi đau khổ của riêng mình.

Thực vậy, đời sống của nhân loại, tuy rằng không êm đẹp như đời sống của vũ-trụ nhưng sôi nổi hơn nhiều. Kia là những sinh-lực rất bình tĩnh, rất thông-dong, rất thứ tự; đây là những sinh-lực bị cản trở, uất ức, bực rộc, mãnh liệt. Sự giao động ở đây không mang lại cho ta những thú vị nhẹ nhàng của nhà ăn sít. Trái lại, nó thổi vào tâm hồn ta những ngọn lửa phân uất ghê gớm: cùng với những người đau khổ, ta thù ghét oán hờn những tai họa của sự sống, những điều lầm lỡ, những cái ngu muội, những thành kiến độc ác, những bệnh tật tàn nhẫn, — tất cả cái đội quân yêu quái của thần chết. Ta cảm thấy rõ rệt hơn là lúc ta luẩn quẩn

một mình — rằng sự sống đang bị công-phá, bị rầy đập, bị đè ép. Và ta lại thấy sót sa cho những sinh vật cũng như ta, mà lại không được sống như ta, còn bị đẩy-đọa, bị truy lạc gấp bao nhiêu lần ta nữa. Trước cảnh tượng nguy vong của sự sống đang tiêu ma, bao nhiêu tình cảm vụn vặt, bao nhiêu ý nghĩ hẹp hòi của ta phút chốc vỡ tan cả : một lòng yêu chân thành vụt nổi lên trong tâm-lõn ta. Tự nhiên ta thấy lòng mở rộng và thông cảm với sự sống quẩn-quai của cái nhân loại đau khổ kia. Người ta nhẹ đi, tâm ta nhẹ đi. Trí ta sáng ra. Lòng yêu kia đã vô tình giải thoát cho ta vậy.

Đi lẫn vào đám đông, ta nhìn mọi người một cách khác hẳn. Ta không cần dùng cái mực thước luân lý thường để phân loại các hạng người ; ta không có cái ác cảm hoặc cái thiện cảm của một cá nhân đối với một cá nhân khác nữa ; trước mắt ta chỉ còn những « người đang sống », đáng yêu vì tha thiết, đáng thương vì đau khổ, đáng giúp đỡ vì ngu muội (lầm lẫn)...

Nguồn sống của nhân-loại — không phải cái nhân-loại cao-đẳng chọn-lọc trong đám nghệ-sĩ, bác-học và triết nhân, mà chính là cái nhân-loại tầm-thường, cái nhân-loại đầy-đọa

và lầm-lẫn — nguồn sống nhân-loại là một kho sinh-lực rất xúc-tích, tuy rằng lộn-sộn và đã phi-phao đi rất nhiều. Bao nhiêu hy-vọng tốt đẹp ở tương lai của loài người đều phải trông vào đó, dựa vào đó. Vì vậy, nên ở bên Âu châu, từ giữa thế-kỷ trước, người ta đã xướng lên thuyết « tôn giáo nhân-loại » (religion de l'humanité). Từ bấy giờ, người ta mới ly-dị hẳn với những con đường thần-bi, và nhất-định giải-quyết những vấn-đề của nhân-loại trong phạm-vi nhân-loại, bằng sức lực của nhân loại. Mới đây, trong một cuốn sách nhan-đề là « Từ đau khổ đến hạnh-phúc », nhà văn-hào nổi tiếng khắp thế giới Keyserling, sau khi đã nghiên cứu những phương-pháp tâm-lý và sinh-lý để giải-quyết nỗi băn-khoăn của những người tri-thức và tâm-huyết, cũng phải nhận rằng những phương-pháp cá-nhân không có hiệu-quả gì mấy. Con người ta không thể tách ra ngoài đoàn-thể của mình được, không thể tách ra ngoài nhân loại được. Những vấn đề cá-nhân là những vấn-đề nhân-loại, và những vấn-đề nhân loại cũng là những vấn-đề cá-nhân. Keyserling công-kích rất tàn-nhẫn cái thái-độ riêng biệt của những người tri thức muốn lia mình ra khỏi nhân-loại. Ông cho rằng, nếu nhân loại

còn lam-lũ, còn đầy đọa thì dù học-thuật, nghệ thuật có nâng cao người ta lên đến bậc nào, người ta cũng không ra thoát được cái vòng đau-khổ. Sinh-lực của ta bắt liền vào với sinh-lực của nhân-loại như chiếc bánh xe trong một guồng máy lớn. Không những sự sướng khổ của ta, mà cả đến sức khỏe, đến nghị-lực của ta cũng do nhân-loại gây ra cả.

Keyserling đã viết những lời tâm sự thực là tha thiết về vấn đề nhân-loại đáng để cho ta ngẫm-nghĩ :

« Những nỗi đau khổ riêng tây của tôi có thấm vào đâu, đem so với cái cảnh lầm than cơ-cực, với những sự rầy vò thảm thiết và đầy-rẫy của phần đông nhân-loại? Tôi, tôi còn có tâm cơ để chống đối với những sự khó-khăn ở đời, tôi lại còn có thể nhờ sự phấn-đấu ấy mà nâng cao được tâm hồn lên nữa. Nhưng phần đông nhân-loại thì làm gì có sức mà làm được như tôi? Bị khốn nạn khổ sở tự bao nhiêu đời rồi, nhân-loại yếu lắm, không cất đầu lên được. Nghĩ đến tình cảnh ấy, đến những nông-nỗi thảm-đạm của người đời tự thuở nào đến giờ, tôi thấy trách nhiệm của tôi càng to. Tôi không có quyền được sống cho riêng mình, tôi không có quyền đi tìm cách tiến-

hóa cho một mình mình. Có Tri-tuệ tức là có phận sự...

Phải làm cách nào cho đời sống vật chất rất khó-nhọc, rất đau-đớn, rất bi-thảm của phần đông nhân loại bớt làm than đi; phải làm sao cho không còn làm than chút nào nữa ».

Ở đây Keyserling chỉ cốt chỉ trích thái độ của kẻ trí-thức và phân-nản cho nhân-loại đau khổ. Chớ ông cũng không dám coi thường cái nhân loại đau khổ ấy. Đó là một kho sinh-lực bị dồn ép, đang tiềm-tàng, có thể một ngày kia nổ tung ra được.

« Đồng thời, trong khi nhận cái trách nhiệm của người trí-thức, tôi thấy càng ngày càng phải kiên-nghị, phải thần-phục những khối tình cảm mãnh liệt của đám đông vì tôi biết rằng đó là những ngòi lửa sẽ làm bùng nổ những sức-mạnh không ngờ » (trích ở cuốn « Responsabilité de l'esprit devant la Révolution mondiale » của Keyserling).

Ta chớ nên lầm tưởng là nguồn sống nhân-loại chỉ phát ra những sức-mạnh rữ rôi. Nhiều khi trong những cảnh sinh-hoạt rất lộn sộn, rất làm than, ta phải ngạc nhiên khám phá ra những người rất giàu lòng hy sinh, can đảm, ta thấy rằng, đằng sau những gương mặt xấu-xi, những bộ áo rách-rưới, lại có những trái

tim vàng chan chứa tình yêu trong sạch. Sự đi sâu vào đám đông không bao giờ làm cho ta thất vọng, nếu ta gạt được những thành kiến xã hội của ta rút được với bản ngã của ta. Tâm mình trong làn không-khí nhiều khi này lửa của nhân-loại, ta sẽ thấy sinh lực ta giàu thêm, mạnh thêm, hơn cả khi đi tìm nguồn sống thiên-nhiên nữa.

Tuy vậy đi tìm những nguồn sống, ta đã đóng vai một kẻ yếu đuối đi cầu-xin sinh-lực. Chỉ hiềm là những sinh lực bố thí ấy thường không đủ giải thoát cho ta được. Ta lại phải cần đến một phương-pháp đĩnh-đạc hơn, đường-hoàng hơn, hợp lý hơn, công bằng hơn.

CHƯƠNG V

Giải phóng sinh lực.

Chống lại với những thói quen có từ lâu năm, cưỡng lại với một bản-ngã trơ-nhèn và khao-khát... đã là một điều khó.

Quên thân mình đi, quên cả cái bản-ngã to lớn nó làm chủ đời mình đi, để yêu cảnh vật, yêu nhân loại, đó là một điều khó nữa.

Hai phương-pháp trên đây (vừa nói ở chương III và chương IV) chỉ có thể đem ứng-dụng trong những trường-hợp đặc-biệt, trong một thời-hạn ngắn-ngủi.

Sau những tai nạn mà ta thấy rõ rằng bản-ngã là thủ-phạm, ta dễ phân-khích, ta dễ dùng trí-tuệ và tình-cảm để đưa sinh-lực vượt ra ngoài vòng bản-ngã (trường-hợp tốt để khôi-phục sức-khỏe).

Lại có khi đời sống xã-hội làm cho ta đau-khổ quá, bản-ngã ích-kỷ rầy-vò ta quá, ta thấy chán ghét cả hai thứ ấy, và ta vui lòng rút bỏ chúng để đi tìm thiên-nhiên hay đi tìm những bạn đường đau khổ (trường-hợp tốt để đi tìm nguồn sống).

Tuy vậy, ở hai trường-hợp ấy, bản-ngã chỉ bị đánh lui hoặc bị bỏ quên mà thôi. Nó vẫn còn. Và nó sẽ nổi dậy để ám-ảnh ta, để làm hại ta. Nó sẽ phá đổ cả những công-trình ta đã gây dựng được khi vắng nó. Nó sẽ trả thù mà công-kích rữ hơn nữa.

Vi vậy, nên ta thường thấy có nhiều người, sau một thời-kỳ tu-luyện khôn-ngoan, lại sinh ra truy-lạc khốn-nạn; ta lại thấy những đạo-sĩ, những chân-nhân, những người đã có lúc hy-sinh cả đời mình để tha-thiết yêu thiên-nhiên và nhân loại, ta lại thấy những siêu nhân ấy rơi về cái vực ích kỷ của người thường, mà lại ngã xuống sâu hơn nữa!

Trong trận chiến-đấu của sinh-lực với bản-ngã, sinh-lực — có trí tuệ giúp sức — phải công phá luôn luôn, không ngừng tay lúc nào. Hoãn binh một lúc, tức là để cho bản-ngã lấn đất và chiếm lại trận-địa.

Ta chỉ nên coi hai phương-pháp kể trên,

như những chiến-thuật âm-ỹ và ò-ạt để đánh lui bản-ngã trong chốc lát. Phần quan-hệ nhất trong chiến-lược là phải điều-khiển thế-công liền liền bằng những trận nhỏ, nhưng mà vững thế, thắng thế. Mỗi bận sinh-lực tiến lên được — dù chỉ là một bước — là đã đánh được một đòn nặng vào bản-ngã, làm cho nó sứt mẻ dần dần. Và cứ những trận nhỏ như thế, đánh mãi, cho đến khi nào bản-ngã tan-tác không còn một mảnh nào nữa. Lúc đó, sinh lực mới hoàn toàn giải-phóng, lúc đó chúng ta mới làm việc được hăng hái và lâu bền. *Lúc ấy chúng ta mới có nghị-lực và mới có thể làm được bất cứ điều gì ta muốn.*

* * *

Vậy ta phải làm thế nào để đánh tan hẳn bản-ngã, để giải-phóng sinh-lực ?

Trước hết, ta hãy rút hẳn với nhân-sinh-quan cũ của ta, như ta cởi bỏ một cái áo cũ, chật hẹp và rách nát không thích dụng và không có giá trị gì nữa. Cuộc đời không phải là một cái chợ khoái-lạc ; người ta không phải là những con vật sinh ra để đi tìm thỏa-mãn cho xác thịt, hoặc cho tình-cảm, hay cho tri tuệ. Hai chữ bạnh-phúc (hiểu theo nghĩa là yên-ôn, no đủ, khoái lạc) phải đem gạch bỏ đi như một nọc độc nguy hiểm. Nó mê hoặc người ta, ám ảnh

người ta như một câu thần chú ma quái, nó làm cho người ta rút rứt, sợ sệt, mềm yếu; nó rút nhỏ phạm vi của cuộc đời, lột hết trách nhiệm của con người.

Đi tìm hạnh-phúc (!) không phải là ý nghĩa cuộc đời dù ta muốn cho hạnh-phúc ấy là một phận-sự, hay một lý-tưởng, hay là một cái gì cao quý đi nữa.

Cái giá-trị của một người — mà chúng ta ai cũng biết thế — không phải là ở chỗ người ấy có nhiều tài-sản, nhiều danh-vọng, nhiều điều kiện thuận-tiện để hưởng khoái-lạc. Ngay trong khi cả một xã-hội đắm chiêu vì danh lợi, tự trong thâm tâm những kẻ tham-lam cũng thấy bất mãn về những thần tượng họ vừa phụng-sự vừa khinh bỉ như những của giả hiệu. Họ vẫn phải cúi đầu khâm-phục những người nghèo hơn họ, nhưng có nhiều năng-lực hoạt-dộng và ít dục-vọng ích kỷ. Họ cảm thấy rõ-rệt những người kia đẹp hơn họ, khỏe hơn họ, tuy rằng bề ngoài, vì lòng tự-ái, họ vẫn làm ra bộ coi thường.

Từ khi loài người là loài người, bao giờ những sinh-lực mạnh-mẽ cũng vẫn được coi là những kiểu mẫu mà nhân-loại chiêm-ngưỡng. Trong những xã-hội giả-man lấy sự đánh giết nhau làm thỏa thích, cũng như trong

những xã-hội mục-nát lấy ăn chơi làm cứu-cánh cuộc đời, cái phần danh-dự thực bao giờ cũng để dành cho những sinh lực quật-cường lấy hoạt-động làm lẽ sống. Những người này không bao giờ nghĩ đến hạnh-phúc, chính vì thế mà không bao giờ họ khổ-sở. Nghĩ đến hạnh-phúc, là bắt tri tuệ tình-cảm và xác-thịt đứng dừng lại, và ngưng-tụ ở xung-quanh một viên tượng, một ảo-tượng. Hạnh-phúc (1), văn sĩ Maeterlinck đã ví nó như một con chim xanh phải rớt ở trong lồng, để ra ngoài thì nó bay mất. Đi tìm hạnh-phúc chỉ là công-việc ngu dại của những kẻ cố rút hẹp cuộc đời để mua lấy những cái vui miễn-cưỡng giống như những con chim xanh phải rớt ở trong lồng.

Quan-niệm hạnh-phúc là một quan-niệm thụ-động, phản sự thực, không thể đứng vững được. Nó phải nhường chỗ cho những cái gì linh-động, thích hợp cho sự sống hơn. Mấy năm trước, hồi văn-bóa tư-bản còn thịnh-hành, Daniel Rops đã tiên-đoán khuynh-hướng của những thế-hệ thanh-niên mới. Ông viết :

• Cuộc đời không phải là một trò vui, sống không phải là đi tìm lạc thú, đi tìm những mỹ-nghệ để tô điểm sự rong chơi. Đời là trường chiến đấu. Sống là chiến-

thắng, là hoạt-động mạnh mẽ và có hiệu-quả. Giá-trị của con người là ở sinh-lực, ở nghị-lực hành động, nghị-lực sáng tạo".

Đến đây, ta phải phòng ngừa một sự hiểu lầm. Sống là chiến-đấu. Những kẻ tham-lam, những kẻ hãnh-tiến, những kẻ đi tìm hạnh-phúc ích-kỷ... sẽ cho là họ cũng chiến-đấu, họ cũng sống. Trong phần thứ hai của cuốn sách này chúng ta đã thấy rằng sự chiến-đấu hẹp-hòi của họ đưa họ tới đâu rồi.

Nhưng ta cũng cần phải rõ rằng muốn sống cho ra sống, thì người ta phấn đấu cho cái gì và phấn đấu như thế nào?

Trước hết, ta không phấn-đấu cho ta, cho bản-ngã của ta, hay nói rõ hơn, cho lòng tự-ái của ta. Một nghệ-sĩ, trong khi mê-mải đi tìm vẻ đẹp của vũ-trụ, đã làm bia cho bao nhiêu mũi tên gièm-pha nhạo-báng của gia-đình xã-hội. Nhiều nhà bác học phải bán cả gia-tài để phụng-sự chân-lý; đến khi phát minh ra những điều mới lạ, còn phải chịu bao nhiêu nỗi hành-hạ của những đồng-loại hủ-lậu và độc-ác. Còn biết bao nhiêu người, trong khi làm việc, đã quên cả lạc thú gia đình, quên cả đến thân mình nữa. Những người ấy phấn-đấu cho nghệ-thuật, cho khoa học, cho nhân-loại, những người ấy chống lại với giặc bệnh, giặc

dốt, giặc xấu. Mục đích đời sống của họ không ở họ, mà ở ngoài họ. Trên con đường khắc-khồ đi tìm những thú không phải để cho mình, không bao giờ họ chồn chân mỗi gỏi. Có điều lạ, là có bao nhiêu sinh-lực trút cả ra ngoài, vậy mà lúc nào họ cũng hăng-hái, gan góc, liêu-lĩnh. Họ làm việc cho đến tận lúc chết, và tuy thần-xác đã già yếu hư hỏng, lòng họ vẫn trẻ như khi mới nhập cuộc. Đó chính là tại sự làm việc chuyên cần đã phá cho họ cái bản-ngã tai-hại, đã hoàn-toàn giải-phóng sinh-lực cho họ.

Lúc đầu, có lẽ họ còn tự-ái, còn ích-kỷ, còn tâm-thương như muôn vạn người khác. Nhưng sự làm việc, sự cố gắng, sự kiên-nhẫn... lâu dần biến họ thành những người khác, giấu sinh-lực ra và nghèo bản-ngã đi. Phép thần-thông của cuộc đời hoạt-dộng đã làm cho chính họ phải ngạc-nhiên vì những sự thay đổi lạ lùng mà họ được hưởng-thu. Người ta coi sự làm việc là một tôn-giáo cũng chẳng có gì quá đáng. Emile Zola đã viết :

« Tôi tha thiết cầu khẩn ngài nên tin-tưởng ở sự làm việc. Chúng ta sinh ra - chỉ để mà làm việc, rồi chết đi ; đời không có ý nghĩa, có mục đích gì khác đâu. Ta hãy nhận lấy

phận sự của ta. Dù nó hèn mọn, nhưng sự cố gắng của ta cũng đủ làm cho ta vui vẻ, sung-sướng, cương-ng nghị ».

Ta đừng cho rằng công việc làm phải to lớn, rục-rỡ. Bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, nếu ta muốn làm việc, thì không có gì ngăn trở được. Sự thỏa-mãn của lòng tự-ái có quan hệ gì ! Điều cần là ta chuyên-tâm, chú ý được, trút hết sinh-lực của ta ra ngoài ta, cho nó giao-động với những động lực khác trong nhân-loại, trong vũ-trụ. Đó tức là khám-phá, tức là sáng-tạo. Miễn là ta đã làm hết sức ta, trong cảnh-ngộ của ta, với những điều-kiện có thể của ta, thế là đủ rồi. Ở đời chỉ có mỗi một tội, một đại tội : sự im lìm, sự lười biếng, sự thối-nát. Nguyên giám-quốc Tiệp khắc là Masaryk chỉ có một châm-ngôn trong suốt cuộc đời hoạt-động rất mãnh-liệt của ông : « tùy cảnh-ngộ, làm được đến đâu thì làm ». (faire ce que l'on peut, où l'on est)

Cái bi-quyết ở đây, là không lúc nào để cho bản-ngã lộ đầu ra mà tác ác được. Nhưng ta không thể đi trốn nó được, cũng không thể đánh thẳng vào nó được.

Điều cốt-tử, là phải nuôi ở trong lòng ta một ý muốn rất nồng-nàn, rất sôi-nổi, rất dai-dẳng. Để nó rang động tâm hồn ta,

đốt nóng cơ-thể ta, để nó xua đuổi cho ta giấc ngủ lười biếng, và những sự lo âu, những bệnh-tật, những phiền não lặt vặt. Cái ý muốn ấy phải luôn luôn kéo sinh-lực ta ra ngoài bản-ngã, bất cứ bằng cách nào, bất cứ là đi đâu, bất cứ là đến đâu. Đó là cái lửa làm cho ta sống, cái lò-sơ luôn luôn căng, mạnh để khua động sinh-lực ta.

Nói về bản-thể, thì cái lửa sống nó huo nóng những tâm-hồn cao-đẳng, những siêu-nhân cũng không khác gì cái lòng dục tâm thương của mọi người. Căn-bản của sự sống, ở đâu, cũng là sinh-lực. Một người nhiều ý muốn, một người giàu hy-vọng, một người ham hành-động là một người đáng quý gấp trăm lần những người bạc nhược, biết nhiều, nhưng muốn ít, làm ít. Những người sau này không có giá-trị gì, không thể có bản-lĩnh gì. Hình như Khổng-Tử ngày xưa đã ví họ như những tấm gỗ mục nát không thể đem trạm trở được. Trong đạo Phật, có hai chữ « diệt dục » rất nguy-hiểm. Đã có người làm hiểu, đem cố diệt hết những ý muốn bình sinh của mình, và đem đầy đọa thân thể và tâm-hồn bằng những cách tu luyện khắc-khổ. Rút cục, họ đã không lên được cõi nát-bản, mà lại

phải sống một cuộc đời rối loạn và đau-khổ gấp mấy người thường. Vì muốn được sung-sướng, họ đã dai-dột cố tình rập tắt cái lửa nó làm cho họ sống. Ngạn-ngữ tây có câu « Qui veut sauver sa vie, la perdra » (kẻ nào muốn mong lên thiên-đường, chỉ làm hỏng đời của mình), chính là ám-chỉ bọn ngây ngô ấy.

Dục-tinh là gốc của sự sống. Ta không thể vùi rập nó. Nhưng, trái lại, cũng không thể để cho nó mù-quáng chạy theo bản-ngã ích-kỷ và hèn-nhát. Chức-phận của nó không phải là phụng-sự bản-ngã. Nó phải được phát-triển theo cái đà thiên-nhiên của nó: vượt ra ngoài bản-ngã, giao-cảm với những động-lực khác trong vũ-trụ, linh-động luôn-luôn, biến-đổi luôn-luôn, sáng-tạo luôn luôn. Những vĩ-nhân, những người có nghị-lực mà ta khâm-phục cũng chỉ có một bản-chất như ta, những dục-vọng như ta, một sinh-lực như ta. Có điều khác là những dục-vọng của họ không ích-kỷ, sinh-lực của họ hoàn-toàn giải-phóng. Nhiều khi, trông bên ngoài, họ cũng chẳng khác gì ta, họ chỉ có một đặc-điểm là *không cần* gì hạnh-phúc, *không cần* gì bản-thân của họ. Đó chỉ là một điểm nhỏ, nhưng đó cũng là tất cả.

Phải, chính cái đặc-điểm « không cần » ấy,

cái tinh-cách, phóng-khoáng, liêu-lĩnh ấy của sinh-lực đã tạo ra những cuộc đời hoạt-động đẹp-đẽ. Ở đây, ta không thấy cái bộ mặt đăm-chiêu, nhăn-nhó hoặc há-hê kiêu-kỳ, cái bộ mặt tục-tẩn bản thủ của một bản-ngã đói khát. Ở đây, là một sinh-lực ngang-tàng, là một lòng tin vô-tận, một sứ-mệnh lạ-lùng, một nguyện-vọng mãnh-liệt nó nâng con người lên trên tất cả những giàng-buộc của hoàn-cảnh, đưa người ta ra khỏi vòng đời nhỏ hẹp của một người, bắt người ta phụng-sự — sung-sướng mà phụng-sự — một cái gì ở ngoài người ta, ở trên người ta; nó bắt người ta nhận lấy nghèo đói, nhận lấy sự thức khuya dậy sớm, nhận lấy sự cô-độc, nhận lấy mọi sự hành-hạ của người đời, nó bắt người ta hy-sinh hết cả hạnh-phúc, hết cả sức lực, mà không hề hứa hẹn đền bù cho người ta bằng một cách nào cả. Ta hãy nghe Panaït Istrati ca tụng cái sức quyến rũ ly-kỳ ấy mà ông gọi là cái sứ nguyện bình sinh của ông:

« Tôi phải chống cự lại với tất cả để sống theo chí-nguyện của tôi, và suốt trong ba mươi năm giờ, lê gót đó đây, cái chí-nguyện rất giản-dị của tôi là sống, không có cái gì đánh đổ được.

« Đã bao nhiêu người quen kẻ thuộc nói xấu tôi; đã bao nhiêu lần mẹ tôi khóc để ngăn-cản tôi, khóc cho đến nỗi mẹ tôi phiền mà chết, đã bao nhiêu lần bè bạn cầu-khẩn tôi, dõ-dành tôi, và cũng bao nhiêu lần tôi bị đói bị khổ vô cùng, nhưng trên con đường tôi đã vạch cho tôi, không bao giờ tôi quay trở lại. Cho đến bây giờ tôi cũng vẫn phải đi hoài, tôi vẫn cứ phải sống theo cái định-mệnh của tôi».

Panaït Istrati thuộc vào hạng những người « bất-trị », chấp cả gia-đình, chấp cả dư-luận, chấp cả hạnh-phúc, và chấp cả đau khổ. Bị thúc dục đi tìm một vẻ đẹp trong trời đất, một sự thật trong lòng người, bị những cảnh trời nước mênh mông kêu gọi, bị những xã-hội loài người ở xa-xôi quyến rũ... họ bỏ cả nhà cửa, vợ con, công danh, phú-quý để đi theo những sứ-mệnh lạ lùng. Đông hơn nữa, dễ gặp hơn nữa là những người sinh ra đời với một sở-thích giản-dị, nhưng nồng-nàn : họ chỉ muốn làm một người thợ, một thầy thuốc, một nhà văn, một người giống hoa, một thầy giáo dạy học... Họ tha-thiết muốn, hăm-hở muốn, họ chịu nghèo, chịu cực để đạt được ý muốn, vì họ thấy rằng như thế họ mới là họ, phải như thế họ mới sống. Vì vậy cho nên, trong một

xã-hội mà hầu hết các sở-nguyên bị đè-nén cả, hầu hết những mầm tài-hoa bị tàn-rụi cả, ta không thể vin vào những hành-vi miễn-cưỡng hằng ngày để hiểu biết từng người được. Phải trông thấy A trong lúc A chơi đàn, phải trông thấy B trong lúc B chữa máy, phải trông thấy C trong lúc C diễn kịch, thì ta mới thấy A là A, B là B, C là C, ta mới thấy họ là người, sống và đẹp và có ích. Từ xưa đến nay, các nhà giáo-dục sáng-suốt đã rất cố than phiền về sự độc-đoán của các gia-đình trong việc chọn nghề cho thanh niên. Phần đông bị lạc đường, bị dồn vào những địa-vị ngang trái, không thích-hợp với tài-năng và sở-thích của họ. Sinh-lực không phát-triển được bản-ngã càng dày đặc thêm ra, họ bắt buộc thành ra những người nhiều tư-kỷ.

Đó là một điều rất quan-trọng, không những cho sinh-lực, cho sức khỏe của mỗi người chúng ta, mà cho cả sự sinh-hoạt và cuộc tiến-hóa của nhân loại nữa. Trách nhiệm của gia đình ở đây rất lớn. Gia đình là cái vườn để ươm những hạt giống khác nhau. Nếu người làm vườn không khôn ngoan trong cách vun sới thì không hạt nào trở hết được những năng lực và tính-cách đặc biệt của nó. Những cây mọc ra sẽ ẻo lả

hoặc cần cỗi. Ta hãy nghe những lời chỉ trích hí-lộng và chua cay của Panaït Istrati:

« Bao nhiêu nỗi đau khổ của người đời chỉ tại một nguyên-do : không làm theo cái sở nguyện thiêng liêng của từng cá nhân.

Một đứa trẻ khỏe mạnh thích chạy nhảy ngoài vườn, ưa hoạt động ở chỗ rộng rãi,

nó thấy rõ rằng « giới sinh ra nó để chẵn lợn, vui vẻ mà chẵn lợn ». Thế rồi, bỗng

chốc các bậc cha mẹ bắt nó về nhà, đặt nó trước dương cầm, rúi tay nó bắt đập lên

những phím đàn, muốn biến nó thành nhạc sĩ. Vâng, nó cũng thành nhạc sĩ. Nhưng,

than ôi ! nhạc sĩ ấy đờn như chọc vào lỗ tai người ta, làm cho người ta phát điên.

Hoặc cha mẹ lại muốn cho nó thành thầy thuốc, thầy thuốc để giết người. Dù cho

nó học nghề nào mà trái với sở thích của nó, cũng sẽ thành lỗ bịch như những con

khỉ trong rạp xiếc, ngồi ngo ngác trên lưng chó để chào khách, làm cho ngay

những con chó kia cũng phải lạ lùng ngo ngác ».

Xét kỹ ra, việc giáo-dục gia-đình không phải là tất cả trong sự phát-triển của sinh

lực. Nhiều khi ta còn phải kể đến những ảnh-hưởng xấu-xa của nòi giống, của sông

núi, của thời đại, của những điều-kiện sinh

lý phức-tạp. Những thứ này, có khi kết-tinh lại để gây cho ta một khuynh hướng, một sở nguyện mãnh-liệt mà gia đình không kiểm-chế nổi. Nhưng thường thường khuôn-khổ xã-hội nhào-nặn chúng ta, làm mòn hết những góc cạnh của nguyên-tinh; chúng ta bỡ-ngỡ không biết chúng ta sở-trường về cái gì, và không biết đi về nẻo nào để tìm lối sống. Trong tình trạng lơ-mờ ấy, mỗi cá nhân cần phải giác-ngộ để thoát ra khỏi vòng kim-kep của các thành-kiến, để tìm thấy bản thể mình, sinh-lực mình, và — hay hơn nữa — tìm thấy con đường phát triển, con đường giải-phóng của nó.

Ý nghĩa của sự sống chỉ có thể. Dù chúng ta làm việc gì, ở chỗ nào, dù ta cứ lâm vào những cảnh ngộ khe-khắt đến đâu, ta cũng cần phải có ở trong lòng ta một ánh lửa dẫn đường. Ta phải biết, phải nhận cái việc ta có thể làm được, ta phải làm cho được; việc đó to hay nhỏ không quan hệ gì. Nếu gia đình và xã-hội chưa giúp cho ta tìm thấy con đường của ta, thì tự ta phải đi tìm lấy nó. Công việc ấy cấp bách, không thể trì hoãn được. Sinh-lực của ta ngừng tụ lâu rồi, im lìm lắm rồi, phải khua động ngay nó, phải đảo

lộn ngay nó. Những cách tỉ-mỉ để luyện tập thân thể và tâm-hồn, những cách khôn ngoan để đi tìm nguồn sống ở thiên nhiên và ở đồng loại... sẽ không có hiệu quả gì nếu ta chưa nhận thấy mục-đích của ta, nếu cái sở thích, sở nguyện của ta chưa bốc lên như một ngọn lửa để đốt nóng những tế bào của ta, những tình cảm của ta, cái tri tuệ của ta.

Trái lại, một khi lòng ta đã quyết rồi, thì mọi việc đều dễ dàng cả. Tiến theo cái đà phóng-khoáng của sinh-lực, ta gạt bản-ngã ra bên đường để khôi phục sức khỏe. Ta lại đi vào nhân-loại, đi vào thiên-nhiên, không phải để cầu xin, mà là để phóng-khi cái sinh-lực bùng-bột của ta. Ta không còn là một anh nhà nghèo rút rút, hay là một anh biển lận lo sợ nữa. Tự nơi ta, một nguồn sống chảy ra ngoài, chảy hoài, chảy mãi, không bao giờ ngừng, không bao giờ cạn, bình như tự ngoài có những nguồn sống chảy vào ta theo những con đường bí mật mà ta không biết. Đắm mình trong luồng sinh-khí của muôn vật, hăng hái như con đại bàng văng mình vào gió bão, vững vàng như kinh-nghe lướt trong làn nước muôn trùng, ta thừa sức lực để chống đỡ, để chịu đựng,

đề cố gắng, đề chờ đợi, đề chiến-đấu,
đề thù-ghét, đề yêu-đương, đề tàn-phá,
đề kiến-thiết, đề luôn luôn hoạt động,
luôn luôn sáng-lạo.

Thắng được bản-ngã, ta đã đánh lui luôn
được thiên-hình vạn-trạng của sự chết —
(những bệnh tật, những tội lỗi, sự lười
biếng, sự ỷ lại, những cử-chỉ độc ác,
những trạng-thái quanh quẩn, mờ ám,
những thái-độ lệch-lạc cực-cản xấu xí...)

Giải-phóng được sinh-lực, ta sẽ giải-quyết
như không tất cả những vấn-đề quan-thiết
đến sự sống.

KẾT LUAN

Cuốn sách này đưa đến hai tác-động :

- Khu trừ những thái-độ phản sự sống.
- Thiết lập những cuộc đời linh-hoạt.

Những *thái-độ phản sự sống* là muôn nghìn hình-thức của lòng vị kỷ. Ở một người vị kỷ, sinh lực lúc nào cũng bị giàng buộc, bị uốn-nắn, bị đè-nén trong một bản ngã dầy hoặc mỏng, to hoặc nhỏ, nặng hoặc nhẹ, nhưng hoàn toàn đóng kín. Sự cầm-tù sinh-lực ấy là nguyên-nhân mọi thảm-họa của loài người. Nó đẻ ra những bệnh tật, những tội lỗi, những cuộc xô xát khốc liệt, những cảnh đói rét lầm than, những tình trạng im lìm của những người cơ-cực và ngu-muội, những hiện-tượng xấu-xa thô-bỉ do những kẻ cuồng đại gây ra... tóm lại, tất cả những cái mà ta thường

mệnh danh là sự hệ-lụy của kiếp người. Thực ra sự hệ lụy này chỉ là một sản-phẩm hoàn-toàn nhân-tạo. Ta có thể rút bỏ được nó nếu ta hiểu biết đến cỗi-rễ và bản-thể của nó. Giác ngộ tức là chiến-thắng. Biết để hành-động, hành-động để biến-cải. Đó là cái cơ giải-thoát của con người. Mà, ở đây, biết chỉ có nghĩa là phải nhớ rằng sự hệ lụy kia không phải là kẻ thù chính của ta. *Kẻ thù chính của sự sống, của chúng ta, là bản-ngã và tất cả những cái gì dung túng hoặc phò-tá nó.*

Vậy ta phải nhắm vào bản-ngã mà công-phá. Ta phải luôn luôn nhận xét ở chính mình ta và ở chung quanh ta, để củng lại và phá đổ tất cả những tình, những ý, những lời, những việc, những thói, những tục, những luật... có tính-cách vị-kỷ hẹp-hòi độc-ác, chỉ làm lợi cho một người hay một hạng người và làm hại cho toàn thể đồng-loại.

Đó là một sự giác-ngộ sâu xa và mãnh-liệt nó làm cho ta hiểu rõ bản-thể của ta và hoàn cảnh của ta. Nhờ đó, ta mới tránh được những con đường lầm-lạc, ta mới có thể thiết-lập được cuộc đời hoạt-động phóng-khoáng.

Tự hỏi rằng: « Ta muốn gì? » hoặc « ta

không muốn gì?» là còn bị lúng-túng trong vòng bản-ngã.

Những thứ dục-vọng ích-kỷ ấy lôi kéo sinh lực vào những viễn-tượng xa xôi, trong lúc nó cần phải giao-động trực-tiếp với cuộc sống hiện tại để phát-triển.

Lương-tri của ta cần phải thiết-thực hơn nữa khi nó dự vào đời sống. Nó phải khám-phá ra những năng-lực đặc biệt của ta — của cái ta đã bị đặt vào giữa bao nhiêu, ảnh hưởng khác nhau. Nó phải tìm cho ra khuynh hướng của ta, cái sở trường của ta cái động-cơ đưa ta vào công việc và cất ta lên trên những giàng-buộc và những làm-lãn của bản-ngã.

Thông minh đến tàn-nhẫn, nó phải gạt cho ta cái bản khoán của một kẻ « *muốn* sống như thế nào? ». Và phải thế vào đây cái mệnh-lệnh quyết-liệt của con người giác-ngộ : « *Phải* sống như thế nào? »

Cái cơ giải-thoát của ta chính là ở tinh-cách bắt buộc, độc đoán đó của cái sở-nguyện bình-sinh : « *vượt ra ngoài vòng bản ngã* ». Nó có thể làm cho ta đời rách, vất-vả, cô-độc, khổ nhục, nó sẽ rầy vò ta, nó sẽ hun đốt ta, nó sẽ hành hạ ta đủ mọi cách. Nhưng cần gì? Nẻo sống là ở đó. Nghị lực ở đó. Lòng tin ở đó. Tất cả ở đó. Kẻ nào

liều mạng thì mới cứu được cuộc đời của mình. Kẻ nào không lo cho mình thì mới thực là sống cho mình. Kẻ nào không làm cho mình thì mới thực là hoạt động. *Kẻ nào không muốn có nghị lực thì mới thực là có nghị lực.*

Rút cục, SỐNG và CHẾT phản trái nhau như sáng với tối, như trắng với đen, như lửa với nước. SINH LỰC với BAN NGÃ cũng vậy. Ta hãy chọn lấy con đường mà đi.

Thang ba 1942



Sách tham-khảo.

— Les maladies de la volonté — par H. Ribot (*Alcan Paris 1904*)

— Etudes expérimentales sur les troubles de la volonté — par D. Pierre Janet (*Alcan Paris 1935*).

— Instabilité mentale — par Duprat (*Doin Paris 1920*).

— Psycho-pathologie de la vie quotidienne — par Freud (*Payot Paris 1922*).

— L'esprit et ses maladies par Marcel Nathan (*Rieder Paris 1930*).

— Psychothérapie — par Austregesilo (*Masson Paris 1940*).

— L'adolescent et l'enfant instable — par Mlle. Abramson (*Paris 1941*).

— L'énergie spirituelle — par Bergson (*Alcan Paris 1922*).

- Les volitions — par Blondel, Laugier, Liberson (*Alcan Paris 1939*).
- L'automatisme psychologique — par Dr. Janet (*Alcan Paris 1921*).
- Psychologie des idées-forces — par Alfred Fouillée (*Alcan Paris 1921*).
- Maîtrise de soi-même par Autosuggestion consciente — par Emile Coué (*Oliven Paris 1922*).
- L'arrivisme par Ossip-Lourié (*Paris 1929*).
- Education de la volonté — par J. Payot (*Alcan Paris 1921*).
- Le Travail intellectuel et la volonté (*Alcan Paris 1921*).
- L'exercice de la volonté — par Dwelshauvers (*Payot Paris 1935*).
- Les miracles de la volonté (*Paris 1927*).
- L'art de se gouverner — par Dr. Viguiier (*Paris 1937*).
- Le livre rénovateur des déprimés — par P. C. Jagot (*Drouin Paris 1928*).
- Education des forces nerveuses par la méthode des Yogis de l'Inde. (*Paris 1922*).
- Comment devenir énergique ? — par Dr. W. Gerhardt, *Leipzig*.
- Pour acquérir la volonté et posséder l'énergie — par Dangeunes.

- L'acte de vouloir — par Dr. Toulouse
(*Paris* 1925)
- Maîtrise de soi — par Ch. Richet (*Revue
des deux mondes* 1925).
- Entraînement au courage — par P. Sou-
riau (*Alcan Paris* 1926).
- Hymne à la vie — par Dr. Arthus (*Oli-
ven Paris* 1937)
- L'homme devant la médecine — par Dr
J Arrü Blachette.
- La vie. Encyclopédie frse. tome IV
Daniel.
- Ce qui meurt et ce qui naît — par Dan-
eil Rops *Plon (Paris* 1937)
- De la souffrance à la plénitude par
Keyserling
- La révolution mondiale et la respon-
sabilité de l'esprit *Kerserling* — par *Stock
Paris* 1936.
- La volonté du bonheur par Otto Rank
(*traduit de l'allemand*)
- Les conceptions de vie — par Hoffding
(*Stock Paris* 1934)



Đang soạn

YÊU ĐỜI

của P. N. KHUÊ

Yêu đời không phải là một luận-thuyết nữa.

Yêu đời là một bản đờn tha thiết và khảng-khái của một tâm hồn giải-phóng.

Yêu đời là một bài thơ rất giản dị, rất thâm-trầm để ca ngợi đời sống ở xung quanh ta.

Yêu đời là một lưỡi dao rất bén để chém đứt hết những phiền-muộn nhỏ-nhất hằng ngày.

Yêu đời là một người bạn-đường can-đảm và sáng-suốt cho tất cả những khách bộ-hành mỗi-một hoặc lữ-ngữ trên đường đời.

Yêu đời là một cuốn sách không thể bỏ qua được.

Hàn Thuyên [xuất bản

REV. J. W. WALKER, D.D.,

NEW YORK,

1850.

Dear Sir,
I have the honor to acknowledge
the receipt of your letter of the
10th inst. in relation to the
above named work. I have
been very glad to hear from
you, and I am sure that
the work will be well
received. I have no objection
to its being published, and
I am sure that it will be
of great value to the
Church.

Yours very truly,
J. W. Walker

HAN - THUYEN XUAT BAN CUC

ĐÃ XUẤT BẢN

Một sức khỏe mới	(0\$40)	
quyển đầu trong bộ Sức khỏe mới.		P N. KHUÊ
Một chuỗi cười	(0\$60)	
tiền thuyết trào phúng		ĐỒ PHỒN
Một kiến đơ đầy	(0\$60)	
tiền thuyết xã hội		T. TUU
Chiếc lư đồng mắt cua	(0\$65)	
từ hút		NG. TUÂN
Nguồn sinh lực	(0\$45)	
quyển II trong bộ Sức khỏe mới		P N. KHUÊ
Ngoại ô	(0\$90)	
tiền thuyết nhân sự		NG. Đ LẠP
Thăng cư Sơ	(0\$80)	
tiền thuyết phong tục		NG. Đ. QUỲNH
Nghị lực	(1\$00)	
quyển III trong bộ Sức khỏe mới		P N. KHUÊ

SẴP XUẤT BẢN

Bút nghiên (tiền thuyết thi cử).	CHU THIÊN
Thăng Phương (tiền thuyết).	NG Đ QUỲNH
Ông Ký Cóp (hài kịch)	VI HUYỀN ĐẶC
Yêu đời (bộ Sức khỏe mới).	P. N. KHUÊ
Việt Nam cổ văn học sử. (khảo cứu)	ĐÔNG CHI

71, PHO TIEN - TSIN — HANOI